

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**

# **BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**QUYỀN I**

*(IN LẦN 3)*

Hội đồng tự đánh giá  
Trường Đại học KTCN  
**Chủ tịch**

**Thái Nguyên, tháng 10 năm 2005**

# MỤC LỤC

	Trang
<b>Phần A: GIỚI THIỆU CHUNG</b>	1
<b>I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG</b>	1
<b>II. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG</b>	1
11. <i>Khái quát về lịch sử Nhà trường</i>	3
12. <i>Cơ cấu tổ chức của Nhà trường</i>	3
13. <i>Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nhà trường</i>	4
14. <i>Tổng số cán bộ của Trường</i>	4
<b>III. CÁC LĨNH VỰC ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG</b>	4
15. <i>Các chương trình đào tạo</i>	4
16. <i>Các loại hình đào tạo của Trường</i>	5
17. <i>Tổng số khoa đào tạo</i>	5
18. <i>Tổng số chuyên ngành đào tạo</i>	5
<b>CÁN BỘ GIẢNG DẠY</b>	5
19. <i>Tổng số cán bộ giảng dạy</i>	5
20. <i>Tuổi trung bình của cán bộ giảng dạy</i>	5
21. <i>Số cán bộ giảng dạy có học hàm, học vị</i>	5
22. <i>Tỷ lệ sinh viên chính quy trên một giáo viên có biên chế</i>	5
23. <i>Số lượng CBGD tham gia NCKH</i>	5
<b>SINH VIÊN</b>	5
24. <i>Tổng số học sinh thi vào trường, số sinh viên được tuyển</i>	5
25. <i>Tổng số sinh viên các hệ đào tạo của Trường</i>	6
27. <i>Tổng số sinh viên Quốc tế</i>	6
28. <i>Tỷ lệ sinh viên có chỗ ở trong KTX</i>	6
29. <i>Số lượng sinh viên tham gia NCKH</i>	6
<b>CƠ SỞ VẬT CHẤT, THƯ VIỆN, TÀI CHÍNH</b>	6
30. <i>Tổng diện tích đất sử dụng của Trường</i>	6
31. <i>Diện tích sử dụng</i>	6
32. <i>Số thư viện thuộc trường</i>	7
33. <i>Tổng số máy tính toàn trường</i>	7
34. <i>Tổng kinh phí Nhà nước cấp cho 5 năm gần nhất</i>	7
35. <i>Tổng số học phí</i>	7
<b>Phần B: BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ</b>	8
36. <i>Đặt vấn đề</i>	8
37. <i>Tự đánh giá theo từng Tiêu chuẩn</i>	10
TIÊU CHUẨN 1: <i>Sứ mạng và mục tiêu của Trường ĐH KTCN</i>	11
TIÊU CHUẨN 2: <i>Tổ chức và quản lý</i>	12
TIÊU CHUẨN 3: <i>Chương trình đào tạo</i>	13

TIÊU CHUẨN 4: Các hoạt động đào tạo	15
TIÊU CHUẨN 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên	16
TIÊU CHUẨN 6: Người học	18
TIÊU CHUẨN 7: NCKH và phát triển công nghệ	20
TIÊU CHUẨN 8: Hoạt động hợp tác Quốc tế	21
TIÊU CHUẨN 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác	22
TIÊU CHUẨN 10: Tài chính và quản lý tài chính	24
<i>38. Tự đánh giá theo từng tiêu chí</i>	26
TIÊU CHÍ 1.1: Sứ mạng của Nhà trường được xác định rõ ràng, phù hợp với chức năng và nhiệm vụ	26
TIÊU CHÍ 1.2: Mục tiêu của Nhà trường được định kỳ rà soát, điều chỉnh và quán triệt thực hiện	28
TIÊU CHÍ 2.1: Cơ cấu tổ chức của Trường đúng quy định, được cụ thể hoá trong tổ chức và hoạt động	29
TIÊU CHÍ 2.2: Có hệ thống văn bản tổ chức, quản lý các hoạt động của Nhà trường	31
TIÊU CHÍ 2.3: Trách nhiệm, quyền hạn của tập thể lãnh đạo và cá nhân	32
TIÊU CHÍ 2.4: Nhà trường có chiến lược và kế hoạch phát triển	33
TIÊU CHÍ 2.5: Tổ chức Đảng và các đoàn thể trong trường hoạt động có hiệu quả, tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ	35
TIÊU CHÍ 3.1: Xây dựng chương trình ĐT theo chương trình khung của Bộ	36
TIÊU CHÍ 3.2: Chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực, thị trường lao động	38
TIÊU CHÍ 3.3: Các chương trình ĐT được bổ xung và điều chỉnh thường xuyên	39
TIÊU CHÍ 3.4: Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng liên thông	40
TIÊU CHÍ 4.1: Đa dạng hoá các phương thức đào tạo	42
TIÊU CHÍ 4.2: Chế độ công nhận kết quả theo học phần và ĐT theo tín chỉ	44
TIÊU CHÍ 4.3: Đổi mới PP dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu	45
TIÊU CHÍ 4.4: Phương pháp đo lường, đánh giá thi và kiểm tra	46
TIÊU CHÍ 4.5: Kết quả học tập được thông báo công khai, kịp thời, chính	47

xác và an toàn	
TIÊU CHÍ 5.1: Trường Đại học KTCN có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ	49
TIÊU CHÍ 5.2: Đội ngũ cán bộ quản lý, GV và NV được đảm bảo quyền DC	51
TIÊU CHÍ 5.3: Chính sách và biện pháp cho hoạt động chuyên môn NV	52
TIÊU CHÍ 5.4; Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức và có đủ năng lực chuyên môn	53
TIÊU CHÍ 5.5: Có đủ số lượng giảng viên, cơ cấu đội ngũ hợp lý	54
TIÊU CHÍ 5.6: Đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu	55
TIÊU CHÍ 5.7: Đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm và được trẻ hoá	56
TIÊU CHÍ 5.8: Kế hoạch và PP đánh giá các hoạt động giảng dạy	57
TIÊU CHÍ 5.9: Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên	58
TIÊU CHÍ 5.10: Nhân viên thư viện đủ về số lượng, đạt chuẩn về nghiệp vụ	59
TIÊU CHÍ 6.1: Đảm bảo người học được hướng dẫn đầy đủ về mục tiêu, chương trình đào tạo	60
TIÊU CHÍ 6.2: Người học được bảo đảm các chế độ chính sách xã hội	61
TIÊU CHÍ 6.3: Công tác rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho người học	63
TIÊU CHÍ 6.4: Công tác Đảng, Đoàn thể với người học	65
TIÊU CHÍ 6.5: Các biện pháp cụ thể để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học	67
TIÊU CHÍ 6.6: Người học hiểu biết và tôn trọng luật pháp, đường lối của Đảng và Nhà nước	68
TIÊU CHÍ 6.7: Người học có đạo đức, lối sống lành mạnh, có tinh thần trách nhiệm cao	68
TIÊU CHÍ 6.8: Hoạt động hỗ trợ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo	69
TIÊU CHÍ 6.9: Tỷ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp	70
TIÊU CHÍ 7.1: Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động KH&CN	72
TIÊU CHÍ 7.2: Số lượng đề tài, dự án đã thực hiện và nghiệm thu	73
TIÊU CHÍ 7.3: Số lượng các bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành	75
TIÊU CHÍ 7.4: Các hoạt động khoa học và công nghệ có giá trị ứng	

dụng để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội	76
TIÊU CHÍ 7.5: Các hoạt động khoa học và công nghệ gắn với đào tạo	77
TIÊU CHÍ 8.1: Các hoạt động Hợp tác Quốc tế được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước	79
TIÊU CHÍ 8.2: Các hoạt động HTQT về đào tạo, trao đổi giảng viên và người học	80
TIÊU CHÍ 8.3: Các hoạt động HTQT về NCKH	81
TIÊU CHÍ 9.1: Thư viện	82
TIÊU CHÍ 9.2: Phòng thực hành thí nghiệm	83
TIÊU CHÍ 9.3: Trang thiết bị	85
TIÊU CHÍ 9.4: Đủ thiết bị tin học phục vụ giảng dạy, NCKH, lãnh đạo QL	86
TIÊU CHÍ 9.5: Đủ diện tích lớp học, KTX, sân bãi cho hoạt động VN, TDTT	87
TIÊU CHÍ 9.6: Quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất	88
TIÊU CHÍ 9.7: Bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, nhân viên và người học	89
TIÊU CHÍ 10.1: Có giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp.	91
TIÊU CHÍ 10.2: Công tác lập kế hoạch tài chính được chuẩn hoá, công khai hoá, minh bạch và đúng quy định	93
TIÊU CHÍ 10.3: Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả	95

# BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

Ngày 15 tháng 10 năm 2005

Loại đánh giá: Cấp trường

## Phần A GIỚI THIỆU CHUNG

### I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG

- 1. Tên trường:** Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên
- 2. Tên viết tắt:** ĐH KTCN
- 3. Tên trước đây:**
  - Trường Đại học Cơ điện (Thời kỳ 1965 - 1978)
  - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Việt Bắc (Thời kỳ 1978 - 1982)
  - Trường Đại học Công nghiệp Thái Nguyên (Thời kỳ 1982 - 1994)
  - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (Thời kỳ 1994 tới nay)
- 4. Cơ quan chủ quản:** Bộ GD&ĐT
- 5. Địa chỉ trường:** Đường 3-2 TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên
- 6. Số điện thoại liên hệ:** 0280.847 145; Fax: 0280 847 403
- 7. Năm thành lập trường:** Năm 1965, theo Quyết định 164/CP của Chính phủ ngày 19 tháng 08 năm 1965 do Phó thủ tướng Nguyễn Duy Trinh ký.
- 8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa thứ nhất:** Tháng 12 năm 1965
- 9. Thời gian cấp bằng cho khóa thứ nhất:** Tháng 11 năm 1970
- 10. Loại hình trường:** Công lập

### II. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG

#### 11. Khái quát về lịch sử Nhà trường

Ra đời năm 1965 do yêu cầu của lịch sử cách mạng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thời kỳ đó, chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ leo thang ra Miền Bắc, các trường Đại học ở Thủ đô phải di sơ tán tại các tỉnh miền núi để tránh thiệt hại về người và của. Điều kiện đào tạo rất khó khăn nhưng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật phục vụ cho đất nước rất cấp thiết. Và đó cũng là điều kiện, hoàn cảnh ra đời của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp ngày nay.

Những ngày đầu thành lập, Trường mang tên **Phân hiệu Đại học Bách Khoa** tại Thái Nguyên với sứ mạng là đào tạo cán bộ kỹ thuật trình độ đại học cho khu vực. Các ngành đào tạo ban đầu của Nhà trường là Cơ khí, Điện, Luyện kim - Cán thép. Tháng 12 năm 1966, Trường có Quyết định chính thức với tên là **Trường Đại học Cơ điện**. Qua nhiều giai đoạn lịch sử, Trường được đổi tên nhiều lần và từ năm 1994 đến nay, Trường mang tên **Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp**. Từ khi thành lập đến nay, Trường đóng trên địa bàn xã Tích Lương - Thành phố Thái Nguyên với khuôn viên 50 ha, có cảnh quan và môi

trường rất đẹp, cạnh quốc lộ 3 nối Hà Nội - Thái Nguyên, thuận lợi về giao thông bằng đường sắt, đường bộ và đường hàng không (cách sân bay quốc tế Nội Bài 40 km), đây là địa điểm lý tưởng của một trường đại học theo các chuẩn mực hiện nay.

Những năm đầu khi mới thành lập, Trường đào tạo 2 ngành kỹ thuật chính là Cơ khí và Điện, trong những năm gần đây Nhà trường đang đào tạo 14 ngành với các hệ đào tạo: Cao đẳng, Đại học, Thạc sỹ, Tiến sỹ, được tổ chức đào tạo tại 6 Khoa, Ban chuyên môn.

STT	Khoa / Ban	Ngành	Năm bắt đầu đào tạo
1	<b>Cơ khí</b>	Chế tạo máy	1965
2		Luyện kim - Cán thép	1965
3		Kỹ thuật Môi trường	2004
4		Kỹ thuật Xây dựng	2005
5	<b>Động lực</b>	Cơ khí động lực	1989
6	<b>Điện</b>	Tự động hóa - Cung cấp điện	1965
7		Hệ thống điện	1990
8	<b>Điện tử</b>	Điện tử viễn thông	2004
9		Kỹ thuật Máy tính	2002
10		Đo lường - Điều khiển	1996
11	<b>Sư phạm kỹ thuật</b>	SPKT Cơ khí	1996
12		SPKT Điện	1996
13	<b>Khoa kinh tế Công nghiệp</b> (Chuyển sang Trường ĐH Kinh tế 9 / 2004)	Kế toán Doanh nghiệp	1998
14		Quản trị kinh doanh	1998

Nhìn vào bảng trên ta thấy 5 năm trở lại đây, Trường đã chuẩn bị đầy đủ về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên và các điều kiện cần thiết khác để mở thêm 7 ngành đào tạo mới đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước.

Trong 25 năm đầu tồn tại, mỗi năm Nhà trường tuyển sinh khoảng 400 sinh viên, tương ứng với quy mô đào tạo toàn trường gần 2.000 sinh viên. Bước vào thời kỳ đổi mới, do nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực khoa học công nghệ cho sự nghiệp Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá ngày càng cao, Nhà trường được Bộ giao chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm tăng khoảng 10%. Đặc biệt, chỉ trong 5 năm (2001 - 2005), quy mô đào tạo của Trường tăng gần 2 lần. Hiện nay, Trường có quy mô gần 10.000 sinh viên (hệ chính quy hơn 5034 sinh viên; hệ không chính quy 4512 sinh viên, sau đại học 156 học viên). Tính đến năm 2005, Nhà trường đã đào tạo và cung cấp cho đất nước gần 30.000 lao động có trình độ Đại học và Sau đại học, gần 10.000 KTV học với nhiều chuyên ngành khác nhau: Cơ khí Chế tạo máy, Cơ khí Động lực, Cơ khí Luyện kim, Điện, Điện tử - viễn thông, Công nghệ thông tin, Kinh tế.v.v.

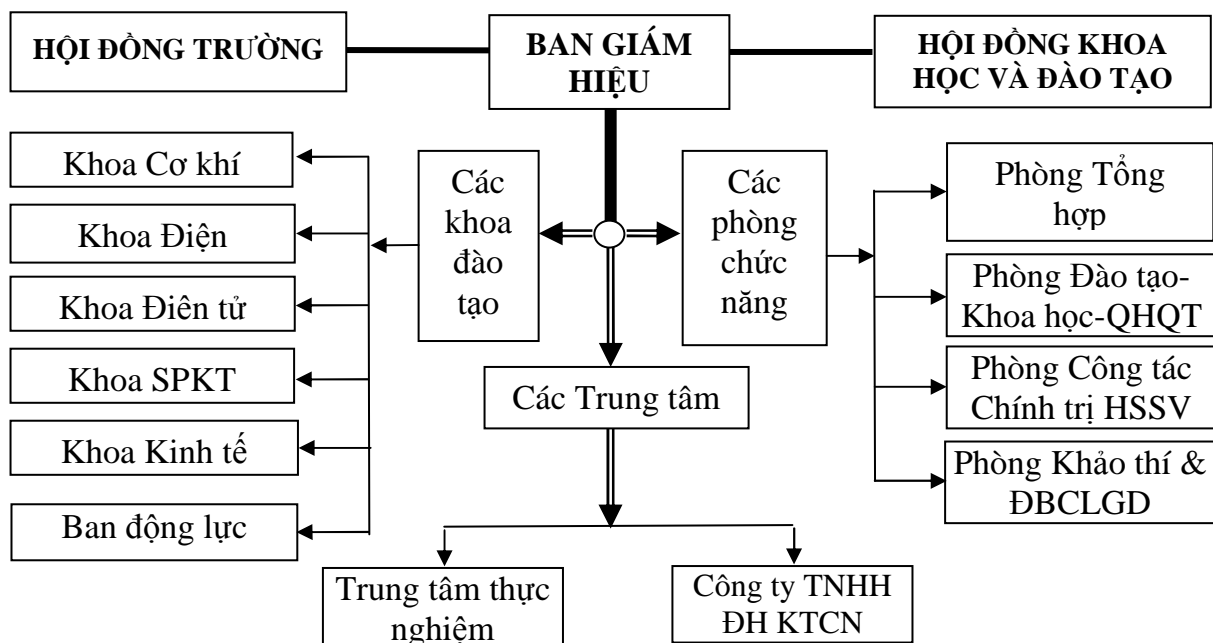
Trong số cán bộ KHKT, nghiệp vụ do Trường đào tạo có nhiều người là con em các dân tộc ít người.

Trong 40 năm qua, công tác xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho nhiệm vụ đào tạo, NCKH và mọi hoạt động khác đã được Nhà trường chú ý. Mặc dù hơn 10

năm qua (từ năm 1994), do nằm ngoài quy hoạch của Đại học Thái Nguyên, Trường không được Nhà nước cấp kinh phí xây dựng, bằng sự cố gắng nỗ lực, huy động mọi nguồn vốn và sức lao động của các thể hệ cán bộ, giảng viên và HSSV, tiết kiệm mọi nguồn kinh phí đặc biệt kinh phí học phí, đến nay Nhà trường đã xây dựng được gần 30.000m<sup>2</sup> nhà cao tầng, gần 6.000m<sup>2</sup> nhà cấp 4 và hơn 2.500m<sup>2</sup> nhà xưởng. Có 14 phòng thí nghiệm, 3 phòng thực hành với hàng trăm máy móc thiết bị. Có hệ thống máy vi tính, phòng học tiếng, thư viện điện tử hiện đại với gần 100.000 cuốn sách (trong đó có 20.000 cuốn sách ngoại văn), 170 tạp chí gồm cả ngoại văn và Tiếng Việt. Thư viện có khả năng truy cập Internet và truy cập vào thư viện của các trường Đại học lớn trong và ngoài nước. Nhà trường có cảnh quan, môi trường xanh, sạch đẹp. Cơ sở vật chất này đã giúp Nhà trường thực hiện những nhiệm vụ đào tạo, NCKH trong suốt 40 năm qua và vẫn có thể đáp ứng những nhiệm vụ đặt ra trong thời gian tới. Có thể khẳng định rằng, cơ sở vật chất của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp có thể sánh với những trường đại học hàng đầu Việt Nam.

Với những thành tích to lớn và rất đáng tự hào mà các thể hệ cán bộ viên chức, giảng viên và HSSV Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đạt được trong suốt 40 năm qua đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận và tặng thưởng Nhà trường nhiều danh hiệu cao quý: Huân chương Lao động hạng 3, Huân chương Lao động hạng 2, Huân chương Lao động hạng nhất. Đặc biệt, do những thành tích xuất sắc mà Trường đã đạt được trong 5 năm gần đây, Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng 2 Huân chương Độc lập (Huân chương Độc lập hạng 3 năm 2002, Huân chương Độc lập hạng nhì năm 2005).

## 12. Cơ cấu tổ chức của Nhà trường





### 13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nhà trường

Đơn vị	Họ và tên	Tuổi	Học hàm, học vị
<b>1. Ban Giám hiệu</b>			
Hiệu trưởng	Nguyễn Đăng Bình	54	PGS.TS.NGƯT
Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Đăng Hòa	47	PGS.TS
Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Như Hiến	52	TS.GVC
Phó Hiệu trưởng	Lê Văn Trang	60	TS.GVC
Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Văn Vị	52	TS.GVC
<b>2. Bí thư Đảng ủy</b>	Nguyễn Đăng Bình	54	PGS.TS.NGƯT
<b>3. Chủ tịch Công đoàn</b>	Phạm Trọng Hoạch	54	ThS.GVC
<b>4. Bí thư Đoàn TNCSHCM</b>	Nguyễn Thanh Hà	35	TS.GVC
<b>5. Trưởng Ban nữ công</b>	Hoàng Thị Chiến	53	ThS.GVC
<b>6. Chủ tịch Hội Sinh viên</b>	Nguyễn Đình Yên	28	KS
<b>7. Các Phòng chức năng</b>			
- Phòng ĐT-KH-QHQT	Phan Quang Thế	48	TS.GVC
- Phòng Tổng hợp	Lâm Tự Tiến	60	ThS.GVC
- Phòng CTCT - HSSV	Phạm Đức Ngọc	49	KS.GVC
- Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Trần Minh Đức	43	TS.GVC
<b>8. Các Trung tâm</b>			
- Trung tâm thực nghiệm	Nguyễn Quốc Hùng	47	ThS
- Công ty TNHH ĐH KTCN	Ngô Quang Tạo	63	CN
<b>9. Các Khoa</b>			
- Khoa Cơ khí	Vũ Quý Đạt	50	TS.GVC
- Khoa Điện	Nguyễn Mạnh Tùng	44	TS.GVC
- Khoa Điện tử	Nguyễn Hữu Công	43	TS.GVC
- Khoa Sư phạm kỹ thuật	Dương Phúc Tý	57	TS.GVC
- Ban Động lực	Nguyễn Kim Bình	50	ThS.GVC
- Khoa Kinh tế	Mai Văn Gụ	48	ThS.GVC

### 14. Tổng số cán bộ của Trường (tính đến ngày 1 tháng 10 năm 2005)

- Tổng số: 405 (Cán bộ trong biên chế: 237, cán bộ hợp đồng dài hạn: 168)
- Nam: 236
- Nữ: 169

## III. CÁC LĨNH VỰC ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG

### 15. Các chương trình đào tạo

- Hệ Cao đẳng: Cơ khí Chế tạo máy; Điện; Công nghệ thông tin.
- Hệ Đại học: Cơ khí Chế tạo máy; Cơ khí động lực; Cơ khí Luyện kim - Cán thép; Tự động hóa - Cung cấp điện; Hệ thống điện; Điện tử Viễn thông; Kỹ thuật điện tử; Kỹ thuật Đo lường - Điều khiển; Kỹ thuật máy tính; Sư phạm KT Cơ khí; Sư phạm KT Điện; Sư phạm KT Tin học, Kế toán Doanh nghiệp, Quản trị doanh nghiệp.

Hệ thạc sỹ: Công nghệ Chế tạo máy; Tự động hóa xí nghiệp Công nghiệp;  
Cơ kỹ thuật; Thiết bị mạng - Nhà máy điện.

Hệ Tiến sỹ: Cơ khí Chế tạo máy.

**16. Các loại hình đào tạo của Trường:**

- Chính quy
- Không chính quy
- Liên thông
- Hoàn chỉnh kiến thức

**17. Tổng số khoa, ban đào tạo: 6**

**18. Tổng số chuyên ngành đào tạo: 14**

## CÁN BỘ GIẢNG DẠY

(Trực tiếp giảng dạy trong 5 năm lại đây)

**19. Tổng số cán bộ giảng dạy: 372**

- Cơ hữu: 348 ( Nam: 264; Nữ: 84 )
- Biên chế: 252 Hợp đồng: 96 (chỉ tính dài hạn)
- thỉnh giảng: 24

**20. Tuổi trung bình của cán bộ giảng dạy: 36,9**

**21. Số cán bộ giảng dạy có học hàm, học vị:**

- GS / PGS: 8
- TSKH / TS: 32
- Thạc sỹ: 144
- Kỹ sư, Cử nhân: 172

**22. Tỷ lệ sinh viên chính quy trên một giảng viên có biên chế:** Tính đến thời điểm hiện nay tỷ lệ này là 17 SV / GV

**23. Số lượng CBGD tham gia NCKH:** (Tính theo số báo cáo khoa học từ cấp trường trở lên trong 5 năm gần nhất)

- Số CBGD có 1 báo cáo khoa học: 128
- Số CBGD có 2 báo cáo khoa học: 75
- Số CBGD có 3 báo cáo khoa học: 52
- Số CBGD có 4 báo cáo khoa học: 37
- Số CBGD có 5 báo cáo khoa học trở lên: 18

## SINH VIÊN

**24. Tổng số học sinh thi vào trường, số sinh viên được tuyển vào trường trong 5 năm gần đây nhất:** (Hệ chính quy)

Năm 2001	Số đăng ký dự thi: 13.780	Số nhập học: 1036
Năm 2002	Số đăng ký dự thi: 15.272	Số nhập học: 928
Năm 2003	Số đăng ký dự thi: 14.549	Số nhập học: 1081
Năm 2004	Số đăng ký dự thi: 14.425	Số nhập học: 1220
Năm 2005	Số đăng ký dự thi: 15.355	Số nhập học: 1280

**25. Tổng số sinh viên các hệ đào tạo của Trường** (5 năm gần đây nhất)

Năm học	Cao đẳng chính quy	Đại học		Cao học	NCS
		Chính quy	Không CQ		
Năm 2001					
- Nam	519	3105	2243	36	
- Nữ	129	358	110	6	
- Tổng	648	3463	2353	42	
Năm 2002					
- Nam	463	3453	2974	68	
- Nữ	99	415	199	14	
- Tổng	562	3868	3173	82	
Năm 2003					
- Nam	344	3836	3794	102	
- Nữ	86	501	286	21	
- Tổng	430	4337	4080	123	
Năm 2004					
- Nam	201	4017	4110	129	1
- Nữ	13	282	213	31	0
- Tổng	214	4299	4323	160	1
Năm 2005					
- Nam	90	4621	4162	119	1
- Nữ	5	318	350	36	0
- Tổng	95	4939	4512	155	1

**27. Tổng số sinh viên Quốc tế:** Không có

**28. Tỷ lệ sinh viên có chỗ ở trong KTX** (5 năm gần nhất): 32%

**29. Số lượng sinh viên tham gia NCKH** (5 năm gần nhất):

- Số sinh viên làm tiểu luận - bài tập lớn (cấp bộ môn): 100%
- Số sinh viên làm tiểu luận - đồ án môn học: 100%
- Số sinh viên làm khóa luận - đồ án tốt nghiệp: 80%
- Số sinh viên tham gia thi OLYMPIC Quốc gia Cơ học, Tin học... : 350 lượt
- Số sinh viên dự thi sáng tạo ROBOCON: 150 lượt
- Số đề tài NCKH sinh viên: 45 đề tài
- Số sinh viên đạt giải VIFOTEC: 10

**CƠ SỞ VẬT CHẤT, THƯ VIỆN, TÀI CHÍNH**

**30. Tổng diện tích đất sử dụng của Trường:** 50 ha (500.000m<sup>2</sup>)

**31. Diện tích sử dụng:**

- Nơi làm việc: 6.860m<sup>2</sup>
- Phòng học, giảng đường: 6.700m<sup>2</sup>
- Nơi vui chơi giải trí (có mái che): 378m<sup>2</sup>
- Vườn hoa, cây cảnh: 22.500m<sup>2</sup>

- 32. Số thư viện thuộc trường:** 01
- 33. Tổng số máy tính toàn trường:** 550 bộ, trong đó:
- Dùng cho văn phòng: 80 bộ
  - Dùng cho sinh viên học tập: 470 bộ
- 34. Tổng kinh phí Nhà nước cấp cho 5 năm gần nhất:**
- Năm 2001 11 415,943 Triệu VNĐ
  - Năm 2002 11 692,600 Triệu VNĐ
  - Năm 2003 14 235,622 Triệu VNĐ
  - Năm 2004 15 594,059 Triệu VNĐ
  - Năm 2005 20 992,094 Triệu VNĐ
- 35. Tổng số học phí:** Chỉ tính hệ chính quy 5 năm gần đây nhất:
- Năm 2001 6 549,789 Triệu VNĐ
  - Năm 2002 8 289,900 Triệu VNĐ
  - Năm 2003 8 425,360 Triệu VNĐ
  - Năm 2004 8 648,600 Triệu VNĐ
  - Năm 2005 8 049,000 Triệu VNĐ

## Phần B

# BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

### 36. Đặt vấn đề

Đảm bảo chất lượng đào tạo là sự sống còn của một trường đại học và đã được Nhà trường chú trọng từ lâu. Trong các Nghị quyết của các kỳ Đại hội Đảng bộ đều đưa ra nhiệm vụ của toàn Đảng bộ và của Nhà trường là nâng cao chất lượng đào tạo. Những năm trước đây, khi chưa có Bộ tiêu chí đánh giá kiểm định chất lượng đào tạo tạm thời của Việt Nam thì Nhà trường đã tham khảo các bộ tiêu chí đánh giá kiểm định chất lượng của nước ngoài và phần đầu xây dựng, định hướng quá trình đào tạo theo các chuẩn mực này. Chính vì vậy, ngay khi có chủ trương của Bộ GD&ĐT về việc chọn 10 trường Đại học vào thí điểm kiểm định chất lượng đợt đầu tiên, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã rất tự tin và chủ động đề xuất được tham gia vào đợt kiểm định đầu tiên này. Là một trường thành viên của Đại học vùng - Đại học Thái Nguyên, với lịch sử 40 năm xây dựng và trưởng thành, Nhà trường đã xác định và đánh giá được những thuận lợi và khó khăn khi trường tham gia vào quá trình Kiểm định chất lượng:

#### \* **Thuận lợi:**

- Trước khi có Bộ tiêu chuẩn tạm thời của Bộ GD&ĐT về các tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng, Nhà trường đã có các nghiên cứu cụ thể về các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo, các biện pháp đảm bảo chất lượng đào tạo trên cơ sở các bộ tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng của nước ngoài như của ONESQA của Thailand; Cb. 3 /1998 của EU; các tiêu chuẩn ĐBCL của Australia, Mỹ... Trên cơ sở đó Nhà trường đã có nhiều giải pháp cụ thể để phần đầu đạt được các chỉ tiêu quan trọng áp dụng cho các ngành đào tạo thuộc khối kỹ thuật công nghệ, như đổi mới công tác quản lý đào tạo, xây dựng đội ngũ giảng viên đạt các chuẩn mực, xây dựng cơ sở vật chất (lớp học, PTN, thực hành, KTX, phương tiện và thiết bị hỗ trợ dạy và học, xây dựng Thư viện điện tử hiện đại, xây dựng mạng máy tính nội bộ và mạng truy cập Internet), xây dựng trang Web giới thiệu về Trường, đẩy mạnh công tác quan hệ quốc tế trong đào tạo và NCKH, thành lập hệ thống thanh, kiểm tra đào tạo và đặc biệt đã thành lập phòng **Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo** trực thuộc Ban Giám Hiệu.

- Toàn thể CBVC và học sinh sinh viên được quán triệt và thống nhất trong nhận thức và hành động về mục đích của Kiểm định chất lượng - là một biện pháp quan trọng và hữu hiệu nhất để tăng cường chất lượng đào tạo.

- Quyết tâm của Ban lãnh đạo Nhà trường về việc đưa công tác đảm bảo chất lượng vào các mặt hoạt động của Trường. Trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá về Kiểm định chất lượng do Hiệu trưởng làm Chủ tịch Hội đồng.

- Khi chính thức tham gia vào nhóm các trường Kiểm định chất lượng đợt đầu, Nhà trường đã thực hiện ngay toàn bộ các công việc theo đúng tiến độ cả thời gian và nội dung công việc, từ việc cử các cán bộ tham gia các khoá đào tạo nghiệp vụ chuyên môn tại Hà Nội cũng như tại Thailand và Malaysia; thành lập Bộ phận chuyên trách về Khảo thí và Đảm bảo chất lượng của Nhà trường, bộ phận chuyên

môn này được bố trí các cán bộ có đủ năng lực chuyên môn và các cơ sở vật chất cần thiết để thực hiện công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng. Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 14 người do chính Hiệu trưởng làm Chủ tịch Hội đồng, tất cả các cán bộ chủ chốt trong trường là các uỷ viên. Điều quan trọng là việc thành lập 5 nhóm chuyên trách, mỗi nhóm phụ trách 2 tiêu chuẩn và mỗi nhóm này đều được một đồng chí Phó Hiệu trưởng có chuyên môn phù hợp với các tiêu chuẩn được phân công phụ trách.

Tất cả các nhóm chuyên trách đều có sự tham gia của Ban Giám Hiệu, các Phòng chức năng cũng như các Khoa chuyên môn. Mỗi thành viên trong các nhóm công tác đều được phân công tham gia vào 2 nhóm để hình thành cơ chế làm việc song song, nhằm chia sẻ thông tin và kinh nghiệm triển khai.

Mỗi một tiêu chí đều do một tổ 2 đến 3 người phụ trách với một đồng chí làm thư ký trưởng trường tiêu chí, như vậy mỗi một cá nhân trong các nhóm công tác đều có được thông tin của cả 53 tiêu chí. Đặc biệt quan trọng là không có thành viên nào phải trực tiếp tham gia quá 3 tiêu chí nhằm đảm bảo điều kiện về thời gian để các cá nhân này có khả năng thu thập đủ các minh chứng cần thiết cho chính các tiêu chí của mình. Như vậy, với 53 tiêu chí của Kiểm định chất lượng Nhà trường có 53 thư ký trưởng tiêu chí.

Các báo cáo tiêu chí đều được chuẩn bị công phu sau nhiều lần hoàn thiện và chỉnh sửa trong nhóm cũng như với các chuyên gia tư vấn của Bộ. Nhiều báo cáo tiêu chí có số lượng minh chứng lớn được viết và hoàn thiện sau rất nhiều lần chỉnh sửa, đặc biệt là các minh chứng cần phải có các kết quả thăm dò từ cựu sinh viên hay các nhà tuyển dụng, các cơ sở sản xuất công nghiệp có nhiều sinh viên tốt nghiệp đang làm việc.

Một công việc quan trọng là thu thập các minh chứng. Nhà trường đã nhận được sự hưởng ứng và tham gia rộng rãi của tất cả các thành phần, từ các phòng ban nơi lưu trữ hồ sơ, các khoa chuyên môn nơi lưu các dữ liệu về đào tạo và sinh viên, các đoàn thể quần chúng như Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản HCM, Hội Sinh viên cũng như các tổ chức xã hội và các cơ quan bên ngoài. Các dữ liệu về sinh viên ra trường được Nhà trường thu từ các Hội Cơ Điện - đây là tổ chức tự nguyện của các cựu sinh viên có mặt tại hầu như tất cả 64 tỉnh thành trong cả nước.

Một khâu quan trọng không thể không nhắc là kinh phí. Ngoài 3.000 USD từ dự án Giáo dục Đại học, Nhà trường còn nhận được sự trợ giúp kinh phí từ Đại học Thái Nguyên và đặc biệt Nhà trường đã chi thực tế cho tất cả các kinh phí phát sinh trong quá trình thực hiện Kiểm định chất lượng trên 100 triệu đồng.

Mặc dù các minh chứng có số lượng lớn và tần suất sử dụng cao, nhưng để người đọc các báo cáo tổng quan dễ tiếp cận và kiểm tra tính trung thực của các dữ liệu, chỉ các minh chứng lớn (vài chục trang A4) mới dùng hệ thống đường dẫn, còn phần lớn các minh chứng khác được photo toàn bộ kèm theo từng báo cáo tiêu chí.

Để cho việc tiếp cận minh chứng dễ dàng và nhanh chóng, trong Báo cáo này chúng tôi sử dụng phương pháp mã hoá minh chứng sau đây:

[x.y.α.β]

Trong đó: x: Số thứ tự Tiêu chuẩn (x chạy từ 1 tới 10)

$\gamma$ : Số thứ tự tiêu chí ( $\gamma$  chạy từ 1 tới 10)

$\alpha$ : Mức đạt của minh chứng ( $\alpha$  chạy từ 1 tới 2)

$\beta$ : Số thứ tự của minh chứng tính cho từng mức của tiêu chí.

Ví dụ: [2.3.2.6] là minh chứng thứ 6 đạt mức 2 cho tiêu chí 3 của tiêu chuẩn số 2.

**\* Khó khăn:**

- Cũng như các cơ sở giáo dục đại học khác của nước ta, công tác Kiểm định và Đảm bảo chất lượng tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp chưa có tiền lệ, chưa có đủ các văn bản pháp lý cũng như thực tế áp dụng và triển khai; công tác lưu trữ của Nhà trường chưa được chú ý đúng mức. Do đó, bước đầu khi triển khai thực hiện còn gặp nhiều khó khăn mang tính hành chính và khó khăn trong việc thu thập minh chứng cụ thể.

- Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là một trường thành viên của Đại học Thái Nguyên, cho nên nhiều hoạt động của Nhà trường còn bị động, phụ thuộc vào kế hoạch chung của Đại học từ khâu phân bổ kinh phí ngân sách, lập kế hoạch đào tạo, tuyển dụng cán bộ, mở rộng ngành nghề đào tạo.

- Tuy Đại học Thái Nguyên (là cơ quan quản lý trực tiếp của Trường) thành lập được Ban khảo thí và Kiểm định chất lượng ( 6/2004), nhưng cơ quan này chưa đủ thời gian và kinh nghiệm thực hiện các chức năng theo như quy định vì chưa đủ biên chế (có 2 người) và chuyên môn tương thích.

- Một khó khăn khách quan là thời gian thực hiện quy trình tự đánh giá khoảng **10 tháng** là quá ít so với khối lượng công việc cũng như yêu cầu chặt chẽ của quy trình tự đánh giá theo các văn bản hiện hành.

- Khó khăn nữa là Nhà trường thiếu các bộ chuyên trách đảm bảo quy trình tự đánh giá, cho nên cho đến thời gian hoàn thành bản báo cáo này hầu như các nội dung của quy trình tự đánh giá đều được thực hiện bởi các cán bộ lãnh đạo quản lý cũng như các giảng viên đang tham gia giảng dạy tại các khoa.

- Khó khăn chưa phải là cuối cùng là các văn bản hướng dẫn thực hiện quy trình tự đánh giá có nhiều điểm chưa rõ ràng nhất là các tiêu chí mang tính định lượng chính xác cho các trường vùng như Đại học Thái Nguyên mà Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là một thành viên.

**37. Tự đánh giá theo từng Tiêu chuẩn**

Là một trường Đại học Kỹ thuật với sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực khoa học công nghệ trình độ đại học phục vụ sự nghiệp Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước, cho nên ngay từ những ngày đầu thành lập Nhà trường đã kế thừa và phát huy những mặt mạnh của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội - nơi chi viện toàn diện và đồng bộ về mặt học thuật cũng như cơ sở vật chất cho việc ra đời Phân hiệu ĐH Bách khoa tại khu Gang thép Thái Nguyên-Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp ngày nay.

## TIÊU CHUẨN 1

### *Sứ mạng và mục tiêu của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp*

Ngay từ ngày đầu thành lập và trải qua 40 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp luôn xác định Sứ mạng của mình là: "**Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là một trung tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ cao trong lĩnh vực công nghiệp, đồng thời là trung tâm khoa học - công nghệ, phục vụ cho Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**".

Sứ mạng và mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã được xác định cụ thể bằng các Quyết định số 164-CP ngày 19/8/1965 của hội đồng chính phủ về việc mở phân hiệu Đại học Bách khoa tại khu Gang thép Thái Nguyên do Bộ Cơ khí và Luyện kim quản lý, Quyết định số 206/CP (1966) đổi tên phân hiệu Đại học Bách khoa thành trường Đại học Cơ Điện do Bộ Đại học và THCN quản lý, Quyết định số 31/CP ngày 4-4-1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên và Quyết định số 2103/GD-ĐT ngày 25/6/1997 của Bộ GD&ĐT quy định nhiệm vụ quyền hạn, tổ chức bộ máy của Đại học Thái Nguyên và các trường thành viên. Sứ mạng của Trường luôn luôn được rà soát và khẳng định qua các Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ các khóa và các kế hoạch công tác của các nhiệm kỳ Đảng ủy và Ban Giám Hiệu Nhà trường, sứ mạng và mục tiêu giáo dục của Trường đã được kịp thời xem xét bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của khu vực trung du, miền núi phía Bắc và cả nước (Sứ mạng và mục tiêu giáo dục của Nhà trường trong từng giai đoạn cụ thể được dẫn ra trong báo cáo tiêu chí [1.1.1.2] và các minh chứng kèm theo).

Trong 40 năm qua, thực hiện Sứ mạng, Nhà trường đã được xác định rất rõ ràng là đào tạo nguồn cán bộ kỹ thuật phục vụ cho công nghiệp với đối tượng đào tạo từ con em của cộng đồng các dân tộc Việt Nam (trong đó có đặc biệt chú ý đến con em các dân tộc ít người), nội dung đó xuyên suốt 40 năm xây dựng và phát triển Nhà trường. Sứ mạng đó rất phù hợp với chức năng, với các nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường. Từ chỗ quy mô đào tạo chỉ có 800 đến 1.200 HSSV với 5 ngành đào tạo đại học, chưa có đào tạo sau đại học, đến nay Nhà trường đã có gần 10.000 HSSV với 14 ngành đào tạo bậc Đại học, 4 ngành đào tạo bậc Thạc sĩ và 1 ngành đào tạo Tiến sĩ. Thực tế đã chứng minh là số kỹ sư, cử nhân và KTV do Nhà trường đào tạo ra trong những năm qua đã nhanh chóng tìm được việc làm phù hợp với chuyên môn và ngành nghề được đào tạo trong trường, khẳng định được bản lĩnh chính trị và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở mọi vị trí công tác trong các cơ quan Trung ương và địa phương, trong các công ty và các doanh nghiệp.

Trải qua 40 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã có 4 lần đổi tên, 2 lần sát nhập (Nhập trường trung học Công nghiệp miền núi vào Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Việt Bắc; nhập Trường vào Đại học Thái Nguyên), song Sứ mạng của Trường vẫn là sợi chỉ xuyên suốt để định hướng cho các mục tiêu và nhiệm vụ của Nhà trường trong từng thời kỳ và từng giai đoạn.



**Kết luận:** Sứ mạng và mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã được xác định rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường, đã đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực của địa phương và cả nước. Mục tiêu giáo dục đã được định kỳ xem xét, đánh giá về mức độ phù hợp với thực tiễn của khu vực và cả nước, dựa vào đó Nhà trường đã kịp thời bổ sung và điều chỉnh.

**Tự đánh giá:** 2 tiêu chí đạt mức 2.

## **TIÊU CHUẨN 2**

### **Tổ chức và quản lý**

Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp theo Nghị định 31/CP ngày 4 tháng 4 năm 1994 là trường thành viên của Đại học Thái nguyên. Các hoạt động của Trường theo quy định của Luật giáo dục, Điều lệ trường đại học và Quyết định 2103/GD-ĐT ngày 25/6/1997 của Bộ GD&ĐT về tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên. Theo Quyết định số 121/QĐ-TCCB ngày 24/7/1997 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên, Nhà trường đã sắp xếp lại từ 08 phòng và 01 ban thành 03 phòng chức năng (Tổng hợp; Đào tạo-Khoa học-Quan hệ quốc tế; CTCT-HSSV) có thể nói với quy mô đào tạo lúc đó, các quy định trên bước đầu là phù hợp với điều kiện thực tế. Đồng thời Nhà trường căn cứ vào quy chế hoạt động mới của các phòng chức năng, đã ban hành bản quy định nhiệm vụ cụ thể của từng phòng trong việc tham mưu giúp Ban Giám Hiệu. Các phòng chức năng đã nhanh chóng soạn thảo các văn bản về tổ chức quản lý theo từng mặt được giao để chỉ đạo hoạt động của các đơn vị đào tạo trong trường. Các văn bản về tổ chức quản lý này, sau khi được Ban Giám Hiệu Nhà trường duyệt, các phòng đã chủ động phổ biến và chỉ đạo hoạt động của các đơn vị trong trường đạt được hiệu quả tốt.

Ban Thường vụ Đảng uỷ và Ban Giám Hiệu đã phân công trách nhiệm lãnh đạo và chỉ đạo các mặt công tác cụ thể của Nhà trường cho các thành viên, phân công từng người phụ trách đối với từng phòng chức năng và từng khoa trong trường phù hợp với điều kiện và khả năng của mỗi người. Ví dụ đồng chí Bí thư Đảng uỷ, Hiệu trưởng ngoài chức trách nhiệm vụ là phụ trách chung các mặt hoạt động của Trường, còn được phân công phụ trách mảng công tác tuyên huấn, thi đua, tài chính, cơ sở vật chất, đồng thời được phân công trực tiếp chỉ đạo phòng Tổng hợp và khoa Cơ khí (nguyên là giảng viên khoa Cơ khí). Các đồng chí khác cũng được phân công cụ thể như vậy. Chính sự phân định rõ ràng về trách nhiệm và quyền hạn đó, đã có tác dụng tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý điều hành đối với các hoạt động của Nhà trường. Chủ tịch công đoàn, Bí thư Đoàn TNCS HCM Nhà trường đều là Đảng uỷ viên được quần chúng tin nhiệm bầu vào các chức vụ này.

Để làm cơ sở cho tăng quy mô đào tạo hợp lý, tuyển chọn và xây dựng đội ngũ giảng viên cũng như tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật của Nhà trường,...Dựa trên những định hướng lớn về phát triển GD&ĐT của Đảng và Chính phủ, của ngành và của Đại học Thái Nguyên, dựa vào nhu cầu nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật công nghiệp của khu vực và cả nước, Nhà trường đã tiến hành xây dựng các quy hoạch chiến lược trung hạn và dài hạn, từ các quy hoạch này, trong từng thời kỳ đã đề ra

kế hoạch phát triển ngắn hạn của Trường phù hợp với sự phát triển KT-XH của khu vực trung du và miền núi phía Bắc cũng như cả nước.

Trong quá trình xây dựng và phát triển Nhà trường, khi quy mô đào tạo tăng, NCKH và chuyển giao công nghệ được đẩy mạnh, với cơ cấu chỉ có ba phòng chức năng như hiện nay, mà trong một phòng có nhiều mảng công tác tương đối độc lập (Phòng tổng hợp có: Hành chính, tổ chức, quản trị, tài vụ, y tế, đời sống) do đó, phải có một trưởng phòng và 3 đến 4 phó phòng giúp việc. Cho nên yêu cầu sâu sát công việc của trưởng phòng còn bị hạn chế. Các quy hoạch xây dựng dựa vào các tiêu chuẩn quy định đòi hỏi đầu tư kinh phí rất lớn, do vậy tính khả thi còn thấp, chủ yếu là thiếu về kinh phí đầu tư.

**Kế hoạch:** Cơ cấu một trường Đại học phải có tối thiểu là 05 phòng và một số trung tâm, khi đó cán bộ lãnh đạo phòng có thể chỉ đạo sâu sát và làm tấm gương về chuyên môn nghiệp vụ cho quần chúng noi theo. Để phát triển Nhà trường vững mạnh cần có đầu tư thích đáng về kinh phí, góp phần đưa các quy hoạch chiến lược trung hạn và kế hoạch ngắn hạn có tính khả thi cao.

**Kết luận:** Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã được tổ chức và quản lý phù hợp với các quy định của Đại học Thái Nguyên, của Bộ GD&ĐT và của Nhà nước, phù hợp với các nguồn lực và điều kiện về cơ sở vật chất của Nhà trường. Nhà trường đã có kế hoạch và những biện pháp cụ thể để thực hiện có hiệu quả mục tiêu giáo dục của Trường đề ra.

**Tự đánh giá:** 5 tiêu chí đạt mức 2.

### **TIÊU CHUẨN 3**

#### **Chương trình đào tạo**

Hiện tại toàn bộ 14 chương trình đào tạo đại học của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã được biên soạn theo dự thảo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho khối ngành Kỹ thuật & công nghệ. Tất cả các chương trình đào tạo đều tuân thủ theo cấu trúc và khối lượng các học phần theo quy định, bao gồm các học phần thuộc khối giáo dục đại cương là 80 ĐVHT, các học phần khối cơ sở và chuyên ngành là 160 ĐVHT. Ngoài phần chung của khối ngành theo quy định, các học phần tự chọn được các Hội đồng xây dựng chương trình của Nhà trường phân tích và lựa chọn kỹ trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo tương đương của các trường Đại học Bách khoa Hà Nội, TP HCM, Đà Nẵng cũng như của một số chương trình đào tạo nước ngoài như trường Đại học Suranaree, Thái Lan; trường Đại học Bách Khoa Praha; trường Đại học Magdeburg-CHLB Đức; trường Đại học Tây Australia và điều kiện thực tế của Nhà trường cũng như yêu cầu của xã hội. Trong khi thiết kế các chương trình đào tạo, Nhà trường luôn quan tâm đến mối quan hệ giữa phần lý thuyết và thực hành, thí nghiệm trong chương trình chi tiết nhằm giúp cho sinh viên tốt nghiệp đạt được cả yêu cầu về kiến thức cũng như kỹ năng nghề nghiệp

Ngoài các chương trình đào tạo thông thường, Nhà trường cũng đã xây dựng 2 chương trình đào tạo theo các chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài cho các ngành Cơ khí và Điện dựa trên các chương trình đào tạo của trường Đại học Tây Australia, trường Đại học Bách khoa Praha CVUT.... Các chương trình này đang

chờ phê duyệt của Bộ GD&ĐT để triển khai thực hiện từ năm học 2006 - 2007. Nhà trường sẽ hoàn thành 2 chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao cho sinh viên các ngành Cơ khí chế tạo máy và Tự động hoá xí nghiệp công nghiệp tuyển sinh vào năm 2006.

Trên cơ sở các chương trình khung, các bộ môn được phân công biên soạn các chương trình chi tiết, xây dựng chương trình cho các môn học, học phần vừa đảm bảo tính cơ bản vừa cập nhật kiến thức mới từ nhiều nguồn thông tin như Internet, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo xuất bản trong và ngoài nước. Khoảng 40% giảng viên của Nhà trường hoặc có cơ sở sản xuất hiện đại riêng hoặc tham gia vào quá trình chuyển giao công nghệ trên phạm vi toàn quốc nên các chương trình đào tạo của Nhà trường mang tính thực tiễn cao đáp ứng được với nhu cầu của thị trường lao động và xã hội. Giảng viên bộ môn có trách nhiệm cung cấp đề cương chi tiết học phần cho sinh viên ngay từ buổi học đầu tiên. Kể từ tháng 10 năm 2003, toàn bộ các chương trình đào tạo được đưa lên Website của Nhà trường với nội dung đăng tải được cập nhật thường xuyên do 04 cán bộ chuyên trách về mạng và hệ thống phụ trách trực thuộc phòng Đào tạo.

Thông qua các cuộc trao đổi với doanh nghiệp, cựu HSSV, các trường trong Câu lạc bộ các trường Đại học kỹ thuật (14 trường), các Hội Cơ Điện trong cả nước, nhà tuyển dụng, các tổ chức xã hội, sinh viên, cũng như tham khảo các chương trình đào tạo kỹ thuật công nghệ của nước ngoài, Nhà trường định kỳ điều chỉnh chương trình đào tạo trong khối các môn tự chọn của Nhà trường. Do vậy mà các chương trình đào tạo hiện hành khá phù hợp với yêu cầu của công nghiệp và đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

Nhà trường đã hoàn thành dự thảo quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ cũng như vạch ra lộ trình tổ chức đào tạo. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Nhà trường lần thứ XI đã chỉ rõ toàn trường tập trung triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ cho sinh viên các khoá K41 và K42 từ năm học 2006-2007.

Các chương trình đào tạo của Nhà trường đã được thiết kế theo hướng liên thông, tuy nhiên Nhà trường mới triển khai đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học. Chương trình liên thông từ Trung học lên Cao đẳng cũng như từ Trung học lên Đại học đang trong giai đoạn chuẩn bị. Ngoài ra vấn đề liên thông ngang giữa các ngành khác nhau trong cùng trình độ đại học cũng được đặc biệt quan tâm khi xây dựng các chương trình đào tạo của Trường.

Tuy nhiên do chương trình đào tạo các khối ngành Kỹ thuật hiện chưa chính thức được phê duyệt, do đó một mặt Nhà trường sẽ căn cứ vào những hướng dẫn mới nhất của Bộ về công tác chương trình giáo trình để thiết kế chương trình sao cho tối ưu nhất, mặt khác theo dự án giáo dục đại học vừa được Chính phủ phê duyệt, Nhà trường sẽ chủ động phát huy tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm toàn diện của Nhà trường, trong đó có phần quan trọng là tự chủ các chương trình đào tạo.

**Kết luận:** Chương trình đào tạo của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành. Chương trình đào tạo của Trường đã phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, chương trình đào tạo của Trường đã gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu về nguồn nhân lực của thị trường lao động khu vực miền núi phía Bắc và cả nước.

**Tự đánh giá:** 4 tiêu chí đạt mức 2

## **TIÊU CHUẨN 4**

### ***Các hoạt động đào tạo***

Mười năm đầu thành lập (1965 - 1975), trường chỉ có một loại hình đào tạo duy nhất là chính quy tập trung. Sau năm 1975 khi đất nước thống nhất, nhu cầu đào tạo bắt đầu tăng, Nhà trường đã mở thêm các hệ chuyên tu tập trung và đào tạo tại chức. Tuy nhiên trước thời kỳ đổi mới, quy mô các hệ đào tạo không chính quy không đáng kể (khoảng 20% so với hệ chính quy). Hiện nay Nhà trường không tổ chức đào tạo hệ chuyên tu nữa, chỉ còn hệ Đại học tại chức và Đại học liên thông từ Cao đẳng. Số lượng sinh viên hệ không chính quy hiện nay là 4512 Sinh viên, gần bằng với số sinh viên hệ chính quy.

Mặc dầu các lớp đào tạo không chính quy đều mở ở xa trường - hầu như tất cả các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc đều có các điểm đào tạo không chính quy của Nhà trường nhưng Nhà trường luôn có các biện pháp phù hợp để bảo đảm nâng cao chất lượng hệ đào tạo không chính quy. Từ năm 2001 tới nay, chương trình đào tạo của hệ không chính quy là hoàn toàn giống chương trình hệ chính quy, các hình thức đánh giá kết quả học tập cũng giống nhau. Điểm khác nhau căn bản là tổ chức học cho hệ không chính quy được thực hiện mềm dẻo hơn, nhiều môn học được dạy theo hình thức học một lần là hết môn thay vì học xen kẽ như hệ chính quy. Với tính chất là trường Đại học Kỹ thuật, Nhà trường đã thiết kế nhiều Modul thí nghiệm nhỏ, độc lập, để có thể chuyên trở từ trường đến các cơ sở đào tạo được thuận lợi.

Ngay sau khi có quy chế 04/1999, Nhà trường đã triển khai thực hiện và tuân thủ nghiêm ngặt. Tất cả các lớp, các khoá (100%) thực hiện học chế này. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình chuyển đổi sang chế độ tích lũy học phần đã được các phòng chuyên môn trong trường giải quyết triệt để. Sau hơn 5 năm thực hiện chế độ tích lũy học phần, hiện nay toàn bộ các hệ thống văn bản, bảng biểu liên quan đều rõ ràng, minh bạch. Điều này sẽ giúp cho quá trình chuyển đổi sang đào tạo theo tín chỉ năm 2006 được thuận lợi.

Tăng quy mô đào tạo một cách hợp lý, đồng thời Nhà trường cũng có các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo. Một trong những biện pháp hiệu quả là đổi mới các phương pháp giảng dạy. Hàng năm, Nhà trường tổ chức nhiều khoá học nghiệp vụ về đổi mới phương pháp giảng dạy đại học do các chuyên gia đầu ngành của lĩnh vực thuyết trình. Tuy nguồn kinh phí KHCN có hạn, mỗi năm vẫn có hơn 10 đề tài NCKH về phương pháp giảng dạy được thực hiện. Tới nay hơn 75% các môn học có sử dụng một trong các phương pháp giảng dạy mới, trong số đó 100% có sử dụng các phương tiện tin học hỗ trợ.

Cách thức đánh giá trong thi rất đa dạng, cả thi viết và thi vấn đáp. Những năm trước khi quy mô học sinh chưa cao, chủ yếu là thi vấn đáp, hiện nay hình thức này áp dụng ít hơn, khoảng trên 60% các môn học dùng phương pháp thi tự luận.

Mỗi khoá học, các sinh viên phải thực hiện trên 10 bài tập lớn và đồ án môn học, nhiều môn học phải thí nghiệm thực hành, viết báo cáo thu hoạch làm cơ sở để cho phép sinh viên được dự thi.

Từ năm 2002 các khoá Cao đẳng bỏ hình thức đồ án tốt nghiệp, chỉ sử dụng thi tốt nghiệp. Các lớp Đại học vẫn đan xen, trong đó hơn 60% sinh viên được làm đồ án, số còn lại thi tốt nghiệp.

Lưu kết quả học tập của sinh viên theo 3 cấp từ Bộ môn, Khoa tới Phòng Đào tạo; các Quyết định tốt nghiệp và cấp phát văn bằng chứng chỉ lưu tại Phòng CTCT - HSSV. Các hệ thống sổ sách trên đầy đủ, rõ ràng, sẵn sàng phục vụ sinh viên. Từ trước tới nay chưa để xảy ra một trường hợp thất lạc văn bằng nào.

**Kế hoạch:** Sẽ bắt đầu đào tạo theo tín chỉ từ năm 2006 với một lộ trình thích hợp, hiện tại quá trình chuẩn bị cho đào tạo tín chỉ đã xong, từ khâu văn bản, mẫu biểu, tập huấn chuyên môn cho tới phần mềm đào tạo Edusoft.

Thí điểm tổ chức thi theo hình thức trắc nghiệm khách quan sẽ được thực hiện với những môn có đủ ngân hàng câu hỏi và các điều kiện thích hợp, phần đầu tới năm 2010 tất cả các môn thi được thực hiện bằng phương pháp này.

**Kết luận:** Các hoạt động đào tạo của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã được tổ chức theo quy trình và học chế mềm dẻo, nhờ đó đã phát huy được tính tích cực của người học, làm cơ sở cho vấn đề nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo toàn diện của Nhà trường.

**Tự đánh giá:** 1 tiêu chí đạt mức 1  
4 tiêu chí đạt mức 2

## TIÊU CHUẨN 5

### ***Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên***

Nhà trường có Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật và tuyển dụng CBVC. Dựa vào quy hoạch đã có đối với từng bộ môn và từng phòng, hàng năm ít nhất hai lần, Hội đồng họp xét tuyển bổ sung CBVC mới có đủ tiêu chuẩn bổ sung cho các khoa, bộ môn và các phòng. Số CBVC này bù cho số chuẩn bị được nghỉ hưu và sự thiếu hụt do tăng quy mô tuyển sinh và đào tạo. Các CBVC được xét tuyển phải qua thời gian thử việc từ một đến sáu tháng, nếu được Bộ môn (đối với GV) và Phòng (đối với nhân viên) đồng ý tiếp nhận, khi đó Nhà trường mới có hợp đồng chính thức và được hưởng chế độ như cán bộ trong biên chế. Đến nay, toàn trường có 405 CBVC (Trong đó biên chế: 237; hợp đồng dài hạn: 168)

. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, quy trình và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng minh bạch đối với giảng viên và nhân viên. Công tác cán bộ được Đảng uỷ và Ban Giám Hiệu đặc biệt quan tâm, việc tuyển chọn đội ngũ cán bộ quản lý đã được tiến hành theo quy trình nghiêm ngặt thông qua thư giới thiệu của quần chúng, phiếu tín nhiệm của cán bộ chủ chốt và bỏ phiếu kín của BCH Đảng uỷ. Chính vì vậy đội ngũ cán bộ quản lý của Trường có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực quản lý chuyên môn vững, nghiệp vụ cao và hoàn thành nhiệm vụ được giao với trách nhiệm cao. Dựa vào đó, Nhà trường đã triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch xây dựng và phát triển Nhà trường, xây dựng được chiến lược phát triển đội ngũ theo sứ mạng và mục tiêu giáo dục đã đề ra.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường như tham gia góp ý kiến với các chủ trương lớn, kế hoạch công tác

của Nhà trường thông qua các dịp như khai giảng và tổng kết năm học, hội nghị CBVC, công khai tài chính hàng năm và công khai kết quả xét thi đua từng kỳ và cả năm, do đó trong suốt thời gian qua không có các khiếu tố, khiếu nại của CBVC với lãnh đạo hoặc giữa CBVC với nhau, Nhà trường thực sự đoàn kết, ổn định và tạo thế phát triển bền vững.

Trong điều kiện còn nhiều khó khăn do nằm ngoài quy hoạch, Nhà trường đã tiết kiệm chi tiêu dành kinh phí xây dựng mới phòng học, PTN, thực hành, đầu tư trang thiết bị hiện đại để phục vụ đào tạo và NCKH. Đồng thời cũng dành nguồn kinh phí học phí và phúc lợi thích đáng, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước. Ngoài việc thanh toán theo chế độ, còn có hỗ trợ bằng phúc lợi cho các đoàn cán bộ đi công tác, học tập, hoạt động nghiệp vụ và chuyên môn ở các vùng xa xôi khó khăn và đi công tác nước ngoài.

Từ những năm 1978 đến 1990, Nhà trường đã cử 50 GV đi NCS ở nước ngoài, nhưng do điều kiện công tác và điều kiện sống gặp nhiều khó khăn nên số GV này hầu như đều tìm cách chuyển công tác tạo ra sự thiếu hụt lớn về cán bộ đầu ngành cho Trường, có thời kỳ số TS, PGS chiếm tỷ lệ rất thấp. Từ năm 1995 đến nay, công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ được đặt lên hàng đầu. Đội ngũ giảng viên của Trường được tuyển chọn từ những nguồn chủ yếu sau: Tốt nghiệp ở nước ngoài, từ các trường đại học của Hà Nội và sinh viên giỏi của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, GV hợp đồng được đóng bảo hiểm ngay, được xét hết tập sự và lên lương như GV trong biên chế. Bằng các biện pháp như vậy, đội ngũ GV đã đáp ứng được về số lượng với tỷ lệ 17 SV/GV, GV được bồi dưỡng về ngoại ngữ chủ yếu là tiếng Anh thông qua tổ chức GAP và mở các lớp bằng 2 về ngoại ngữ.

Đến nay, Nhà trường đã tập hợp được đội ngũ giảng viên đầu đàn yên tâm công tác có 47,31% có trình độ Sau đại học (32TS, 144ThS, 8PGS, 1 GVCC, 98GVC) và đội ngũ GV trẻ có 12 năm công tác ở độ tuổi dưới 35 chiếm 47,8%, lực lượng này có năng lực chuyên môn, ngoại ngữ tốt và được Nhà trường nhanh chóng tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ kinh phí để đi học Thạc sỹ và làm NCS ở trong và ngoài nước.

Đổi mới phương pháp dạy và học, lấy người học là trung tâm đã được triển khai nghiên cứu học tập ở cấp Đại học Thái Nguyên, ở cấp trường, cấp khoa và đến từng bộ môn. Bước đầu Nhà trường chỉ đạo điếm mỗi bộ môn từ 01 đến 02 môn học, sau một kỳ tiến hành rút kinh nghiệm và đến nay đã chỉ đạo đại trà giảng viên trong toàn trường thực hiện. Đổi mới phương pháp dạy và học đã tăng tính chủ động cho HSSV đồng thời giảng viên cũng phải tích cực đọc sách, tài liệu, tạp chí chuyên ngành và thường xuyên cập nhật kiến thức mới về chuyên môn. Chính nhờ có đổi mới phương pháp dạy và học đã tạo một chuyển mới, thay đổi hẳn nếp nghĩ về dạy của GV và học của HSSV nên đã tác động tích cực đến việc nâng cao chất lượng đào tạo.

Đội ngũ cán bộ phục vụ đào tạo đã được Nhà trường quan tâm tuyển chọn đủ về số lượng, nhưng quan trọng hơn là có nghiệp vụ vững vàng, thành thạo trong sử dụng máy tính cho hoạt động nghiệp vụ. Cho nên về số lượng nhân viên phục vụ ở nhiều bộ phận đã giảm nhiều so với trước đây, trong đó quy mô đào tạo tăng mà công việc vẫn hoàn thành tốt, có được điều đó là do ứng dụng tin học vào quản lý đào tạo và các hoạt

động khác của Nhà trường. Thư viện điện tử với quy mô gần 200 máy tính truy cập Internet qua đường ADSL đủ phục vụ GV và HSSV và các hoạt động nghiệp vụ khác, với số lượng nhân viên không nhiều nhưng vẫn đảm bảo phục vụ bình thường.

Do việc sát nhập trường Trung học vào Đại học, nhiều nhân viên và cán bộ trước đây là TNXP, bộ đội chuyển ngành, do Đại học Thái Nguyên thành lập thêm các đơn vị mới Nhà trường phải san sẻ đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý (gốc là giáo viên), nên có những giai đoạn giảng viên ít hơn nhân viên phục vụ giảng dạy. Một số nhân viên cao tuổi lại không biết sử dụng máy tính nên khi làm việc ở các bộ phận như kế toán, thống kê, lập kế hoạch công tác có hiệu quả thấp. Đội ngũ GV trẻ một mặt phải tiếp tục học tập để nâng cao trình độ chuyên môn và ngoại ngữ, một mặt lại trong độ tuổi xây dựng gia đình, bên cạnh đó tiềm lực kinh tế hầu như chưa có gì, những vấn đề đó cũng ảnh hưởng đến công tác xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ.

Trong những năm qua, Nhà trường đã có nhiều cố gắng để động viên số nhân viên cao tuổi có chuyên môn nghiệp vụ thấp về nghỉ chế độ trước tuổi theo những chính sách của Đảng và Nhà nước, Nhà trường có hỗ trợ thêm bằng nguồn phúc lợi. Bên cạnh đó vẫn tiếp tục tuyển thêm nhân viên đủ chuẩn cho các phòng chức năng. Đối với đội ngũ giảng viên trẻ sau khi có hợp đồng tuyển dụng dài hạn được hỗ trợ 100% học phí để đi học Thạc sỹ hoặc làm NCS, được hỗ trợ tiền mua vật tư, thiết bị làm thí nghiệm, thực hành, làm luận văn, luận án và thưởng cho người hoàn thành đúng hạn, Nhà trường cũng có những hợp đồng trách nhiệm chặt chẽ để GV sau khi hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ yên tâm phục vụ cho sự nghiệp đào tạo của Nhà trường.

**Kết luận:** Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã đáp ứng được về số lượng, về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ, được Nhà trường đảm bảo các quyền lợi theo các chế độ quy định.

**Tự đánh giá:** 1 tiêu chí đạt mức 1  
9 tiêu chí đạt mức 2

## **TIÊU CHUẨN 6**

### **Người học**

Theo quy định của Bộ GD&ĐT, vào đầu khoá học đối với HSSV tuyển mới bắt buộc phải trải qua một tuần giáo dục công dân theo nội dung chương trình đã quy định, đối với HSSV khoá cũ phải dành thời gian đủ (2 đến 3 ngày) của đầu năm học để học lại các quy chế của Bộ, các quy định của Đại học Thái Nguyên và của Nhà trường, nhằm làm cho HSSV nắm vững kế hoạch học tập và rèn luyện của năm học. HSSV và GV chủ nhiệm lớp được cấp cuốn "Sổ tay học tập" sau này là cuốn "Các văn bản pháp quy" của Nhà trường biên soạn. Hàng tuần GV chủ nhiệm sinh hoạt với lớp theo lịch đã ấn định trong thời khoá biểu, nội dung sinh hoạt chủ yếu là tư vấn giúp sinh viên về học tập, rèn luyện và xây dựng tập thể lớp, đoàn vững mạnh.

Những người học thuộc diện hưởng chính sách XH đã được các Phòng chức năng hướng dẫn về những thủ tục cần thiết để HSSV biết và hoàn thành nhằm nhanh chóng được hưởng chế độ theo quy định đúng thời hạn, những HSSV nghèo có nhu cầu vay vốn được Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục khi đến giao

dịch với ngân hàng. HSSV có hai đợt khám sức khỏe bắt buộc là khi vào trường và trước khi xét tốt nghiệp, ngoài ra tổ y tế và trạm xá Nhà trường có trách nhiệm chăm lo sức khỏe cho HSSV những trường hợp đột suất ốm đau hay tai nạn rủi do. Nhà trường có 01 nhà tập đa năng, 02 sân vận động, nhiều sân bóng chuyên, cầu lông ngoài trời đủ chỗ để HSSV rèn luyện sức khỏe. Ngoài ra còn tổ chức các điểm xem tivi ở KTX, thường xuyên tổ chức thi văn nghệ, thi khéo tay bạn gái, thi nghiệp vụ sư phạm, vào dịp kỷ niệm các ngày lễ trong năm. Việc thông báo kết quả học tập và rèn luyện của HSSV về gia đình bằng gửi thư đã có tác dụng tốt trong phối hợp giáo dục HSSV. Bằng những việc làm kể trên đã tạo chuyển biến mới trong học tập và rèn luyện của HSSV. Tỷ lệ HSSV đạt khá giỏi tăng lên, HSSV phải có kết quả học tập và rèn luyện trên 7 (thường thì 7,3 trở lên) mới được nhận học bổng khuyến khích (HBKK) (Trước đây cứ 7 điểm là được nhận HBKK mà chưa sử dụng hết kinh phí dành cho HBKK hàng năm).

Trong những năm gần đây, phong trào rèn luyện đạo đức, phẩm chất chính trị, phấn đấu vươn lên Đảng thể hiện rõ nét trong HSSV. Hàng năm, Đảng ủy chỉ đạo Đoàn TNCS HCM Nhà trường phối hợp với VP Đảng ủy mở các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng thu hút mỗi đợt trên 500 người tham gia, chủ yếu là Đoàn viên HSSV. Khi tổng kết cấp chứng chỉ bồi dưỡng nhận thức về Đảng, Phòng CTCT-HSSV phối hợp với Đoàn TN và VP Đảng ủy tổ chức đối thoại giữa Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Nhà trường và Trưởng các Phòng, Khoa với HSSV. Đoàn TN Nhà trường đã đóng vai trò tích cực là người giới thiệu thứ nhất cho Đảng những hạt nhân điển hình tiên tiến của tổ chức Đoàn. Những người được đứng trong hàng ngũ của Đảng ngoài việc bản thân là tấm gương trong học tập và rèn luyện thì tập thể lớp và chi đoàn cũng phải là tập thể mạnh. Bằng những tiêu chuẩn cụ thể về phẩm chất chính trị của đoàn viên thanh niên, bằng sự tin nhiệm của chi đoàn và lớp, được sự chỉ đạo trực tiếp của BCH Liên chi, Đoàn trường và Hội Sinh viên Nhà trường, số HSSV được đứng trong hàng ngũ của Đảng mỗi năm một tăng.

Với ưu thế là đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật công nghiệp cho khu vực trung du và miền núi phía Bắc và cả nước, số HSSV sau khi tốt nghiệp đã nhanh chóng tự tìm được việc làm phù hợp với chuyên môn đào tạo. Để hỗ trợ thêm cho HSSV tìm việc làm sau khi tốt nghiệp, Nhà trường giao cho phòng CTCT-HSSV có trách nhiệm thông báo công văn xin người của các cơ sở Sản xuất cần tuyển dụng ở bảng tin cho mọi người được biết. Hàng năm, Nhà trường cử từ 30 đến 70 sinh viên tốt nghiệp tham gia huấn luyện sĩ quan dự bị. Số sinh viên này sau 4 tháng huấn luyện hầu hết được Bộ Quốc Phòng tuyển dụng phục vụ cho quân đội. Nhiều doanh nghiệp (Thép Pomina, Dầu thực vật Cái Lân, Khu chế xuất Hải Phòng) đã đến trường đăng ký được tổ chức giới thiệu về doanh nghiệp, kêu gọi sinh viên tốt nghiệp và sắp tốt nghiệp về công tác, đồng thời còn tổ chức sơ tuyển ngay tại trường. Với nhiều hình thức đa dạng và phong phú nói trên, cho nên việc tìm việc làm sau khi tốt nghiệp đối với HSSV Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp có rất nhiều điều kiện thuận lợi. Chính vì vậy, vị thế và uy tín của Nhà trường đối với XH ngày càng được nâng cao, hàng năm số hồ sơ đăng ký thi tuyển vào trường được giữ vững và có chiều hướng tăng. Sinh viên trúng tuyển NV1 đủ 100%, không phải xét tuyển NV2 và NV3.



Tuy nhiên, do cơ sở vật chất của Nhà trường như: KTX, phòng học còn thiếu thốn, với đầu tư ngân sách hàng năm chừng 400 triệu đồng chỉ để chống xuống cấp mà không được đầu tư xây dựng mới (vì trường còn nằm ngoài quy hoạch) cho nên HSSV phải ở ngoại trú còn nhiều. Vấn đề quản lý HSSV ngoại trú đang còn có quy định có tính tạm thời (Quy định 4134 của Tỉnh Thái Nguyên) nên việc phối hợp quản lý của Nhà trường với phường, xã còn gặp một số khó khăn và hạn chế nhất định.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho HSSV trong học tập và rèn luyện, nhất là HSSV được học tập theo phương pháp mới, lấy người học làm trung tâm thì Nhà trường phải tiết kiệm chi tiêu để dành kinh phí xây dựng thêm giảng đường, KTX, mua sắm trang thiết bị phục vụ giảng dạy, NCKH, thực hành và thí nghiệm cho HSSV. Một mặt tích cực đề nghị Đại học Thái Nguyên đưa Nhà trường vào quy hoạch giai đoạn II để được đầu tư ngân sách cho xây dựng. Mặt khác, Nhà trường nỗ lực tìm và tham gia các dự án lớn để có cơ hội được đầu tư cơ sở vật chất và kỹ thuật phục vụ sự nghiệp đào tạo trong thời kỳ mới.

**Kết luận:** Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã có những biện pháp cụ thể và làm tốt công tác với người học, đảm bảo đầy đủ các quyền lợi cho người học theo quy chế. Nhà trường đã tạo điều kiện tốt nhất cho người học tu dưỡng rèn luyện và đạt kết quả cao nhất trong học tập.

**Tự đánh giá:** 1 tiêu chí đạt mức 1  
8 tiêu chí đạt mức 2.

## TIÊU CHUẨN 7

### ***NCKH và phát triển công nghệ***

Hoạt động khoa học công nghệ là một trong những mặt mạnh của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp vì Nhà trường đào tạo các ngành nghề thuộc khối công nghệ, ra đời từ trường Đại học Bách khoa Hà Nội, đóng trên địa bàn Thành phố Thái Nguyên - cái nôi của ngành công nghiệp nặng nước ta.

Toàn bộ các hoạt động KHCN của Nhà trường đều tuân thủ các văn bản của Bộ Giáo dục & Đào tạo, của Đại học Thái Nguyên cũng như các cơ quan hữu quan khác.

Từ năm 2002, các hoạt động KHCN đã được thực hiện theo các quy định mới của Bộ GD&ĐT về lĩnh vực này. Nhà trường thực hiện từng công đoạn một cách chi tiết và rõ ràng, từ khâu đăng ký các nhiệm vụ KHCN, thẩm định các đề cương nghiên cứu, trình các cơ quan quản lý phê duyệt, ký các hợp đồng triển khai, theo dõi tiến độ thực hiện đề tài, thành lập các Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở và cấp Bộ, thanh lý hợp đồng. Trong quá trình triển khai kịp thời phát hiện và có những điều chỉnh cần thiết như thay chủ nhiệm đề tài, gia hạn, xử lý kéo dài thời gian thực hiện cho từng nhiệm vụ cụ thể.

Tất cả các hoạt động trên đều có văn bản lưu tại bộ phận quản lý khoa học của Nhà trường. Do việc quản lý các hoạt động khoa học công nghệ tốt, cho nên hiện tại không có đề tài NCKH nào từ cấp Bộ cho tới cấp cơ sở bị quá hạn, tình trạng rất phổ biến những năm 1995 - 2000. Với các hoạt động khoa học công nghệ xuất sắc đó, từ năm 2000 tới nay Nhà trường và 02 cá nhân đã được Bộ GD&ĐT tặng Bằng khen về thành tích khoa học công nghệ.

Số lượng cán bộ giảng dạy có đề tài khoa học công nghệ tăng dần và ổn định, bình quân 5 năm vừa qua là 1 đề tài/4 giảng viên, là một tỷ lệ khá cao so với các đơn vị khác trong ngành Giáo dục nói chung và Giáo dục Đại học nói riêng.

Viết các bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành của các cán bộ Nhà trường tuy được động viên, tạo điều kiện, nhưng so với tiềm năng về NCKH công nghệ là chưa cao, lý do khách quan là chưa tạo được thói quen viết báo với các tư duy nghiên cứu thay vì hành động với các nhiệm vụ của thực tiễn công nghiệp, tuy đạt trung bình 5 năm qua là 1 bài/4,2 giảng viên - đạt được mức 2 của tiêu chí về số bài báo, nhưng thời gian tới công tác này phải được đẩy mạnh hơn.

Phần lớn các NCKH của Nhà trường đều mang tính ứng dụng, đạt tỷ lệ tới 35% các đề tài đã được nghiệm thu, mang lại hiệu quả kinh tế kỹ thuật và uy tín của Nhà trường với xã hội.

Những năm gần đây số lượng giảng viên của Nhà trường học cao học và làm NCS rất lớn, làm cho số lượng các đề tài gắn với chương trình đào tạo đạt 65%, ngoài ra phong trào sinh viên NCKH cũng tăng lên hàng năm, từ tham gia các kỳ thi OLYMPIC quốc gia, thi ROBOCON, tuổi trẻ với tự động hoá, VIFOTECH.v.v. cho tới các đề tài NCKH dưới sự hướng dẫn của các nhà giáo, làm cho sinh viên biết cách tiến hành NCKH độc lập, yếu tố cần thiết cho sáng tạo sau này khi họ ra trường.

**Kết luận:** Các hoạt động NCKH, phát triển và chuyển giao công nghệ của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã được tổ chức thực hiện trên cơ sở huy động được tối đa nguồn lực (tài chính và con người), được thể hiện bằng số lượng và chất lượng các công trình đã công bố trên các tạp chí ngành và chuyên ngành ở trong và ngoài nước và nhiều công trình chuyển giao công nghệ đạt hiệu quả cao trong thực tiễn.

**Tự đánh giá:** 5 tiêu chí đạt mức 2.

## TIÊU CHUẨN 8

### **Hoạt động hợp tác quốc tế**

Tuy Nhà trường nằm ngoài Thủ đô, không thuận lợi cho việc phát triển hợp tác quốc tế (HTQT) nhưng Nhà trường đã có chính sách ưu tiên phát triển HTQT, đã thiết lập, duy trì và phát triển được nhiều mối quan hệ HTQT với các trường Đại học, tổ chức giáo dục và xã hội trong khu vực và thế giới.

Trong 5 năm trở lại đây, Nhà trường đã thiết lập và phát triển quan hệ mới với 7 trường Đại học, một số tổ chức và công ty nước ngoài. Hàng năm, Nhà trường đón hàng chục đoàn vào tìm kiếm cơ hội hợp tác, giao lưu, phối hợp NCKH và hội thảo đồng thời cử hàng chục đoàn ra tham gia hội thảo, các chương trình đào tạo, liên kết, không vi phạm bất kỳ một quy định hiện hành nào về HTQT.

HTQT đã mang lại hiệu quả lớn cho công tác đào tạo và NCKH thể hiện qua việc tham gia có kế hoạch vào các chương trình về Đào tạo và NCKH với các đối tác nước ngoài để trao đổi học thuật, giảng viên (trung bình 3-5 người/năm), người học (trung bình 6-7 người trên năm), thăm quan (trung bình hàng chục lượt người/năm), nhờ HTQT một số PTN của Nhà trường đã được nâng cấp thông qua tài trợ của các dự án như thiết bị năng lượng mặt trời, công

nghe SPS, hệ thống điều khiển quá trình trị giá trên 2 tỷ đồng. Thông qua các chương trình này giảng viên và người học có điều kiện tiếp cận với khoa học và kỹ thuật của các nước tiên tiến, kích thích việc nâng cao trình độ ngoại ngữ phục vụ công tác chuyên môn. Các lớp tiếng Anh do giảng viên của tổ chức GAP gửi đến thực sự trở thành địa chỉ đáng tin cậy của cả thầy và trò.

Kết quả hoạt động HTQT góp phần nâng cao năng lực tổ chức thực hiện dự án của cán bộ quản lý và giảng viên cũng như uy tín của Trường trong khu vực và quốc tế. Từ năm 2000 tới nay nhà trường đã tham gia và thực hiện nhiều dự án với các đối tác nước ngoài như dự án “Cân bằng và phát triển” của EU, các hợp tác về ĐT và chuyển giao Công nghệ với Đại học Quốc gia Chung Nam - Hàn Quốc, Đại học Kỹ thuật Suranaree Thái Lan, Đại học Kỹ thuật Nagaoka của Nhật Bản, Đại học Otto - Guericke của CHLB Đức...

Nhà trường đã thực hiện rất tốt các quy định về công tác HTQT của Nhà nước, Bộ GD&ĐT, Đại học Thái Nguyên và Tỉnh Thái Nguyên.

Thông qua các hoạt động về HTQT, giảng viên của Trường có điều kiện giao lưu quốc tế, đi học tập và nâng cao trình độ ở nước ngoài tạo nên sự chuyển biến căn bản về quan điểm nâng cao trình độ của đội ngũ, đổi mới chương trình giảng dạy cho sinh viên cũng như ý nghĩa của việc nâng cao trình độ ngoại ngữ cho giảng viên và sinh viên. Tuy nhiên hiệu quả của HTQT đến việc nâng cao chất lượng đào tạo và hiện đại hoá cơ sở vật chất cho đào tạo còn hạn chế. Tính năng động trong việc tìm kiếm các đối tác mới chưa cao.

Việc tham gia thực hiện các dự án, các chương trình phối hợp NCKH với nước ngoài tạo đã giúp cho giảng viên của Trường thực hiện được những chương trình nghiên cứu triển khai ứng dụng mà trong nước khó có điều kiện thực hiện. Tuy nhiên số lượng đề tài phối hợp NCKH còn chưa nhiều, số giảng viên có khả năng làm việc trực tiếp với chuyên gia nước ngoài ít.

Thời gian tới sẽ tập trung nâng cao trình độ ngoại ngữ của giảng viên đặc biệt là giảng viên trẻ. Tích cực tham gia đề án 322 về việc cử người đi đào tạo ở nước ngoài bằng ngân sách Nhà nước. Thí điểm chương trình đào tạo hiện đại của nước ngoài tại trường, phối hợp NCKH và chuyển giao công nghệ với các trường đại học nước ngoài.

**Kết luận:** Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã chủ động thiết lập các quan hệ quốc tế, triển khai tốt các hoạt động hợp tác với các trường đại học, các tổ chức giáo dục, khoa học và công nghệ nước ngoài, thông qua đó đã nâng cao năng lực đào tạo và NCKH của Nhà trường. Nhà trường đã tiến hành những hoạt động hợp tác quốc tế theo đúng những quy định của Nhà nước.

**Tự đánh giá:** 1 tiêu chí đạt mức 1  
2 tiêu chí đạt mức 2

## TIÊU CHUẨN 9

### *Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác*

Nhà trường có thư viện điện tử hiện đại diện tích 2.275 m<sup>2</sup> gồm 15 phòng trong đó có 01 phòng mượn, 04 phòng đọc, 03 phòng truy cập Internet với các loại sách và tài liệu đáp ứng đầy đủ nhu cầu của độc giả. Hệ thống thư viện của Trường được

nối mạng LAN với gần 200 máy tính và 01 máy chủ kết nối Internet với đường truyền tốc độ cao ADSL. Quản lý thư viện được tin học hoá và tự động hoá bằng các thiết bị tự động như máy in mã vạch, máy đọc mã vạch và phần mềm quản lý thư viện tự động Libol 5.5.

Hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm của Nhà trường khá đầy đủ và hiện đại đáp ứng được các yêu cầu của công tác thực hành, thí nghiệm, NCKH và chuyển giao công nghệ của một trường Đại học Kỹ thuật đa ngành, đa cấp. Hiện nay, cơ sở vật chất các phòng thực hành, thí nghiệm có thể đáp ứng yêu cầu đào tạo trên 6.000 SV hệ đại học, cao đẳng; trên 150 học viên cao học và NCS; đồng thời đáp ứng tốt các yêu cầu NCKH - chuyển giao công nghệ của các giảng viên và HSSV, nhất là trong các lĩnh vực mũi nhọn như: Cơ khí tự động hoá, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật điện - điện tử. Hệ thống các phòng thực hành, thí nghiệm của Nhà trường được tổ chức phân cấp với chức năng, nhiệm vụ cụ thể và được quản lý chặt chẽ, hiệu quả sử dụng thiết bị cao.

Trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH đa dạng, đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo gồm có các PTN, TH của các Khoa, bộ. Tần suất khai thác các trang thiết bị là rất lớn, tổng số giờ khai thác thiết bị trong một năm trên 57.000 giờ và trên 292 đề tài NCKH các cấp đã được nghiệm thu.

Thiết bị tin học và công nghệ thông tin được Nhà trường chú trọng đầu tư. Hiện nay, hệ thống máy tính của Nhà trường được tổ chức một cách phù hợp, bao gồm các phòng thực hành tin học; phòng thực hành AutoCAD, phòng thực hành CAD/CAM; hệ thống máy tính của các PTN chuyên ngành kỹ thuật; hệ thống máy tính của thư viện điện tử; hệ thống máy tính các khoa và bộ môn.v.v. tạo điều kiện cho tất cả các giảng viên sử dụng máy tính để soạn bài giảng, đến năm 2004-2005 đã có 100% bộ môn đăng ký đề tài NCKH cấp trường, xây dựng bài giảng điện tử trên máy tính. Hệ thống máy tính được kết nối trong mạng LAN và Internet bằng 05 đường truyền ADSL đến tận các bộ môn đảm bảo cho 100% giảng viên được sử dụng máy tính để khai thác tài liệu trên mạng phục vụ giảng dạy và NCKH. Đồng thời đảm bảo cho những năm cuối khoá 100% sinh viên sử dụng máy tính làm đồ án tốt nghiệp và thiết kế trên máy tính.

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển nhanh chóng về quy mô và ngành nghề đào tạo, Nhà trường luôn đặt vấn đề phát triển quy mô hợp lý trên cơ sở đảm bảo các điều kiện về diện tích lớp học, KTX và sân bãi hoạt động thể thao với 6.700m<sup>2</sup> phòng học, giảng đường; 8.465 m<sup>2</sup> KTX; 2.040 m<sup>2</sup> nhà ăn sinh viên; 29.000 m<sup>2</sup> sân vận động; 01 hội trường lớn; 01 CLB sinh viên và hơn 22.500 m<sup>2</sup> vườn hoa cây cảnh là điều kiện mà không phải trường đại học nào ở nước ta cũng có được.

Việc phát triển, đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất của Nhà trường luôn gắn với quy hoạch tổng thể, ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Hàng năm, Nhà trường luôn có kế hoạch bổ sung quy hoạch tổng thể. Đại hội Đảng bộ Nhà trường lần thứ XI ngày 22/10/2005 đã khẳng định "Một thành tích nổi bật trong nhiệm kỳ qua của Đảng bộ Trường là việc chỉ đạo công tác xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo" đã trang bị cơ sở vật chất đủ mạnh phục vụ công tác dạy - học, NCKH và hoạt động chung của Nhà trường.

Nhà trường có tổ bảo vệ được thành lập theo Quyết định của Hiệu trưởng có đủ số lượng và năng lực đáp ứng nhiệm vụ được giao, được bồi dưỡng

thường xuyên và trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc. Vì vậy trong thời gian qua công tác bảo vệ tài sản, an toàn an ninh trong nhà trường đã được thực hiện theo phương thức ngày càng chính quy, hiện đại, đáp ứng được các yêu cầu về đảm bảo an toàn trong nhà trường nói riêng cũng như địa bàn xung quanh nơi trường đóng.

Để đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác đào tạo, NCKH. Trong kế hoạch 5 năm tới Nhà trường tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở vật chất với kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản là 74 tỷ đồng, đầu tư thiết bị hơn 30 tỷ đồng.v.v.

**Kết luận:** Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã có thư viện, thư viện điện tử, các giảng đường, các PTN, TH của các Khoa, bộ môn. Trung tâm thực nghiệm và các cơ sở vật chất khác phục vụ tốt công tác đào tạo, NCKH của Trường. Đây là nguồn lực vật chất để Nhà trường hoàn thành mục tiêu và nhiệm vụ đề ra.

**Tự đánh giá:** 7 tiêu chí đạt mức 2

## **TIÊU CHUẨN 10**

### ***Tài chính và quản lý tài chính***

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là một đơn vị hành chính sự nghiệp có thu với cơ quan chủ quản trực tiếp là Đại học Thái Nguyên. Công tác tài chính và quản lý tài chính của Nhà trường bám sát những quy định của luật Ngân sách Nhà nước và Quyết định 280-TC/QĐ/NSNN về việc ban hành hệ thống Mục lục Ngân sách Nhà nước.

Hoạt động tài chính của Nhà trường dựa trên cơ sở 04 nguồn thu hợp pháp là: Ngân sách Nhà nước cấp, kinh phí thu sự nghiệp, kinh phí dự án và kinh phí thu hợp đồng lao động sản xuất. Việc tăng các nguồn tài chính hợp pháp luôn được Nhà trường đẩy mạnh thông qua việc tăng quy mô đào tạo, đẩy mạnh công tác NCKH, tăng cường các dự án chuyển giao công nghệ và lao động sản xuất, phát triển mối quan hệ hợp tác quốc tế.

Trong thời gian 5 năm 2001-2005, Nhà trường đã có các giải pháp tự chủ tài chính, tạo kinh phí từ các nguồn thu hợp pháp, đáp ứng các yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác mà Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ X và kế hoạch trung hạn giai đoạn 2001-2005 đề ra. Quy định nội bộ về tài chính cũng như quy chế chi tiêu nội bộ đã được xây dựng.

Kế hoạch tài chính được lập chi tiết cho tất cả các hoạt động của Nhà trường. Nhìn chung việc lập kế hoạch tài chính qua 5 năm 2001-2005 thường cao hơn so với dự toán. Nhà trường tổ chức Hội nghị công khai quyết toán ngân sách đào tạo năm trước, công khai dự toán và phân bổ ngân sách cho năm tài chính tiếp theo.

Từ năm 2002, công tác quản lý tài chính của Nhà trường đã được tin học hoá thông qua việc sử dụng phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp. Kết quả các đợt thanh tra, kiểm tra, kiểm toán Nhà nước trong vòng 3 năm liên tục trở lại đây đã cho thấy công tác tài chính của Nhà trường đã không vi phạm bất kỳ một quy định nào về quản lý tài chính.

Mục tiêu đến năm 2010, tổng nguồn thu học phí của Nhà trường đạt khoảng 40-50 tỷ đồng/ năm. Thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ đạt 25-30 tỷ đồng/năm.

Việc sử dụng kinh phí hợp lý và có hiệu quả được thể hiện trước hết ở kết quả giải ngân trong 3 năm qua đều thực hiện dứt điểm, không để số dư chưa thanh toán chuyển sang năm sau hoặc bị thu hồi để trả lại Nhà nước. Ngoài ra, Nhà trường đã tiết kiệm chi tiêu để dành 53,6% kinh phí từ các nguồn thu hợp pháp và một phần ngân sách cho chương trình mục tiêu như xây lớp học, PTN, TH, làm đường, nhà KTX .v.v. với tổng kinh phí là 16,733 tỉ đồng. Đầu tư thiết bị cho PTN các Khoa với tổng kinh phí là:24,4 tỉ đồng.

Từ năm 2001 đến năm 2005, Nhà trường chú trọng hỗ trợ kinh phí NCKH cho các đề tài sinh viên (ROBOCON, tuổi trẻ với tự động hoá.v.v.) với tổng kinh phí là 346,195 triệu đồng. Đầu tư kinh phí nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên hỗ trợ tiền học phí và thưởng cho những cán bộ, giảng viên làm đề tài NCS đúng thời hạn từ nguồn phúc lợi học phí của đơn vị với tổng số tiền là 446,56 triệu đồng.

**Kết luận:** Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã có những giải pháp cụ thể và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo ra được các nguồn thu hợp pháp, đáp ứng được các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Nhà trường.

**Tự đánh giá:** 3 tiêu chí đạt mức 2

### **38. Tự đánh giá theo từng tiêu chí**

#### **TIÊU CHUẨN 1**

##### ***Sứ mạng và mục tiêu của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp***

Căn cứ vào sứ mạng của Trường được thống nhất trong suốt 40 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã xác định được mục tiêu và nhiệm vụ cho từng giai đoạn phát triển, từ đó xây dựng các quy hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn nhằm phát triển các lĩnh vực đào tạo, NCKH, các mối liên kết với môi trường kinh tế - xã hội, đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính. Trong từng giai đoạn cụ thể của quá trình xây dựng và phát triển Nhà trường, sứ mạng của Trường và mục tiêu có được xem xét điều chỉnh và bổ sung, hoàn thiện thêm cho phù hợp hơn với tình hình và nhiệm vụ mới nhưng không làm thay đổi nội dung cơ bản của Sứ mạng đã được xác định ngay từ ngày đầu mới thành lập.

#### **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 1.1**

##### ***Sứ mạng của Nhà trường được xác định rõ ràng, phù hợp với chức năng và nhiệm vụ***

Sứ mạng của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã được xác định cụ thể bằng các Quyết định số 164-CP ngày 19/8/1965 của hội đồng chính phủ về việc mở phân hiệu Đại học Bách khoa tại khu Gang thép Thái Nguyên do Bộ Cơ khí và Luyện kim quản lý, Quyết định số 206/CP (1966) đổi tên phân hiệu Đại học Bách khoa thành trường Đại học Cơ Điện do Bộ Đại học và THCN quản lý, Quyết định số 31/CP ngày 4-4-1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên và Quyết định số 2103/GD-ĐT ngày 25/6/1997 của Bộ GD&ĐT quy định nhiệm vụ quyền hạn, tổ chức bộ máy của Đại học Thái Nguyên và các trường thành viên. Qua các nhiệm kỳ công tác của Đảng uỷ và Ban Giám Hiệu Nhà trường, sứ mạng của Trường đã được kịp thời xem xét bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của khu vực trung du, miền núi phía Bắc và cả nước. Điều đó được thể hiện trong báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ Nhà trường lần thứ IX tháng 10 năm 2000 [1.1.1.3]:

"Đảng bộ chúng ta đang đảm nhận một trách nhiệm nặng nề, to lớn là lãnh đạo quần chúng thực hiện sứ mệnh lịch sử mà Đảng, Chính phủ, ngành GD-ĐT và Đại học Thái Nguyên đã giao phó cho Trường ta, đó là xây dựng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp thành một trường đại học đa ngành thuộc hệ thống các trường đại học nói riêng và hệ thống GD Việt Nam nói chung. Trường là một trung tâm đào tạo cán bộ Khoa học - Kỹ thuật công nghiệp từ con em của các dân tộc thiểu số và nhân dân các tỉnh miền núi và trung du phía Bắc Việt Nam. Sản phẩm đào tạo của Nhà trường là những chuyên gia không chỉ giỏi về lý luận mà còn giỏi về năng lực thực hành nghề nghiệp. Trường đồng thời là nơi tuyển chọn, đào tạo và cung cấp nhân tài cho khu vực và cả nước. Đứng trên địa bàn miền núi có địa vị kinh tế, chính trị đặc biệt, Trường đảm nhận vai trò là một trung tâm NCKH - Công nghệ phục vụ cho các ngành công nghiệp nói chung và đặc biệt là công nghiệp khai thác năng lượng, khai thác và chế biến khoáng sản, nông- lâm sản nói riêng. Trường Đại học

Kỹ thuật Công nghiệp thuộc vào nhóm các trường hàng đầu của hệ thống Đại học Việt Nam, có đủ uy tín và điều kiện để hợp tác đào tạo, NCKH với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới”.

**Đánh giá:**

1- Sứ mạng của Nhà trường được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường:

- Theo quyết định 164/CP ngày 19/08/1965 của Thủ tướng Chính phủ về việc mở phân hiệu Đại học Bách khoa tại khu Gang thép Thái Nguyên với chức năng, nhiệm vụ sau đây:

"Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật công nghiệp trình độ đại học. Việc đào tạo và bồi dưỡng này tiến hành theo hình thức học tập trung và học tại chức. Đồng thời phải có sự chuẩn bị cần thiết để khi có điều kiện thì sẽ thành lập trường đại học của địa phương" [1.1.1. 4 ].

- Là thành viên của Đại học Thái Nguyên, chức năng và nhiệm vụ của Nhà trường gắn liền với chức năng, nhiệm vụ của Đại học Thái Nguyên. Điều đó được thể hiện trong nghị định 31/CP về việc thành lập Đại học Thái Nguyên". Là một trung tâm đào tạo và NCKH khu vực và đa ngành đào tạo cán bộ các ngành khoa học và công nghệ với các trình độ đại học, sau đại học và các cấp học thấp hơn, NCKH và công nghệ gắn với giảng dạy, đào tạo" [1.1.1.5].

2- Sứ mạng được xác định phù hợp với nguồn lực của Nhà trường:

a.Về nhân lực: Nhà trường có đội ngũ giáo viên, cán bộ gồm 405 người và 24 giảng viên thỉnh giảng, trong đó có 8 PGS, 32 Tiến sỹ, 144 Thạc sỹ và hiện có 22 người đang NCS, 71 người đang học cao học trong và ngoài nước. Đội ngũ cán bộ giảng dạy đầu đàn của Nhà trường vừa có trình độ cao, có kinh nghiệm về đào tạo và NCKH, từng trải trong thực tế. Nguồn nhân lực đó đủ mạnh để hoàn thành nhiệm vụ đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho khu vực và cho đất nước (Bảng số liệu về đội ngũ cán bộ giảng viên) [1.1.1.9 ].

b.Về vật lực: Thư viện điện tử của Nhà trường thuộc loại thư viện hiện đại ở phía Bắc, có diện tích 2.275 m<sup>2</sup>, có các phòng truy cập Internet với gần 200 máy tính cấu hình mạnh, đường truyền ADSL tốc độ cao phục vụ cho học tập, nghiên cứu của cán bộ giảng viên và sinh viên [1.1.1.14] (Các số liệu báo cáo về cơ sở vật chất).

Có 14 PTN về Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Điện, Điện tử, 03Trung tâm thực hành các khoa với nhiều máy móc, thiết bị phục vụ cho thực hành kỹ thuật của sinh viên [1.1.1.14].

Có 54 phòng học với diện tích 6.700 m<sup>2</sup>, năm 2006 sẽ có thêm nhà A10 với 15 phòng học và Đại học Thái nguyên sẽ xây mới một nhà 3 tầng khác với 15 phòng học. Như vậy đến cuối 2006 sẽ có tất cả 84 phòng học [1.1.1.14].

**Tồn tại:** Trong những năm trước đây, do điều kiện thông tin còn hạn chế nên không phải tất cả cán bộ, giáo viên, sinh viên trong trường đều thấm nhuần được sứ mạng của Nhà trường, cũng như nhân dân cả nước ít có điều kiện để biết được sứ mạng này.

**Kế hoạch:** Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến sứ mạng lịch sử của Nhà trường thông qua sinh hoạt của các tổ chức Đảng, chính quyền, công đoàn, đoàn



thanh niên, sinh viên. Đặc biệt chú trọng việc tuyên truyền cho sinh viên mới nhập học hàng năm.

Tiếp tục quảng bá sứ mạng của Nhà trường trên tờ rơi, trên trang web và các phương tiện thông tin khác.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 1.2**

### ***Mục tiêu của Nhà trường được định kỳ rà soát, điều chỉnh và quán triệt thực hiện***

Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp lần thứ X, tháng 6 năm 2003 đã khẳng định mục tiêu GD - ĐT của Nhà trường:

" Đào tạo ra những cán bộ kỹ thuật công nghiệp từ con em của cộng đồng các dân tộc Việt Nam (trong đó có chú ý đến con em các dân tộc ít người) có tri thức khoa học - kỹ thuật, có năng lực thực hành nghề nghiệp, độc lập, năng động, sáng tạo trong tư duy và hành động, có khả năng tự lập nghiệp, có đạo đức, tư cách tốt, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có sức khỏe, đáp ứng được với yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc" [1.2.1.4].

#### ***Đánh giá:***

1- Mục tiêu GD- ĐT của Nhà trường thể hiện được mục tiêu GD mà luật giáo dục của nước CHXHCN Việt Nam đã nêu, đồng thời nó thể hiện được nét đặc trưng trong GD-ĐT của Nhà trường:

- Chú trọng đến việc đào tạo cán bộ KHKT từ con em dân tộc ít người.
- Chú trọng đào tạo năng lực thực hành nghề nghiệp

2- Trong cả quá trình phát triển của mình, Nhà trường luôn chú ý xây dựng, điều chỉnh mục tiêu GD - ĐT phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trong từng giai đoạn.

Về tư tưởng chỉ đạo được thể hiện trong các báo cáo chính trị, trong các nghị quyết của các Đại hội Đảng bộ Nhà trường [ 1.2.1.1]; [1.2.1.2 ]; [1.2.1.3].

Về thực tiễn, điều đó đã được thể hiện trong việc Nhà trường đã chỉ đạo các khoa xây dựng lại hoặc bổ sung, điều chỉnh mục tiêu giáo dục và chương trình đào tạo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng thời kỳ hoặc phù hợp với sự phát triển của ngành GD đại học trong cả nước [1.2.1.5].

Hiện tại, tất cả các ngành và chuyên ngành đào tạo của Nhà trường đều có mục tiêu GD- ĐT rõ ràng, được giới thiệu trên trang Web của Nhà trường [1.1.1.12].

3- Mục tiêu GD - ĐT của Nhà trường, của các khoa trong trường đã được quán triệt cho cán bộ, Đảng viên và sinh viên trong trường thông qua các hình thức:

- Sinh hoạt Đảng ( mục tiêu đã được trình bày trong Đại hội Đảng bộ và được Đại hội thông qua) và sinh hoạt của các tổ chức quần chúng.
- Sinh hoạt đầu khoá của sinh viên mới nhập học.
- Trang web của Nhà trường [1.1.1.12].

4 - Mục tiêu GD - ĐT đã được cụ thể hoá trong quá trình thực hiện:

- Tuyển sinh: Đảm bảo chế độ ưu tiên trong tuyển sinh để thu hút được con em dân tộc ít người, Nhà trường duy trì mỗi năm 1 lớp cử tuyển [1.2.2.6].

- Chương trình và nội dung đào tạo của các ngành và chuyên ngành đảm bảo tỷ lệ thực hành nghề nghiệp cao, bao gồm thực tập kỹ thuật, thí nghiệm, thực hành môn học, bài tập lớn, đồ án môn học [1.2.1.6].

- Để đào tạo nên những con người năng động, sáng tạo, thích ứng nhanh chóng với sự biến đổi của kỹ thuật - công nghệ và kinh tế thị trường, Nhà trường đang đẩy mạnh việc vận dụng lý thuyết dạy học tích cực lấy người học làm trung tâm. Điều đó được thể hiện ở các hợp đồng của Nhà trường với các bộ môn về nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy học và sản phẩm nghiên cứu kèm theo [1.2.2.7].

- Tạo đủ cơ sở vật chất cho sinh viên tham gia hoạt động thể thao, văn hoá đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện [6.5.2.1]; [6.5.2.2].

**Tồn tại:** Trước đây, do điều kiện thông tin hạn chế nên việc quảng bá mục tiêu GD - ĐT chưa thật tốt, do đó không phải ai cũng nắm vững được mục tiêu GD- ĐT của Nhà trường và của từng đơn vị.

**Kế hoạch:** Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến mục tiêu GD - ĐT của Nhà trường thông qua sinh hoạt của các tổ chức Đảng, chính quyền, công đoàn, thanh niên, sinh viên, đặc biệt chú trọng việc tuyên truyền cho sinh viên mới nhập học. Tiếp tục quảng bá mục tiêu GD - ĐT của Nhà trường trên tờ rơi, trên trang web và các phương tiện thông tin khác.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

## **TIÊU CHUẨN 2**

### ***Tổ chức và quản lý***

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là trường thành viên của Đại học Thái Nguyên nên đã tuân thủ theo cơ cấu tổ chức do Bộ Giáo dục Đào tạo và Giám đốc Đại học Thái Nguyên quy định, cơ cấu đó có quy mô đào tạo phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế. Các đầu mối công việc tập trung nên việc quản lý, đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, điều hành kế hoạch đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ cũng như quản lý HSSV được trực tiếp. Tuy nhiên khi quy mô đào tạo tăng, NCKH và chuyển giao công nghệ được đẩy mạnh thì cơ cấu tổ chức như hiện nay cũng cần phải được xem xét điều chỉnh lại cho phù hợp giữa cơ quan chỉ đạo của Đại học Thái Nguyên và các trường thành viên.

### **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 2.1**

#### ***Cơ cấu tổ chức của Trường đúng quy định, được cụ thể hoá trong tổ chức và hoạt động***

Năm 1994, theo Nghị định 31/CP của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên trên cơ sở 04 trường đại học ở thành phố Thái Nguyên, Trường Đại học Công nghiệp Thái Nguyên trở thành trường thành viên của Đại học Thái Nguyên với tên gọi chính thức Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp. Theo Quyết định số 2103/GD-ĐT ngày 25/6/1997 của Bộ GD&ĐT, cơ cấu tổ chức của Trường được xây dựng theo mô hình 3 cấp [2.1.1.1].

1. Trường đại học thành viên.

2. Các đơn vị trực thuộc trường: Các Phòng, Khoa, Ban chuyên môn và Trung tâm.

3. Các đơn vị trực thuộc Phòng, Khoa, Ban và Trung tâm: Các bộ môn, Các tổ công tác.v.v.

Trong quá trình xây dựng và phát triển cơ cấu tổ chức của Trường đã có nhiều thay đổi phù hợp với quy mô và yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo.

Các phòng chức năng: Khi mới thành lập Đại học Thái Nguyên, Nhà trường có 08 phòng và 01 ban, đến năm 1997 theo quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên đã tiến hành sắp xếp lại thành 3 phòng chức năng như ngày nay. Cơ cấu tổ chức mới đã nhập các bộ phận có chức năng, nhiệm vụ liên quan với nhau để tập trung quản lý và đã được thực hiện tốt trong những năm qua [2.1.1.1]; [2.1.1.2].

Các đơn vị chuyên môn: Cơ cấu tổ chức các đơn vị luôn được xem xét tổ chức lại phù hợp với nhiệm vụ đào tạo và NCKH trong từng giai đoạn phát triển của Nhà trường. Từ hai khoa truyền thống ban đầu (khoa Cơ khí, khoa Điện) đến nay trường đã có 05 khoa, 01 Ban chuyên môn và 01 Trung tâm thực nghiệm. Mở thêm ngành Kỹ thuật Môi trường năm 2004 và Kỹ thuật Xây dựng công trình năm 2005. [2.1.1.2]

Cơ cấu nhân sự của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đảm bảo về số lượng và tiêu chuẩn theo văn bản quy định, được cấp có thẩm quyền quyết định [2.1.1.3]; [2.1.1.4]. Đội ngũ cán bộ được quan tâm bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt chú ý tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ giảng dạy [2.1.1.4].

Tổ chức và hoạt động của Nhà trường, của các đơn vị theo đúng các quy định của Pháp luật [2.1.2.1]; [2.1.2.3], quy chế của Bộ GD&ĐT và quy định của Đại học Thái Nguyên [2.1.2.2]; [2.1.2.4].

**Điểm mạnh:** Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được thực hiện theo quy chế, quy định và được sắp xếp phù hợp với từng giai đoạn phát triển của quy mô đào tạo, luôn đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ đào tạo của Trường. Trong những năm qua, cơ cấu tổ chức này đáp ứng nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý, thực hiện tinh giản biên chế bộ phận phục vụ, tăng cường đội ngũ giảng viên về số lượng và trú trọng nâng cao chất lượng.

Đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường, các đơn vị được bổ nhiệm theo quy trình và hướng dẫn cụ thể đảm bảo các tiêu chuẩn quy định trong Điều lệ trường đại học.

Hệ thống văn bản quy định lề lối làm việc của Nhà trường và các đơn vị được phổ biến và vận dụng cụ thể theo điều kiện của Trường, sự phối giữa các đơn vị trong trường đã giúp cho việc triển khai công tác trong trường đảm bảo nhanh chóng, hiệu quả.

Như vậy, cơ cấu tổ chức của Trường đã được thực hiện theo quy định phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục và quy hoạch mạng lưới các trường đại học của Nhà nước cũng như chiến lược đổi mới Giáo dục Đại học Việt Nam. Hệ thống văn bản quy định tổ chức và hoạt động của Trường đã được cụ thể hoá, đảm bảo công tác lãnh đạo quản lý thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường đạt hiệu quả cao.

**Tồn tại:** Vì hiện tại chỉ có 03 Phòng chức năng, cho nên mỗi một Phòng chức năng quản lý quá nhiều các lĩnh vực, dẫn tới các Trưởng phòng khó thực hiện tốt các chức năng lãnh đạo quản lý theo quyền hạn.

**Kế hoạch:** Nghiên cứu sắp xếp, bố trí bố trí lại các phòng ban cho phù hợp với các nhiệm vụ hiện nay, tất nhiên điều này phải được sự chuẩn y của Đại học Thái Nguyên và theo phân cấp của Bộ GD&ĐT giao cho các đại học vùng.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 2.2**

### **Có hệ thống văn bản tổ chức, quản lý các hoạt động của Nhà trường**

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp có bề dày truyền thống đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ. Toàn bộ hoạt động của Nhà trường đều dựa trên các hệ thống văn bản pháp quy của Chính phủ, của Bộ GD&ĐT, quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên. Trên cơ sở các văn bản pháp quy đó, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã cụ thể hóa thành các hệ thống văn bản tổ chức và quản lý các hoạt động của Trường. Hệ thống các văn bản trên bao gồm:

Tổ chức và quản lý các hoạt động Đào tạo cho từng bậc học và từng loại hình đào tạo [2.2.1.1]; Nghiên cứu khoa học [2.2.1.2]; Tài chính [2.2.1.3]; Nhân sự [2.2.1.4]; Công tác HSSV [2.2.1.5]; Thanh tra [2.2.1.6]; Đoàn thể [2.2.1.7]; Văn hoá nghệ thuật và thể thao [2.2.1.8]; Tổ chức và quản lý khác của Trường [2.2.1.9].

Để thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả nội dung các văn bản, trong các hội nghị giao ban tháng của Nhà trường, giao ban các đơn vị, Nhà trường đã có các văn bản triển khai và phổ biến các văn bản về tổ chức, quản lý các hoạt động của Trường [2.2.1.10], của từng đơn vị trong trường [2.2.1.11] ; [2.2.1.12]. Các Hội nghị giao ban, Hội nghị CBVC đều có báo cáo sơ kết, tổng kết về các hoạt động phổ biến này [2.2.1.13].

Nhà trường đã xây dựng được Website của Trường nhằm quảng bá về trường, tăng cường gắn kết các hoạt động của Nhà trường với xã hội, công khai về tổ chức và quản lý các hoạt động của Nhà trường, của các đơn vị trong trường [2.2.1.14]; [2.2.1.15].

Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý các hoạt động của Nhà trường được triển khai thực hiện có hiệu quả tại các đơn vị của Trường bao gồm: Tổ chức và quản lý các hoạt động của Trường [2.2.2.1], của các đơn vị trong trường [2.2.2.2]. Hội nghị CBVC hàng năm đều có báo cáo tổng kết về tổ chức và quản lý các hoạt động của Trường [2.2.2.3], của các đơn vị trong trường [2.2.2.4]. Nhà trường đã xây dựng được hệ thống Thanh tra Đảng, Thanh tra nhân dân, Thanh tra Đào tạo, nhằm giám sát và xử lý các vi phạm quy định về tổ chức và quản lý trong các hoạt động của Trường [2.2.2.5].

**Điểm mạnh:** Trong nhiều năm qua, các hoạt động của Nhà trường đều được đánh giá là chặt chẽ, có hiệu quả, điều đó có được là nhờ biết vận dụng đúng, linh hoạt các văn bản pháp quy của cấp trên, biết triển khai đầy đủ đến tận cơ sở, đồng thời có hệ thống giám sát việc thực hiện một cách chặt chẽ.

**Tồn tại:** Hệ thống lưu trữ văn bản chưa chặt chẽ, thống nhất nên khó truy cập.

**Kế hoạch:** Để làm tốt hơn công tác quản lý các hoạt động của Nhà trường, năm 2006 Nhà trường cần xây dựng hệ thống chuyên trách đảm nhận việc giám sát, hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp quy. Xây dựng hệ thống lưu giữ các văn bản một cách khoa học hơn.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 2.3**

### ***Trách nhiệm, quyền hạn của tập thể lãnh đạo và cá nhân***

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên nằm trong hệ thống giáo dục và đào tạo Việt Nam. Là trường đào tạo đa ngành và được Nhà nước giao nhiệm vụ đào tạo các hệ Trung học chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học và Sau đại học (Thạc sỹ, Tiến sỹ).

Trong quá trình xây dựng và phát triển của Trường, đội ngũ lãnh đạo luôn đoàn kết nhất trí cao, Nhà trường phát triển ổn định, mở rộng quy mô đào tạo và rất chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp nhu cầu nhân lực chất lượng cao để phát triển đất nước. Trường có đội ngũ cán bộ quản lý thực hiện chức năng điều hành thống nhất từ Nhà trường đến các đơn vị và các tổ công tác. Đảm bảo công tác quản lý triển khai mọi chủ trương của Nhà trường đến từng cán bộ, tạo mọi điều kiện cho cán bộ giảng viên thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ với Nhà trường.

Ban Giám Hiệu là tập thể lãnh đạo cao nhất. Nhiệm kỳ 2000-2004 Ban Giám Hiệu gồm 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng. Nhiệm kỳ 2004-2009, quy mô tăng và mở thêm ngành đào tạo, Ban Giám Hiệu gồm Hiệu trưởng và 04 Phó Hiệu trưởng. Trách nhiệm, quyền hạn của Hiệu trưởng được quy định theo Điều lệ trường đại học, các Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng phân công phụ trách các mảng công việc cụ thể [2.3.1.1]; [2.3.1.2]. Văn bản phân định trách nhiệm được phổ biến tới các đơn vị và được đưa lên Website của Trường để lãnh đạo các đơn vị, cán bộ viên chức trong trường biết để liên hệ giải quyết công việc.

Lãnh đạo các phòng chức năng và đơn vị chuyên môn trong trường có nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ trường đại học. Mỗi phòng chức năng có Trưởng phòng và 03 đến 04 Phó trưởng phòng, được phân định nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân; Các đơn vị chuyên môn gồm có trưởng và 2 phó đơn vị được phân định nhiệm vụ rõ ràng và thông báo công khai trong toàn trường [2.3.1.3]; [2.3.1.4].

Nhà trường có Website giới thiệu về trường, cơ cấu tổ chức các hoạt động của Trường và công bố các văn bản về phân định trách nhiệm trong lãnh đạo trường, lãnh đạo các đơn vị và thực hiện chức trách nhiệm vụ như phân định làm cho công tác quản lý điều hành của Nhà trường thuận lợi.

Các văn bản quy định phân định trách nhiệm được tổ chức quán triệt trong lãnh đạo và toàn thể cán bộ viên chức. Văn bản Luật giáo dục, Điều lệ trường đại học, Quy chế tổ chức hoạt động của Đại học Thái Nguyên được phổ biến đến các đơn vị.

Nhà trường điều hành công tác thông qua các hội nghị giao ban (hàng tháng), kiểm điểm công tác trong tháng và đề ra phương hướng công tác tháng sau.

Hàng năm, đều có tổ chức Hội nghị CBVC từ cơ sở đến cấp trường. Thông qua Hội nghị CBVC các cấp, công tác điều hành Nhà trường được công khai, dân chủ, tạo điều kiện cho CBVC quyền đóng góp [2.3.2.4]. Vì vậy, trong những năm qua công tác điều hành đã góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, đưa Nhà trường phát triển và ổn định.

Website đã góp phần công khai các hoạt động điều hành tới CBVC và HSSV. Số người tiếp cận với mạng Internet ngày càng nhiều.

**Điểm mạnh:** Trong quá trình xây dựng và phát triển Nhà trường, đội ngũ lãnh đạo qua nhiều thế hệ luôn đảm bảo sự đoàn kết nhất trí cao; trách nhiệm, quyền hạn của tập thể lãnh đạo và mỗi cá nhân được phân định rõ ràng, được công bố đến các đơn vị và trên Website của Trường. Nhà trường điều hành công tác thông qua các hội nghị giao ban thường kỳ hàng tháng và tổ chức hội nghị CBVC từ cấp cơ sở đến cấp trường công khai, dân chủ bàn bạc, nhằm xây dựng Nhà trường ổn định và ngày càng phát triển.

**Tồn tại:** Quy định chỉ có 3 phòng chức năng trong toàn trường, cho nên khó làm rõ trách nhiệm quản lý của từng bộ phận.

**Kế hoạch:** Sắp xếp và bố trí các phòng ban hợp lý hơn, phân định quyền hạn và trách nhiệm của các cá nhân cụ thể hơn, tách các chức năng chuyên môn ra khỏi chức năng lãnh đạo quản lý. Chuyển bộ phận chuyên trách quản lý đào tạo sau đại học khỏi phòng ĐT - KH - QHQT để thành lập Khoa đào tạo Sau đại học.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 2.4**

### ***Nhà trường có chiến lược và kế hoạch phát triển***

Trong 40 năm xây dựng và trưởng thành, nhiệm vụ chính trị của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp luôn gắn liền với sự phát triển của đất địa phương nơi trường đóng cũng như với sự phát triển của khu vực và của đất nước.

Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của các tỉnh miền núi phía Bắc trong những năm qua được thể hiện qua văn kiện các kỳ đại hội của Đảng, chiến lược xây dựng đất nước [2.4.1.1]; [2.4.1.2] và các địa phương: "... đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội..."; "...hướng ưu tiên là chuyển giao và ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến vào sản xuất và đời sống..." [2.4.1.3]; "Tiếp tục phát triển các sản phẩm công nghiệp, cơ khí chế tạo máy, vật liệu xây dựng..."; "Nâng cao chất lượng lưới điện phục vụ yêu cầu sản xuất và đời sống..."...Đẩy mạnh đổi mới công nghệ" [2.4.1.4]; [2.4.1.5]. Nhiệm vụ đào tạo và NCKH của Nhà trường được xây dựng thành nhiệm vụ trong từng nhiệm kỳ của Đảng bộ "Tiếp tục đa dạng hoá các loại hình đào tạo và đào tạo lại để đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng trung du và vùng núi phía Bắc nước ta" [2.4.1.6], kế hoạch từng năm học [2.4.1.7], kế hoạch trung hạn và dài hạn: "Tập trung thực hiện các nghiên cứu ứng dụng ở trình độ cao, phục vụ trực tiếp cho sự phát triển toàn diện của khu vực và lãnh thổ, đặc biệt là nhiệm vụ của khu vực trung du và miền núi phía Bắc" [2.4.2.1]; [2.4.2.2] để thực hiện nhiệm vụ của đất nước cũng như của vùng trung du và miền núi phía Bắc và đặc biệt của Tỉnh Bắc Thái trước đây, Tỉnh Thái Nguyên ngày nay. Với nhiệm vụ chung này, các đơn vị đều có kế hoạch cụ thể để thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển Nhà trường. Toàn bộ kế hoạch ngắn và dài hạn đều đã được đưa lên Website của Trường [2.4.2.4].

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước nói chung, vùng núi phía Bắc và Tỉnh Thái Nguyên nói riêng, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp có nhiệm vụ vô cùng to lớn đó là đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật trong các lĩnh vực công nghiệp: Cơ khí, Động lực, Điện, Năng lượng, Môi trường.v.v. Thực hiện nhiệm vụ đó, ngoài công tác đào tạo chính quy, Nhà trường đã nhận nhiệm vụ đào tạo con em các dân tộc ít người vùng sâu, vùng xa (hệ cử tuyển); tổ chức đào tạo nhiều lớp theo nhu cầu của các địa phương, nhất là miền núi như Thái Nguyên, Lào Cai, Sơn La, Hoà Bình, Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Giang.v.v. và chuyển giao công nghệ tại nhiều tỉnh Miền núi như Phú Thọ, Yên Bái, Hà Giang .v.v

Trong 5 năm, Nhà trường đã đào tạo cho các tỉnh miền núi phía Bắc hơn 200 kỹ sư liên ngành Cơ - Điện hệ cử tuyển, bình quân mỗi năm đào tạo cho các tỉnh thuộc khu vực trung du và miền núi phía Bắc hàng nghìn kỹ sư các ngành Cơ khí chế tạo máy, Điện khí hoá - Cung cấp điện, Hệ thống điện, Kinh tế, Động lực, Kỹ thuật máy tính.v.v.

Việc thực hiện kế hoạch của Nhà trường được các đơn vị triển khai và được đánh giá thường xuyên qua giao ban hàng tháng. Cuối năm học, Nhà trường thường xuyên tổ chức đánh giá việc thực hiện kế hoạch hàng năm; trong nhiệm kỳ đại hội của các tổ chức Công đoàn, Đoàn TN đều có đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch tổng thể của Nhà trường trong phạm vi tổ chức mình. ĐH Đảng bộ nhiệm kỳ đánh giá toàn diện việc thực hiện nhiệm vụ chiến lược trong từng giai đoạn.

Với định hướng đúng và triển khai tốt nên mọi công tác của Trường đã đạt nhiều thành tích, phục vụ tốt sự phát triển của đất nước, của địa phương và sự phát triển của Nhà trường. Sinh viên ra trường được xã hội chấp nhận và đảm nhiệm nhiều cương vị quan trọng trong các cơ quan Nhà nước cũng như các doanh nghiệp [2.4.2.5].

Với những đóng góp cho các địa phương trong nhiều lĩnh vực Nhà trường đã được nhiều tỉnh tặng Bằng khen như Sơn La, Hà Giang, Thái Nguyên.v.v. Với sự đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, tháng 11 năm 2001 trường được Nhà nước tặng Huân chương Độc lập Hạng Ba và tháng 5 năm 2005 trường được tặng Huân chương Độc lập Hạng Nhì trước thời hạn [2.4.2.3].

**Điểm mạnh:**

- Nhà trường có chiến lược và kế hoạch rõ ràng, phù hợp với từng thời kỳ phát triển của đất nước, của các địa phương và của Nhà trường.
- Triển khai các kế hoạch đầy đủ và có hiệu quả.
- Thường xuyên giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch của Nhà trường và các đơn vị.

**Tồn tại:** Các đơn vị chủ yếu mới triển khai kế hoạch của Nhà trường mà chưa chủ động xây dựng kế hoạch của đơn vị, để trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch tổng thể của Nhà trường.

**Kế hoạch:**

- Khảo sát tình hình phát triển kinh tế xã hội các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc sau Đại hội Đảng bộ các tỉnh để cụ thể hoá kế hoạch và chiến lược phát triển đáp ứng tốt hơn đòi hỏi của đất nước cũng như khu vực và nhất là Tỉnh Thái Nguyên, đặc biệt là đào tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh miền núi.

- Nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ phục vụ trực tiếp cho sự phát triển toàn diện của các tỉnh khu vực trung du và miền núi phía Bắc trong các lĩnh vực Cơ khí, Điện - Điện tử, Môi trường, Xây dựng.v.v.
  - Xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch tháng và kế hoạch tuần và định kỳ tổ chức giao ban tháng để đánh giá việc thực hiện kế hoạch của Nhà trường.
  - Các đơn vị chủ động lập kế hoạch của mình để thực hiện kế hoạch và chiến lược phát triển của Nhà trường.
  - Phân cấp cho các đơn vị nhiều hơn nữa nhất là các chức năng chuyên môn.
- Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 2.5**

### ***Tổ chức Đảng và các đoàn thể trong trường hoạt động có hiệu quả, tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ***

Trong 5 năm qua (2001-2005), hoạt động của các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn TNCS HCM của Nhà trường rất có hiệu quả:

1- Trên cơ sở Sứ mạng và mục tiêu GD - ĐT của Nhà trường, Đảng bộ Nhà trường vạch ra đường lối, chủ trương phát triển Nhà trường một cách đúng đắn thể hiện trong báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp lần thứ IX, X, XI [1.1.1.3]; [1.1.1.7]; [1.1.1.13] và Nghị quyết Hội nghị BCH Đảng bộ Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp khoá X [2.5.1.2], trong các kế hoạch phát triển Nhà trường như kế hoạch phát triển Nhà trường giai đoạn 2001-2005 [1.1.1.11]; quy hoạch phát triển Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2006-2010 [1.1.2.2], quy hoạch phát triển Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2005-2015 và định hướng phát triển đến năm 2020 [1.1.1.8], vạch ra những chỉ tiêu phấn đấu của từng nhiệm kỳ và các biện pháp cụ thể, hợp lý, đồng thời đã biết cách lãnh đạo và tổ chức quần chúng thực hiện để từng bước đạt được chỉ tiêu phấn đấu. [1.1.1.13]; [2.5.1.2].

2- Kết quả hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn TNCSHCM trong trường được thể hiện tổng hợp sau đây:

Đã đưa Nhà trường vượt qua được những khó khăn, do điều kiện Nhà trường nằm ngoài quy hoạch của Đại học Thái nguyên trong 10 năm qua. Trong điều kiện khó khăn đó, Nhà trường vẫn mở rộng quy mô đào tạo, huy động mọi tiềm lực để xây dựng được nhà A9 với 15 phòng học, nhà điều hành hiện đại, thư viện điện tử tiên tiến và năm 2006 tiếp tục xây nhà 5 tầng mới để làm PTN và nơi làm việc của các khoa, đồng thời vẫn góp phần nâng cao đời sống cho cán bộ, giáo viên, phúc lợi 250.000 đ/tháng/ người, theo quy chế chi tiêu nội bộ dự kiến tăng lương 1,5 lần [1.1.1.6]; [1.1.1.9].

Xây dựng được khối đoàn kết nội bộ, ổn định an ninh chính trị [2.5.2.14]. Đảng bộ đạt được nhiều thành tích to lớn nên liên tục 5 năm được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh [1.1.1.13]; [2.5.2.15].

Từ 2000-2005, Nhà trường được tặng huân chương Độc lập Hạng Ba [2.5.2.8] và Hạng Nhì [2.5.2.9]; trong ba năm gần đây nhất, 2 lần Nhà trường được tặng bằng



khen của Thủ tướng Chính phủ, được công nhận là đơn vị tiên tiến xuất sắc của Bộ GD&ĐT [2.5.2.4].

Tổ chức Công đoàn trường được tặng cờ thi đua của LĐLĐ Tỉnh Thái Nguyên năm 2002, 2003, 2004 [2.5.2.12], bằng khen của Tổng LĐLĐVN năm 2003, 2004 [2.5.2.16], bằng khen của Công đoàn GDVN năm 2003 [2.5.2.13].

Đoàn TNCS HCM Nhà trường được Trung ương đoàn tặng bằng khen năm học 2004-2005 [2.5.2.10], được BCH Đoàn Thanh niên Công sản HCM Đại học Thái Nguyên tặng giấy khen năm 2003 [2.5.2.11].

3- Mọi hoạt động của Nhà trường đều tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ:

Những đường lối, chủ trương, biện pháp thực hiện trong các lĩnh vực chuyên môn, xây dựng cơ sở vật chất, tuyển dụng cán bộ, bổ nhiệm cán bộ, chi tiêu nội bộ đều được đưa ra thảo luận để mọi người tham gia đóng góp. Khi chúng đã trở thành quyết nghị của tập thể theo đa số thì được thực thi dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của Nhà trường. Tất cả những điều đó được thể hiện trong thông báo của Hiệu trưởng về thi hành quy chế dân chủ trong nhà trường [2.5.2.1] và trong lịch làm việc hàng tuần [2.5.1.1] cũng như nội dung giao ban hàng tháng của Nhà trường từ 2001-2005 [2.5.1.7].

**Đánh giá:** Có đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ, các tổ chức quần chúng tin tưởng vào Đảng bộ và quyết tâm thực hiện các quyết sách của Đảng bộ. Mọi hoạt động của các tổ chức trong trường không mang tính hình thức mà đều mang lại hiệu quả thiết thực. Mọi người đoàn kết, khắc phục khó khăn, hướng tới mục tiêu phát triển Nhà trường lớn mạnh.

**Tồn tại:** Do có nhiều công việc đột xuất, dẫn đến việc tiếp CBVC của lãnh đạo Nhà trường nhiều lúc không theo đúng lịch.

**Kế hoạch:** Để đảm bảo việc tiếp CBVC đúng lịch, khi lập lịch công tác hàng tuần, hàng tháng phải lưu ý đến lịch tiếp cán bộ viên chức của Lãnh đạo Nhà trường. Khi có sự thay đổi phải thông báo ngay, đặc biệt ưu tiên cập nhật thay đổi trên trang Web của Trường.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## TIÊU CHUẨN 3

### Chương trình đào tạo

Hiện tại, 14 chương trình đào tạo đại học của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đều được xây dựng dựa trên dự thảo chương trình khung của Bộ GD&ĐT cho khối ngành Kỹ thuật và Công nghệ. Các chương trình đào tạo của trường được thiết kế một cách hệ thống đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và nhu cầu của thị trường lao động. Chương trình đào tạo của Nhà trường luôn được bổ sung, cập nhật thông qua tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học trong và ngoài nước, ý kiến phản hồi từ xã hội. Ngoài ra chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng liên thông giữa các trình độ đào tạo và giữa các trường.

### TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 3.1

#### *Xây dựng chương trình đào tạo theo chương trình khung của Bộ*

Khi mới thành lập Nhà trường chỉ có 2 ngành đào tạo trình độ đại học là Cơ khí chế tạo máy và Điện khí hoá xí nghiệp, đến nay căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Nhà trường, theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Nhà trường đã tổ chức đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực từ bậc Trung học tới Cao đẳng, Đại học, Thạc sỹ và Tiến sỹ [3.1.1.7].

Đối với từng ngành đào tạo, trong từng giai đoạn cụ thể, Nhà trường luôn xây dựng chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy và học tập bám sát các văn bản, quy định và dự thảo chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành [3.1.1.1].

Chương trình, kế hoạch giảng dạy và học tập cho từng ngành, từng hệ đào tạo được Nhà trường xây dựng theo quy trình thống nhất trên cơ sở các Quy chế đào tạo của Bộ, các văn bản của Đại học Thái Nguyên và các Quyết định của Nhà trường. Chương trình và kế hoạch được các Hội đồng khoa học ngành tổ chức xây dựng và nghiệm thu. Sau đó được Hội đồng Khoa học trường thẩm định và Hiệu trưởng ký phê duyệt ban hành theo uỷ quyền của Đại học Thái Nguyên. Năm 1997 trường đã xây dựng và thực hiện hệ thống chương trình đào tạo 2 giai đoạn theo chủ trương của Bộ GD&ĐT. Năm 1999-2000, chương trình đào tạo được điều chỉnh do bỏ trường Đại học Đại cương thuộc Đại học Thái Nguyên. Từ năm học 2004-2005, Nhà trường xây dựng và điều chỉnh chương trình theo chương trình khung mới của Bộ, đã xem xét các yếu tố liên thông dọc và liên thông ngang trong chương trình. Toàn bộ các hệ, các ngành đào tạo có đầy đủ chương trình mang tính kế thừa, cập nhật, khoa học và sư phạm [3.1.1.2].

Trên cơ sở chương trình đào tạo đã được duyệt, Nhà trường đã lập các văn bản về kế hoạch đào tạo, kế hoạch giảng dạy và học tập cho từng ngành học, năm học, học kỳ thông qua các biểu đồ, biểu mẫu thống nhất toàn trường [3.1.1.3].

Để đảm bảo sự đồng bộ trong giảng dạy và học tập cho các đơn vị trong trường và các đơn vị thuộc Đại học Thái Nguyên tham gia dạy chéo, Nhà trường đã cụ thể hoá kế hoạch giảng dạy, học tập bằng thời khoá biểu, lịch thi từng học kỳ, từng khoá, từng ngành. Sau khi lấy ý kiến của các khoa, bộ môn và thông qua Ban Giám Hiệu, các kế hoạch này được Nhà trường giao cho các khoa để triển khai cho các bộ môn và các lớp. Hàng năm các khoa, bộ môn có trách nhiệm lập bản phân công giảng dạy, hướng dẫn thí nghiệm, thực hành, thực tập cụ thể cho từng giảng viên và báo cáo Nhà trường. Hiệu trưởng ra Quyết định phân công khối lượng giảng dạy năm học cho các bộ môn và giảng viên [3.1.1.4].

Nhà trường đã công bố chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, kế hoạch giảng dạy và học tập trên Website của Nhà trường [3.1.1.5]; [3.1.1.6].

Cùng với chương trình khung, Nhà trường đã biên soạn và ban hành chương trình chi tiết có tài liệu tham khảo của từng môn học trong chương trình đào tạo [3.1.2.1]. Các tài liệu tham khảo được phục vụ tập trung tại Thư viện, chương trình chi tiết được giảng viên giảng dạy công bố trước lớp trong buổi học đầu tiên, và công bố trên Website của Nhà trường [3.1.2.2].

**Điểm mạnh:** Nhà trường có đầy đủ chương trình và kế hoạch đào tạo mang tính khoa học, tiên tiến và sư phạm, phù hợp với các quy định về chương trình khung của Bộ, với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của Nhà trường và nhu cầu của xã hội.

**Tồn tại:** Việc phổ biến đề cương chi tiết học phần cho sinh viên trên lớp đôi khi khi còn chậm.

**Kế hoạch:** Chủ động hoàn chỉnh chương trình đào tạo đại học và sau đại học có sự liên thông dọc, liên thông ngang một cách khoa học và đáp ứng với việc chuyển sang đào tạo theo tín chỉ vào năm 2006.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác biên soạn tài liệu tham khảo, giáo trình, hoàn thành kế hoạch phủ kín giáo trình vào năm 2007.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 3.2**

### ***Chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực, thị trường lao động***

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã đào tạo hệ Đại học được 40 năm và hệ Sau đại học được 7 năm. Chương trình đào tạo của Nhà trường hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu đặt ra của các bậc học và theo đúng các quy định của Bộ GD&ĐT và phù hợp với nguồn nhân lực và thị trường lao động.

Chương trình đào tạo của mỗi ngành đều có mục tiêu chung và mục tiêu riêng phù hợp với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực khoa học công nghệ cho các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc cũng như trình độ của sinh viên nhập học từ các khu vực kinh tế còn kém phát triển [3.2.1.1]; [3.2.1.2]. Trong 5 năm qua, Nhà trường đã tổ chức nhiều Hội nghị về chương trình đào tạo để xây dựng các chương trình đào tạo theo chương trình khung mới của Bộ [3.2.1.3], đã tổ chức đánh giá nghiệm thu 14 chương trình đào tạo bậc Đại học theo dự thảo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, xây dựng và mở thêm 03 ngành đào tạo đại học mới (Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật Xây dựng Công trình, và Kỹ thuật Máy tính), 02 chuyên ngành đào tạo bậc Thạc sỹ (Cơ học Kỹ thuật, Thiết bị, Mạng và Nhà máy điện) và 01 chương trình đào tạo bậc Tiến sỹ (chuyên ngành Công nghệ Chế tạo máy) [3.2.1.4]. Các chương trình đào tạo được phổ biến rộng rãi thông qua sổ tay sinh viên, niên giám và Website của Trường.

Các chương trình đào tạo có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết và thực hành. Bên cạnh đó chương trình đào tạo còn đảm bảo tính thực tế cao, giúp sinh viên dễ dàng thích ứng với môi trường làm việc sau này. Việc thiết kế chương trình đào tạo có chú ý đến tính liên thông thể hiện ở chỗ chương trình học tập của 3 học kỳ đầu của các ngành Cơ khí, Điện và Điện tử là như nhau, chương trình học tập của tất cả 14 ngành đào tạo đại học là như nhau trong hai học kỳ đầu.

Chương trình đào tạo của từng ngành phù hợp với yêu cầu của người học [3.2.2.1] và linh hoạt. Các học phần do trường chọn đều chú ý đến mức độ hiện đại, yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp trong nước cũng như liên doanh với nước ngoài. Khoảng 40% các giảng viên có kinh nghiệm của Nhà trường đang tham gia tích cực vào quá trình chuyển giao công nghệ cho các cơ sở sản xuất ở miền Bắc, vì thế chương trình đào tạo của Nhà trường luôn cập nhật được yêu cầu của thị trường lao động.

Nhà trường đã tổ chức các hội nghị hoàn thiện chương trình đào tạo với đại diện các nhà tuyển dụng nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế của công nghiệp [3.2.2.2]. Các kỹ sư do trường đào tạo đáp ứng cao các yêu cầu của thực tế và xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực chuyển giao công nghệ và giải quyết các vấn đề kỹ thuật phát sinh trong sản xuất. Nhà trường tổ chức nhiều buổi giao lưu với sinh viên, cựu sinh viên bàn về chương trình đào tạo [3.2.2.3]; [3.2.2.4]. Trên Website đã có mục trao đổi, góp ý về chương trình đào tạo [3.2.2.5].

Chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học thể hiện qua số lượng thí sinh tham gia dự tuyển ngày càng tăng, điểm tuyển sinh vào trường tăng liên tục qua các kỳ thi tuyển sinh đại học theo phương thức 3 chung, điểm sàn trường tăng từ 16 điểm (2003), 17 điểm (2004) lên 19,5 điểm (2005). Việc đào tạo bậc Thạc sỹ đã thu hút giảng viên của các trường Trung học kỹ thuật, Cao đẳng, Đại học cũng như các cơ sở sản xuất công nghiệp khu vực phía Bắc tới học. Khoảng 95% sinh viên do trường đào tạo có việc làm sau khi ra trường 3 tháng. Nhà trường thường xuyên tổ chức lấy ý kiến của người học về chương trình đào tạo.

**Điểm mạnh:** Các chương trình đào tạo của nhà trường thường xuyên được cập nhật theo các quy định chung của Bộ GD & ĐT cũng như các kiến thức mới trong lĩnh vực theo các chương trình tiên tiến của các trường ĐH nước ngoài đồng thời nhà trường thường xuyên gắn kết nội dung giảng dạy với các cơ sở công nghiệp trong nước đặc biệt là các doanh nghiệp vốn đầu tư nước ngoài. Hầu như 100% sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm phù hợp ngay trong 6 tháng đầu tiên kể từ khi ra trường.

**Tồn tại:** Về tính hiện đại một vài chương trình đào tạo còn chưa cập nhật được với yêu cầu mới của thực tiễn sản xuất. Tính liên thông dọc và ngang tuy đã được quan tâm khi xây dựng chương trình đào tạo nhưng vẫn cần tiếp tục nghiên cứu và bổ sung thêm.

**Kế hoạch:**

- Các chương trình đào tạo của Nhà trường trong kế hoạch 2005-2010 sẽ tham khảo chương trình đào tạo của các trường cùng khối ngành trong khu vực và quốc tế cũng như yêu cầu mới của thực tế sản xuất công nghiệp.

- Năm 2006 sẽ xây dựng chương trình đào tạo theo hình thức modul hoá, tạo thuận lợi cho việc tổ chức đào tạo theo tín chỉ và đảm bảo tính liên thông cao.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo liên thông.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

### **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 3.3**

#### ***Các chương trình đào tạo được bổ sung và điều chỉnh thường xuyên***

Nhà trường thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm đạt mục tiêu có được chương trình đào tạo của các ngành trong trường tiên tiến, hiện đại phù hợp với sự phát triển chung của cả nước và khu vực.

Trong 5 năm qua, nhiều lần Nhà trường tổ chức hội nghị điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo [3.3.1.1]; [3.3.1.2]. Đặc biệt với 3 ngành đào tạo hệ đại học của

Khoa Sư phạm Kỹ thuật (Cơ khí, Điện, Tin học) từ năm 2003 Nhà trường đã tăng hàm lượng chuyên môn trong từng chương trình đào tạo để các cử nhân sau khi ra trường có thể đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy tại các trường cao đẳng kỹ thuật và trung học chuyên nghiệp. Hơn nữa những chương trình đào tạo này kéo dài 5 năm thay cho 4 năm như trước đây để phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động (giảng dạy bậc trung học phổ thông, trung học dạy nghề và công tác tại các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp). Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ GD&ĐT, tham khảo các chương trình đào tạo của các nước phát triển như Nhật, Australia, Cộng hoà Séc.v.v. Ngoài ra, Nhà trường còn tham khảo chương trình đào tạo của các trường trong nước như Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Bách khoa Đà Nẵng.v.v. [3.3.1.3]; [3.3.1.4].

Hàng năm, vào đầu năm học Nhà trường đều tổ chức hội nghị lấy ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo từ các tổ chức giáo dục và các tổ chức xã hội khác cũng như hội nghị với cựu sinh viên để điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo. Đồng thời Nhà trường cũng thường xuyên lấy ý kiến của các đơn vị tuyển dụng, các vị lãnh đạo Nhà trường qua nhiều thế hệ, đội ngũ giảng viên để điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với trình độ, năng lực của sinh viên [3.3.2.1]; [3.3.2.2]; [3.3.2.3].

Dựa trên cơ sở các ý kiến phản hồi từ các tổ chức xã hội, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, giảng viên và người học.v.v. Nhà trường định kỳ thành lập các hội đồng xem xét đánh giá chương trình đào tạo, các khoa chuyên môn triển khai bổ sung, cập nhật, sau đó Nhà trường tổ chức nghiệm thu và ra quyết định ban hành chương trình đào tạo sửa đổi.

**Điểm mạnh:** Nhà trường đã thường xuyên điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo cho phù hợp với thời đại, theo chương trình khung của Bộ Giáo dục & Đào tạo và yêu cầu của các nhà tuyển dụng. Việc điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo còn với mục tiêu đáp ứng tốt yêu cầu xã hội như việc chuyển chương trình đào tạo giảng viên sư phạm kỹ thuật từ 4 lên 5 năm.

**Tồn tại:** Một số môn học, học phần trong chương trình đào tạo còn ảnh hưởng nhiều của chương trình Liên Xô trước đây nên mức độ thích ứng với yêu cầu chung của quốc tế cũng như các cơ sở liên doanh với nước ngoài tại Việt Nam còn chưa cao.

Phương pháp kiểm tra, đánh giá sinh viên còn chưa đa dạng.

**Kế hoạch:** Trong 5 năm tới (2006-2010), Nhà trường sẽ thực hiện bổ sung và điều chỉnh chương trình đào tạo nhiều lần trên cơ sở tự đánh giá chương trình đào tạo, tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến của các trường trong nước, trong khu vực, quốc tế và ý kiến phản hồi hàng năm từ các cơ quan ban ngành có chức năng đào tạo, các nhà tuyển dụng, người học, giảng viên, các doanh nghiệp trong và ngoài nước về sự phù hợp của chương trình đào tạo của Nhà trường với yêu cầu của thực tiễn sản xuất.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 3.4

### *Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng liên thông*

Căn cứ vào sứ mạng, chức năng nhiệm vụ của các trường đại học và nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước, Nhà trường ngoài việc đào tạo hệ chính qui, các chương trình đào tạo còn được thiết kế theo hướng đào tạo liên thông. Đào tạo liên thông là quá trình đào tạo cho phép công nhận và chuyển đổi kết quả học tập và rèn luyện của người học từ một trình độ này tới một hay một số trình độ khác hoặc trong các ngành khác nhau của cùng một trình độ thuộc hệ thống giáo dục và đào tạo. Nhà trường đã có các hệ thống văn bản qui định về đào tạo liên thông như sau:

- Quy định tạm thời về đào tạo liên thông dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học ban hành kèm theo Quyết định số 49/2002/QĐ-BGD&ĐT [3.4.1.3], [3.4.1.4].

- Quyết định số 22/2001/QĐ-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT qui định về cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai [3.4.1.4]; [3.4.1.3].

- Quyết định số 25/QĐ-ĐT của Hiệu trưởng trường về liên thông giữa các phương thức tổ chức đào tạo của Trường [3.4.1.2] (liên thông dọc và liên thông ngang).

- Quyết định số 1623/QĐ-BGD&ĐT về việc liên thông giữa các trình độ đào tạo của Trường [3.4.1.1] (Trung cấp lên Đại học; Cao đẳng lên Đại học).

- Các qui định về đào tạo liên thông giữa các trình độ, các phương thức tổ chức đào tạo được Nhà trường công bố trên Website của Trường theo địa chỉ [www.dhktcn.edu.vn](http://www.dhktcn.edu.vn) [3.4.1.5].

Để công tác đào tạo liên thông được tốt hơn, Nhà trường đã có hai đề tài NCKH cấp Bộ về đào tạo liên thông trong đó có một đề tài cấp Bộ trọng điểm. Các kết quả nghiên cứu của đề tài làm cơ sở tạo ra các văn bản trong quá trình đào tạo.

Sau khi ban hành những văn bản về đào tạo liên thông giữa các trình độ và các phương thức đào tạo; Nhà trường căn cứ vào chương trình đào tạo hệ Cao đẳng chính qui; căn cứ vào chương trình đào tạo hệ Đại học chính qui của các nhóm ngành đã xây dựng khung chương trình đào tạo liên thông cho các nhóm ngành học gồm liên thông dọc và liên thông ngang. Chương trình đào tạo liên thông được giao cho hội đồng khoa học các khoa tổ chức xây dựng và đánh giá, sau đó được thông qua Hội đồng khoa học trường và Hiệu trưởng phê duyệt ban hành. Hiện tại, Nhà trường đã có đầy đủ kế hoạch, chương trình học tập về đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học của 9 ngành học trong toàn trường [3.4.2.1].

Trong nhiều năm nay, để phát triển nguồn nhân lực cho khu vực vùng núi phía Bắc Nhà trường đã triển khai và kí kết nhiều hợp đồng về đào tạo liên thông cho các tỉnh như Hoà Bình, Hải Phòng, Nam Định, Nghệ An, Hà Tây, Thái Nguyên .v.v.[3.4.2.2]. Qui mô đào tạo liên thông của Trường ngày một tăng, năm 2003 đào tạo 478 SV; năm 2004 đào tạo 771 SV [3.4.2.3].

Mọi qui định về đào tạo liên thông giữa các trình độ, các phương thức tổ chức đào tạo và giữa các trường cũng như kế hoạch đào tạo liên thông được công bố công khai trên Website của Trường [3.4.2.4].

**Đánh giá:** Đã có hệ thống văn bản đầy đủ về đào tạo liên thông. Đã xây dựng được 9 chương trình kế hoạch đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học. Đã có nhiều năm và nhiều kinh nghiệm trong việc đào tạo liên thông cho các tỉnh vùng núi phía Bắc.

**Tồn tại:** Các lớp đào tạo liên thông thường rất khó khăn trong việc thực hành thí nghiệm, khó khăn trong việc thực hiện các phương pháp giảng dạy mới, khó khăn cho việc thực hiện đào tạo theo tín chỉ.

**Kế hoạch:** Chương trình đào tạo liên thông phải chỉnh sửa sao cho phù hợp với việc đào tạo theo tín chỉ, phù hợp với việc đổi mới phương pháp giảng dạy. Tăng cường đào tạo các lớp liên thông tại trường hoặc gần trường để dễ dàng cho việc thực hành thí nghiệm, thuận lợi cho giảng viên sử dụng các trang thiết bị dạy học theo hướng đổi mới phương pháp giảng dạy.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TIÊU CHUẨN 4**

### **Các hoạt động đào tạo**

Mười năm đầu thành lập (1965 - 1975), trường chỉ có một loại hình đào tạo duy nhất là chính quy tập trung. Sau năm 1975 khi đất nước thống nhất, nhu cầu đào tạo bắt đầu tăng, Nhà trường đã mở thêm các hệ chuyên tu tập trung và đào tạo tại chức. Tuy nhiên, trước thời kỳ đổi mới quy mô các hệ đào tạo không chính quy không đáng kể (khoảng 20% so với hệ chính quy). Hiện nay, Nhà trường không tổ chức đào tạo hệ chuyên tu nữa, chỉ còn hệ đại học tại chức và đại học liên thông từ cao đẳng. Số lượng sinh viên hệ không chính quy hiện nay trên 4512 người, gần bằng với số sinh viên hệ chính quy.

### **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 4.1**

#### **Đa dạng hoá các phương thức đào tạo**

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo cán bộ cho các chương trình phát triển kinh tế xã hội ở các tỉnh phía Bắc, trong suốt 40 năm qua Nhà trường đã kiên trì thực hiện phương châm giáo dục của Đảng, đa dạng hoá các loại hình đào tạo, đưa ra các phương thức tổ chức đào tạo thích hợp: Đại học chính quy, tại chức (TC), chuyên tu (CT), cử tuyển, ngắn hạn (NH), hoàn chỉnh (HC). Các lớp đại học không chính quy này bắt đầu đào tạo từ năm 1975 tại trường, đến nay đã mở rộng đến hầu hết địa phương của các tỉnh phía Bắc như Sơn La, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Giang, Phú Thọ, Hải Phòng, Hà Nội, Thái Bình, Thanh Hoá, Nghệ An. Số sinh viên hệ đào tạo không chính quy tăng lên không ngừng (2353 SV năm 2001 lên 4512 sinh viên năm 2005), bằng số sinh viên hệ đại học chính quy trong trường. Quá trình đào tạo chấp hành tốt các qui định của Bộ GD&ĐT. Chất lượng đào tạo đáp ứng được các nhu cầu phát triển kinh tế của các địa phương.

Từ năm 2001 đến nay, để tiếp tục mở rộng qui mô đào tạo đáp ứng nhu cầu cán bộ KHKT cho các địa phương, đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của người học theo những chuẩn mực thích hợp. Song song với việc nâng cao chất lượng đào tạo hệ đại học chính quy để thu hút sinh viên, Nhà trường đã tổ chức lại Bộ phận đào tạo tại chức, thiết lập được mối liên hệ với các trung tâm giáo dục thường xuyên, nắm bắt kịp thời nhu cầu đào tạo của các địa phương và nhu cầu của người học, dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh cho từng vùng, miền.

Để việc quản lí đào tạo được chặt chẽ, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, từ năm 1995 công tác tuyển sinh, thi kiểm tra và công nhận tốt nghiệp đối với hệ đại học tại chức thực hiện theo qui chế số 2241/ GD-ĐT.

Nhà trường rất chú ý tới công tác điều tra sinh viên tốt nghiệp [4.1.1.4], qua đó nắm bắt được chất lượng đào tạo, từ đó điều chỉnh chương trình hoặc tăng cường nội dung cho phù hợp, công bố các phương thức đào tạo tập trung và không tập trung để người học chủ động kế hoạch học tập. Hàng năm, tổ chức hội nghị cán bộ và giảng viên lấy ý kiến để thiết kế chương trình phù hợp với nhu cầu người học, tổ chức lấy ý kiến thăm dò người học về hình thức đào tạo thích hợp [3.4.1.2]; [3.4.1.3] và [4.1.1.5].

Từ năm học 2000 - 2001, do nhu cầu phát triển kinh tế các địa phương, đi đôi với việc tăng qui mô, Nhà trường tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, đã áp dụng các chuẩn mực chung về đánh giá các hình thức đào tạo khác nhau, triển khai xây dựng khung chương trình đảm bảo khối kiến thức bắt buộc theo quy định của Bộ. Đồng thời lựa chọn đưa vào khối kiến thức tự chọn phù hợp với đặc trưng của từng ngành. Nhà trường luôn quán triệt thực hiện đúng các quy chế đào tạo, thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp của Bộ GD&ĐT, các văn bản hướng dẫn thực hiện của Giám đốc Đại học Thái Nguyên và của Hiệu trưởng [4.1.1.1]; [4.1.1.2] ; [4.1.1.3] và [4.1.2.1].

**Điểm mạnh:** Trong những năm qua, Nhà trường đã kiên trì thực hiện phương châm giáo dục của Đảng gắn liền Nhà trường với xã hội, chủ động sáng tạo đề ra các bước đi phù hợp để phát triển các hình thức đào tạo. Chất lượng đào tạo ngày càng nâng lên, số người vào học ngày càng tăng lên. Sinh viên ra trường cơ bản có việc làm ngay, phần lớn làm đúng nghề nghiệp, có khả năng thích ứng nhanh với sản xuất, đây cũng là lợi thế trong việc quảng bá thương hiệu của Trường. Nhưng một điểm mạnh phải kể đến là Nhà trường đã xây dựng được một nền nếp quản lí chặt chẽ, thống nhất, có gắn trách nhiệm đến từng cá nhân trong hệ thống quản lí nên mọi người thực hiện với tinh thần tự giác cao. Do vậy, trong một thời gian dài không xảy ra hiện tượng khiếu kiện về thi tuyển đầu vào, thi kiểm tra và công nhận tốt nghiệp. Chính vì vậy, chỉ trong vòng 5 năm (2001 -2005) quy mô đào tạo của Trường tăng lên gấp 1,5 lần từ gần 6.506 HSSV lên 9702 HSSV. Các ngành đào tạo mới, bậc đào tạo mới cũng tăng lên.

**Tồn tại:** Đối với hệ đào tạo không chính qui đặt tại các địa phương xa trường, công tác thực hành thí nghiệm còn hạn chế, nhất là đối với các thiết bị thí nghiệm công kênh không thể mang đi phục vụ, sinh viên phải bố trí thí nghiệm vào cuối kỳ. Do hình thức học cuốn chiếu nên việc tiếp thu kiến thức của sinh viên cũng có khó khăn nhất định. Việc sử dụng chung một ngân hàng đề thi với hệ đại học chính qui là rất khó khăn, vì chất lượng đầu vào của hệ KCQ thấp hơn nhiều.

**Kế hoạch:** Song song với việc đẩy mạnh áp dụng các chuẩn mực chung về chương trình đào tạo, cùng các hình thức kiểm tra đánh giá tương ứng; Nhà trường cần tích cực vươn lên để phối hợp thực hiện các chương trình đào tạo với các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới, không ngừng áp dụng các phương pháp giảng dạy mới. Nhà trường đang gấp rút chuẩn bị điều kiện cơ sở vật chất, xây dựng chương trình đào tạo, tiến tới đào tạo loại hình kỹ sư chất lượng cao từ năm học



2006 -2007. Bắt đầu đào tạo theo tín chỉ từ năm học 2006- 2007 cho sinh viên từ khoá 41. Để đáp ứng những yêu cầu trên, Nhà trường đã và đang đầu tư mọi nguồn lực về tài chính, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, đẩy mạnh việc áp dụng các phương pháp quản lý mới. Với tiềm năng hiện có, dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ X, sự chỉ đạo sát sao của Ban Giám Hiệu, tin chắc rằng Nhà trường sẽ đạt được các các tiêu chí trên.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 4.2**

### ***Chế độ công nhận kết quả theo học phần và đào tạo theo tín chỉ***

Ngay sau khi có quy chế 04/1999 cùng các văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ Giáo dục & Đào tạo, của Đại học Thái Nguyên [4.2.1.1], Nhà trường đã quán triệt các văn bản này tới từng bộ môn và tổ chức thực hiện từ năm học 2000-2001.

Trên cơ sở của quy chế 04/1999, Nhà trường đã cụ thể hoá triển khai thực hiện quy chế này cho các khoá đào tạo trong toàn trường kể từ năm học 2000-2001 [4.2.1.2] chuyển toàn bộ việc tổ chức đào tạo sang theo chế độ tích lũy kết quả học tập theo từng học phần.

Chương trình đào tạo, kế hoạch học tập, và các quy định triển khai cụ thể quy chế 04/1999 được cập nhật trên Website của Nhà Trường.

Cuối năm 2004, thực hiện chương trình hành động của chính phủ (nghị quyết số 37/2004/QH11 khoá XI kỳ họp thứ 6 của quốc hội về giáo dục) trong đó nhấn mạnh: “Điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy chế đào tạo, tuyển sinh theo hướng áp dụng học chế tín chỉ trong đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp...”, Nhà trường đã tổ chức các đoàn cán bộ cấp cao và cán bộ phòng Đào tạo – Khoa học – Quan hệ Quốc tế đi thăm quan, tìm hiểu, học tập các trường có kinh nghiệm tổ chức đào tạo tín chỉ trong phạm vi cả nước. Trên cơ sở những thông tin có được và căn cứ vào đặc điểm cụ thể của Nhà trường, Nghị quyết đại hội Đảng bộ trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp lần thứ XI - 2005 đã xác định bắt đầu triển khai tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ cho K41 và K42 từ năm 2006. Trên cơ sở của Nghị quyết Nhà trường đã triển khai xây dựng quy chế đào tạo theo tín chỉ trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp từ năm 2005 dựa trên cơ sở của quy chế 31/2001, dự thảo quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy chế đào tạo theo tín chỉ của các trường bạn (trường ĐHBK TP HCM, trường ĐH Cần Thơ, Đà Lạt .v.v.) [4.2.1.3].

Để chuẩn bị cho đào tạo theo học chế tín chỉ Nhà trường đã tập trung chỉ đạo việc đổi mới phương pháp giảng dạy. Mỗi bộ môn nhận một đề tài NCKH cấp trường về đổi mới phương pháp giảng dạy cho ít nhất 01 môn học, khuyến khích tất cả giảng viên chuyển sang giảng dạy với sự trợ giúp của thiết bị hiện đại. Nhà trường đã xây dựng và khánh thành thư viện điện tử năm 2004, quản lý thư viện sử dụng mã số, mã vạch từ năm 2005.

**Điểm mạnh:** Tỷ lệ phần trăm các môn học trong từng ngành thực hiện chế độ tích lũy kết quả học tập theo học phần là 100%. Việc tích lũy kết quả học tập theo học phần được thực hiện nghiêm túc, sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp khi đã hoàn

thành và thi đạt tất cả các học phần trong chương trình đào tạo. Hoàn thành xây dựng dự thảo quy chế đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ từ năm 2005.

**Tồn tại:** Công tác chuẩn bị cho lộ trình đào tạo theo học chế tín chỉ vào năm 2006 cho có lúc chưa thật khẩn trương, triệt để.

**Kế hoạch:** Nhà trường sẽ tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ bắt đầu từ năm 2006 - 2007 cho các khóa K41 và K42.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 1

### **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 4.3**

#### ***Đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu***

Đổi mới phương pháp dạy học là một công việc luôn được đặt ra trong từng năm học, Nhà trường coi đây là một trong những biện pháp quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo. Với mục tiêu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc tập thể của người học, trong những năm gần đây Nhà trường đã có các văn bản quy định chung về đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên (vận dụng để xét thi đua, xét danh hiệu giảng viên dạy giỏi các cấp). Các phương pháp giảng dạy mới đã được áp dụng như bài giảng điện tử; phân nhóm thảo luận và đối thoại; đối thoại giữa người dạy và người học...

Một số kết quả đã đạt được như sau:

- Tổ chức nhiều xeminar về đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên trong các bộ môn (78 biên bản đánh giá của các bộ môn); trong các Khoa (15 biên bản đánh giá của các Khoa) [4.3.1.1].

- Nhà trường có văn bản qui định về đa dạng hoá, trong đó bắt buộc các giảng viên từng bước áp dụng phương pháp giảng dạy mới [4.3.1.2].

- Hàng năm, có nhiều đề tài NCKH về đổi mới phương pháp giảng dạy [4.3.1.3].

- Nhà trường tổ chức mời những chuyên gia đầu ngành nhiều kinh nghiệm tới trường để trao đổi kinh nghiệm, bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy đại học tiên tiến, về ứng dụng tin học xây dựng các giáo trình điện tử. Hàng năm, có nhiều công trình công bố về đổi mới phương pháp giảng dạy Đại học [4.3.1.4].

- Để phục vụ cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy, Nhà trường đã đầu tư nhiều trang thiết bị gồm 32 Projector, 40 bộ over head, 10 bộ máy tính phục vụ giảng đường. Các máy tính đều được cài đặt các phần mềm hỗ trợ cho công tác giảng dạy. Đến nay 80% giảng viên đăng ký giảng dạy bằng phương pháp mới. Đa số các đề tài NCKH được ứng dụng vào giảng dạy [4.3.1.5]. Hiện nay, khoảng 51% số môn học trong từng ngành đào tạo có ứng dụng tin học vào dạy học [4.3.1.6]; khoảng 30% số môn học có bài tập lớn và đồ án [4.3.1.7]; 30% số môn học từng ngành có yêu cầu người học nghiên cứu theo nhóm (có thí nghiệm) [4.3.1.8].

- Nhà trường đã có các văn bản qui định về tổ chức xemina, các văn bản qui định chung về thực hiện đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên [4.3.2.1]; [4.3.2.2].

- Nhà trường động viên và khuyến khích các giảng viên nghiên cứu đề tài về phương pháp giảng dạy đại học, mỗi đề tài đều có những ứng dụng tốt vào quá trình

giảng dạy thực tế, trong số các đề tài đã có một số đề tài về phương pháp giảng dạy tiên tiến [4.3.2.3]. Những kết quả này được điều tra bằng các phiếu khảo sát người học [4.3.2.4], các phiếu khảo sát đồng nghiệp trong các đơn vị [4.3.2.5].

**Đánh giá:** Qua các hoạt động trên cho thấy việc tổ chức thực hiện triển khai và đánh giá kết quả của Nhà trường đã đi đúng hướng của tiêu chí đổi mới phương pháp dạy học. Điều này thể hiện ở kết quả học tập ngày càng cao, đặc biệt vào 2 năm học gần đây, giảng viên tích cực thực hiện các phương pháp dạy học tiên tiến, sinh viên được phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc tập thể. Nhà trường đã đầu tư trang thiết bị, cấp kinh phí thêm cho các đề tài của các bộ môn nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy học. Kết quả được khẳng định trong các phiếu điều tra và thể hiện ở nhiều mặt của chất lượng đào tạo, góp phần nâng cao uy tín của Nhà trường, cung cấp ngày càng nhiều sản phẩm tốt cho xã hội.

**Tồn tại:**

Hiện tại, còn nhiều tranh cãi về hiệu quả của việc đổi mới phương pháp dạy học vì thiếu cơ sở phân tích một cách khoa học.

Việc áp dụng phương pháp mới cho các hệ đào tạo ngoài trường còn gặp nhiều khó khăn.

**Kế hoạch:**

Cần có những đề tài NCKH mới về hiệu quả thực sự của việc đổi mới phương pháp giảng dạy.

Nhà trường cần đầu tư thêm trang thiết bị hiện đại, tạo điều kiện cho các bộ môn xây dựng nhiều giáo trình điện tử có chất lượng cao, biên soạn các tài liệu tham khảo cho sinh viên, khai thác và sử dụng tốt thư viện điện tử cho giảng viên và sinh viên. Đầu tư cho các khoa chuyên môn một vài bộ máy tính và Projector để các khoa chủ động trong việc hội thảo, nghiên cứu về đổi mới phương pháp giảng dạy cũng như chủ động trong việc giảng dạy các lớp ngoài trường.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 4.4**

### **Phương pháp đo lường, đánh giá thi và kiểm tra**

Quy trình thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp trong quá trình Đào tạo của Nhà trường được thực hiện nghiêm chỉnh theo Quy chế số 04/1999/QĐ-BGD&ĐT ngày 11/2/1999 của Bộ GD&ĐT, văn bản hướng dẫn số 546/ĐT ngày 13/9/ 1999 và số 1152/TTKT&ĐBCL ngày 21/12/2005 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên [4.4.1.1].

Để cụ thể hoá một số điều khoản trong quy chế này, Nhà trường đã ra Quyết định số 340/2001/QĐ-ĐT ngày 25/4/2001 để hướng dẫn, áp dụng quy chế 04/1999/QĐ-BGD&ĐT [4.4.1.2]. Quyết định số 01/2004/QĐ-ĐT ngày 1/10/2004 [4.4.1.3] và Công văn số 607/2005/CV-ĐT ngày 26/10/2005 về việc tăng cường thực hiện quy chế 04 trong công tác thi, kiểm tra và thông báo điểm [4.4.1.4]; [4.4.1.6].

Tỷ lệ số môn học của các ngành đào tạo của Trường tính trung bình đến cuối khóa học áp dụng hình thức thi vấn đáp/thi viết là 43,92%/56,08%. Tỷ lệ các môn học có bài tập lớn so với các đầu môn là 15,04% [4.4.1.5].

Để đánh giá được sự phù hợp của đề thi đối với mức độ tích lũy kiến thức của

sinh viên, đã tiến hành khảo sát người học và kết quả cho thấy 58% ý kiến cho là đề thi phù hợp; 23,75% ít phù hợp và 8% không phù hợp. Từ đó đã cho thấy tính sát thực của các đề thi đang sử dụng [4.4.2.1]. Đã yêu cầu các bộ môn sử dụng ngân hàng đề thi [4.4.2.3]. Qua khảo sát các bộ môn cho thấy 94,44% ý kiến cho rằng các loại hình thi và đề thi đã đánh giá được mức độ tích lũy về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề của sinh viên, còn 5,56% ý kiến cho rằng chưa phù hợp.

Khi so sánh kết quả thực tập của sinh viên tại các cơ sở sản xuất với kết quả học tập tại trường cho thấy năng lực thực sự của sinh viên khi áp dụng các kiến thức học trong trường vào thực tiễn sản xuất là rất tốt, trên 95% đạt loại giỏi [4.4.2.2].

Sau quá trình áp dụng, điều chỉnh các loại hình thi, độ khó dễ của đề thi, các kết quả phân tích định lượng thông qua các kết quả thi cho thấy việc áp dụng các loại hình thi viết và vấn đáp thì việc đánh giá kết quả thi lần 1 của sinh viên là tương đương nhau: Thi viết 65,7%, thi vấn đáp 66,2% [4.4.2.4].

***Đánh giá:***

Nhà trường sử dụng nhiều loại hình đánh giá kết quả làm cho người dạy kiểm tra được tinh thần, thái độ và kết quả học tập của người học thường xuyên.

Các loại hình đánh giá kết quả đã thể hiện được tính chuẩn mực, độ tin cậy của đề thi, đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề.

Nhà trường luôn quan tâm tới công tác thi, kiểm tra cùng với sự tham gia tích cực của các giảng viên trong việc sử dụng nhiều loại hình đánh giá cho nên luôn đảm bảo được tính đa dạng hóa, tính nghiêm túc, tính khách quan, chính xác và công bằng.

***Tồn tại:*** Ngân hàng đề thi còn chưa nhiều, nhất là các môn chuyên ngành với nhiều hình vẽ bảng biểu.

Chưa đưa được loại hình thi trắc nghiệm khách quan vào áp dụng.

***Kế hoạch:*** Mở Hội nghị khoa học hàng năm thảo luận về phương pháp đánh giá chất lượng các bài thi cho sát thực hơn. Hoàn thiện ngân hàng đề thi và đáp án.

Đến năm 2007 phần đầu đưa khoảng 20% số môn học được sử dụng loại hình thi trắc nghiệm khách quan.

***Tự đánh giá:*** Đạt mức 2

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 4.5**

### ***Kết quả học tập được thông báo công khai, kịp thời, chính xác và an toàn***

Công tác quản lý kết quả học tập, công tác cấp phát văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập của người học được thực hiện trên cơ sở pháp lý là các văn bản, thông tư, quyết định của Bộ Giáo dục & Đào tạo: Quyết định 04/1999/QĐ-BGD&ĐT "Về việc ban hành quy chế tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp Đại học và Cao đẳng hệ chính quy", Quyết định số 21/2003/QĐ-BGD&ĐT "Về việc sửa đổi, bổ sung quy chế kiểm tra, thi, xét lên lớp và công nhận tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp hệ chính quy", Quyết định số 52/2002/QĐ-BGD&ĐT "Về việc ban hành quy định quản lý văn bằng, chứng chỉ đại học, cao đẳng, sau đại học", Thông tư số 20/2002/TT-BGD&ĐT "Về

việc hướng dẫn thực hiện việc cấp bản sao, văn bằng, chứng chỉ", Quyết định số 18/2000/ QĐ-BGD&ĐT "Về việc ban hành quy chế đào tạo sau Đại học", Quyết định số 02/2001/ QĐ-BGD&ĐT "Về việc ban hành quy chế tuyển sinh sau Đại học", Công văn số 9787/SĐH "Về việc hướng dẫn tổ chức và quản lý đào tạo sau đại học" [4.5.1.1], các văn bản hướng dẫn của Đại học Thái nguyên: Quyết định số 471/ĐT "Về việc thực hiện công tác đào tạo", Quyết định số 17/QĐ-ĐT "Về việc ban hành quy định tạm thời về tổ chức học phần", Quyết định 546/ĐT "Hướng dẫn thực hiện quy chế ban hành theo QĐ 04/1999/QĐ của Bộ GD&ĐT" [4.5.1.2]; Quy định của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp: Quy định số 01/2001/QĐ-ĐT "Về việc thực hiện quy chế 04/1999-BGD&ĐT trong Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [4.5.1.3].

Hệ thống sổ sách lưu giữ kết quả học tập của người học được tổ chức trên cơ sở các văn bản quy định trên (bảng 4.5). Hiện nay hệ thống sổ sách lưu giữ kết quả học tập và cấp phát bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập của người học được tổ chức phân cấp quản lý rõ ràng [4.5.1.4]; [4.5.1.5]; [4.5.1.6]; [4.5.1.7]. Song song với việc quản lý kết quả học tập bằng hệ thống sổ sách, Nhà trường đã sử dụng các phần mềm tin học để quản lý:

- Phần mềm do trường xây dựng để tạo phách và ghép điểm tự động.
- Phần mềm QLHSSV năm 2000 và hiện nay đang triển khai phần mềm QLHSSV năm 2005

Các phần mềm trên tương thích với các phần mềm WINWORD. Các nhân viên quản lý, học sinh sinh viên có thể truy cập và được bảo vệ an toàn bằng hệ thống phân chia quyền hạn. Hệ thống máy tính được nối mạng cục bộ và dễ dàng truy cập. Hệ thống này được cài hệ thống chống virus cập nhật thường xuyên.

**Bảng 4.5**

<b>Phòng ĐT-KH-QHQT</b>	<b>Phòng CTCT-HSSV</b>	<b>Khoa</b>	<b>Bộ môn</b>	<b>Lớp</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu ghi điểm môn học.</li> <li>- Bảng điểm tổng hợp theo học kỳ, năm học và toàn khóa.</li> <li>- Quyết định xét lên lớp, dừng tiến độ học tập của người học.</li> <li>- Quyết định cấp phát bằng tốt nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ HSSV.</li> <li>- Phiếu ghi điểm môn học.</li> <li>- Bảng điểm tổng hợp theo học kỳ, năm học và toàn khóa.</li> <li>- Quyết định xét lên lớp, dừng tiến độ học tập của người học.</li> <li>- Sổ cấp phát văn bằng tốt nghiệp, bản sao bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu ghi điểm môn học.</li> <li>- Bảng điểm tổng hợp theo học kỳ, năm học và toàn khóa.</li> <li>- Quyết định xét lên lớp, dừng tiến độ học tập của người học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phiếu ghi điểm môn học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phiếu ghi điểm môn học.</li> </ul>

**Đánh giá:**

Công tác quản lý kết quả học tập của người học đã đảm bảo lưu giữ đầy đủ, chính xác và an toàn, không để xảy ra trường hợp thất lạc điểm của người học (phụ lục bảng 4.5) [4.5.1.8].

Công tác cấp phát văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập đúng quy định, được minh chứng qua tỷ lệ thất lạc văn bằng, chứng chỉ; không để xảy ra các hiện tượng sai sót trong cấp phát văn bằng hàng năm ( phụ lục bảng 4.5) [4.5.1.9].

Công tác tổ chức thi, coi thi, chấm thi và thông báo kết quả thi được thực hiện theo các văn bản quy định, hàng tháng giao ban đều có bản thống kê nộp điểm chậm của các bộ môn [4.5.2.1].

Công tác thông báo kết quả học tập đảm bảo công khai, kịp thời là thông báo điểm bằng phiếu ghi điểm tới lớp học theo thời gian quy định. Nhà trường đã có sáng kiến thực hiện thông báo kết quả học tập của người học đến gia đình, nhằm kết hợp tốt giữa Nhà trường và gia đình để nâng cao chất lượng đào tạo [4.5.2.2].

**Tồn tại:** Cùng với kế hoạch triển khai đào tạo theo tín chỉ trong những năm tới, công tác quản lý kết quả học tập của người học, công tác cấp phát văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập đòi hỏi phải có phần mềm máy tính phù hợp hơn.

**Kế hoạch:** Nhà trường đã tiến hành khảo sát và dự kiến sẽ triển khai phần mềm quản lý đào tạo theo tín chỉ EduSoft từ năm học 2006-2007.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TIÊU CHUẨN 5**

### ***Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên***

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của Nhà trường đã đáp ứng về số lượng theo yêu cầu. Do điều kiện lịch sử để lại làm cho tỷ lệ nhân viên phục vụ có lúc nhiều hơn giáo viên. Nhà trường đã có nhiều nỗ lực để tinh giản biên chế nhất là nhân viên phục vụ giảng dạy, đồng thời tiết kiệm chi tiêu dành kinh phí để tuyển thêm giảng viên hợp đồng, tạo những điều kiện thuận lợi nhất để bồi dưỡng nâng cao trình độ cho giảng viên và chuyên môn nghiệp vụ cho các nhân viên tuyển mới. Tập trung xây dựng đội ngũ giảng viên đầu ngành tiến tới mở thêm mã ngành đào tạo Thạc sỹ và Tiến sỹ.

### **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 5.1**

#### ***Trường Đại học KTCN có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ***

Để đảm bảo chất lượng khi quy mô đào tạo của Trường ngày một tăng, hàng năm Nhà trường không ngừng tăng số lượng cán bộ giảng dạy, cán bộ phục vụ và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý.

Trong những năm qua, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã xét tuyển dụng hợp đồng nhiều giáo viên, nhân viên phục vụ, lái xe và cùng Đại học Thái Nguyên tổ chức thi tuyển cán bộ giảng dạy cho các đơn vị trong trường.

Kế hoạch tuyển dụng cán bộ giảng dạy và cán bộ quản lý được đưa vào nghị quyết của Đảng bộ [5.1.1.9], kế hoạch hàng năm [5.1.1.10], trung hạn [5.1.2.5], dài hạn [5.1.2.6] và được đưa vào kế hoạch tháng của Trường [5.1.1.1].

Chỉ tiêu và đối tượng tuyển dụng của từng đợt được phổ biến công khai trong trường [5.1.1.2] cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng [5.1.1.3]. Quy trình, nội quy và kế hoạch tuyển chọn thực hiện đúng quy định của Chính phủ

[5.1.1.11], của Bộ GD&ĐT và Đại học Thái Nguyên, được công bố công khai [5.1.1.4].

Để giúp Hiệu trưởng và Đại học Thái Nguyên tuyển đúng người, Nhà trường đã thành lập Hội đồng tuyển dụng [5.1.2.2]. Hội đồng làm việc công khai, dân chủ và sau khi có kết quả xét tuyển dụng, danh sách được công bố công khai tới các đơn vị, cá nhân được xét tuyển [5.1.2.3]; [5.1.2.4], trên bảng tin và trên Website của Nhà trường.

Việc xét và bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện công khai, dân chủ và theo nguyên tắc Đảng lãnh đạo [5.1.1.6], đúng kế hoạch [5.1.2.1] và đúng tiêu chuẩn, đúng quy trình đã được quy định trong Luật Giáo dục [5.1.1.7] và Điều lệ trường Đại học [5.1.1.8] và theo kế hoạch rõ ràng [5.1.1.5].

Với cách làm như vậy Nhà trường đã chọn được đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực và phân công nhiệm vụ phù hợp.

Hàng năm, Nhà trường có đánh giá tổng kết công tác tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ vào đầu năm học để có kế hoạch cho năm học sau [5.1.1.10].

**Điểm mạnh:**

- Nhà trường có chiến lược, kế hoạch tuyển dụng cán bộ và bổ nhiệm cán bộ quản lý rất rõ ràng.

- Mọi việc được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy định.

- Thường xuyên tổ chức đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm để làm tốt hơn.

Với việc làm công khai, dân chủ và đúng quy định, trong 5 năm từ tháng 10/2001 đến tháng 10/2005, Nhà trường đã tuyển dụng được 170 cán bộ giảng dạy, trong đó chỉ có 24 là biên chế, còn lại là hợp đồng hưởng lương từ kinh phí Nhà trường, trong đó có 17 thạc sỹ, 146 tốt nghiệp đại học loại khá và giỏi, 2 cao đẳng tốt nghiệp loại giỏi, đảm bảo được nhiệm vụ đào tạo và NCKH của Nhà trường. Trong nhiệm kỳ Hiệu trưởng 2001-2004 và nhiệm kỳ 2005-2009, Nhà trường đã chọn và bổ nhiệm được cán bộ quản lý phù hợp với công việc. Đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường hiện nay có 36 cán bộ, trong đó có 15 Tiến sỹ; 13 thạc sỹ; 8 kỹ sư, cử nhân; đã có vai trò rất to lớn trong sự phát triển của Nhà trường về mọi mặt.

**Tồn tại:** Việc bồi dưỡng lý luận và nghiệp vụ quản lý cho cán bộ đã được chú trọng, nhưng số người được bồi dưỡng về lý luận tạo nguồn cho cán bộ quản lý còn quá ít (cả trường mới có 6 cán bộ có trình độ lý luận từ cao cấp trở lên).

Việc xét tuyển đã có kế hoạch nhưng lịch xét không cố định hàng năm nên nhiều người không chờ được đã đi nơi khác.

Công tác bổ nhiệm cán bộ có lúc chậm nên có đơn vị có lúc thiếu cán bộ quản lý.

**Kế hoạch:**

- Dự báo sự phát triển của Nhà trường hàng năm để có kế hoạch cụ thể trong việc xét tuyển dụng bổ sung đội ngũ cán bộ giảng dạy đảm bảo tỷ lệ 17SV/GV.

- Làm việc với các trường ĐH phù hợp trước khi sinh viên tốt nghiệp để có thể chọn được sinh viên giỏi về làm cán bộ giảng dạy.

- Định kỳ xét tuyển cán bộ giảng dạy hàng quý để có thể tuyển được đủ cán bộ cho các bộ môn.

- Hàng năm bố trí cán bộ đi học tập bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý Nhà nước.

- Hàng năm cử cán bộ đi học lý luận tạo nguồn cho đội ngũ quản lý.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 5.2**

### ***Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ***

Thực hiện chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/2/1998 của Bộ Chính trị (khoá 8), Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các Nghị định của Chính phủ và hướng dẫn thực hiện quy chế dân chủ trong trường Đại học của Bộ GD&ĐT, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ trên mọi mặt hoạt động như tổ chức cán bộ, đào tạo, công tác học sinh sinh viên, xây dựng cơ sở vật chất, tài chính.v.v. Mọi kế hoạch chủ trương đều được công khai hoá, kết quả đã tạo ra bầu không khí dân chủ, cởi mở, thực hiện tốt hơn quyền làm chủ của cán bộ viên chức, từ đó tạo thêm động lực thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

Thông qua Đại hội Đảng bộ (2 năm 1 lần), Đại hội các Chi bộ (1 năm 1 lần), Đại hội Công đoàn trường (2 năm 1 lần), Hội nghị CBVC (1 năm 1 lần), toàn thể cán bộ, giảng viên và nhân viên được đóng góp ý kiến cho việc thực hiện và xây dựng chủ trương, kế hoạch công tác của Nhà trường [5.2.1.1].

Kết quả của các Hội nghị, Đại hội đều được ghi nhớ bằng văn bản trong đó có tổng hợp ý kiến đóng góp của cán bộ, giảng viên và nhân viên. Những ý kiến của cán bộ, giảng viên và nhân viên trong các Hội nghị này là quan trọng giúp Nhà trường xây dựng được các quyết sách đúng đắn, xây dựng được các chỉ tiêu phấn đấu cụ thể cho kế hoạch năm [5.2.1.2].

Các ý kiến đóng góp của cán bộ, giảng viên và nhân viên được Nhà trường và đơn vị không những tiếp nhận trong các kỳ Đại hội mà thường xuyên được lắng nghe và giải quyết kịp thời qua các cuộc giao ban hàng tháng, hàng quý; kết quả là các công việc thường ngày cũng như đột suất được giải quyết kịp thời, giảng viên được phân công dạy đúng đủ khối lượng, đúng chuyên ngành đào tạo, được hỗ trợ giảng dạy bằng công nghệ thông tin, những giáo trình có ứng dụng phương pháp giảng dạy mới được hỗ trợ kinh phí, các hoạt động thể thao được tạo điều kiện tối đa .v.v. [5.2.1.3];[5.2.1.4].

Ngoài ra các ý kiến đóng góp của cán bộ, giảng viên và nhân viên còn được tiếp nhận và giải quyết thông qua các đơn vị quản lý trực tiếp theo quyền hạn và trách nhiệm được phân công. Những ý kiến của cán bộ, giảng viên và nhân viên trong các hội nghị công chức đơn vị là quan trọng giúp cho từng đơn vị xây dựng được các quy chế làm việc, cải tiến lề lối làm việc, xây dựng được các chỉ tiêu phấn đấu cụ thể cho kế hoạch năm của đơn vị. Với những khiếu nại tố cáo của cán bộ, giảng viên và nhân viên, Nhà trường sẵn sàng tiếp nhận trực tiếp hoặc qua hòm thư góp ý của Nhà trường [5.2.2.1]. Tùy từng trường hợp cụ thể sẽ có những biện pháp giải quyết kịp thời thỏa đáng. Thực tế trong 5 năm qua không có vụ việc khiếu nại tố cáo nào [5.2.2.2].

Nhà trường đã có quy định chung về hoạt động của các phòng ban và bộ phận thanh tra [5.2.2.3]; [2.2.1.6]. Hàng tháng thanh tra đều có báo cáo [5.2.2.4]. Thanh



tra nhân dân Nhà trường làm việc theo quy chế và có văn bản báo cáo [5.2.2.5]; [5.2.2.6].

**Điểm mạnh:**

Định kỳ Nhà trường tổ chức được các Đại hội, Hội nghị có nội dung chất lượng cao, tại đó cán bộ, giảng viên và nhân viên được đóng góp ý kiến cho việc thực hiện và xây dựng chủ trương, kế hoạch công tác của Nhà trường.

Các đơn vị cơ sở, các phòng ban chức năng hoạt động tốt, nhiều vấn đề phát sinh trong công tác được giải quyết ngay từ cơ sở.

**Tồn tại:** Hoạt động của các Ban thanh tra thiếu sự phối kết hợp đồng bộ, chất lượng hoạt động chưa cao. Nguyên nhân chính là các đồng chí trong các Ban thanh tra đảm nhận quá nhiều công việc chuyên môn.

**Kế hoạch:** Năm 2006 là năm Nhà trường tập trung mọi nỗ lực để nâng cao chất lượng đào tạo và coi nâng cao chất lượng đào tạo là nhiệm vụ hàng đầu, vì vậy nâng cao hoạt động của bộ phận thanh tra sẽ làm ngay từ quý 1/2006.

Nhà trường tiếp tục duy trì cơ chế làm việc công khai, minh bạch, tập hợp nhiều ý kiến đóng góp xây dựng của đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên, phát huy những kết quả đạt được để nâng cao hơn nữa chất lượng công tác của Nhà trường.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

### **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 5.3**

#### ***Chính sách và biện pháp cho hoạt động chuyên môn nghiệp vụ***

Trong những năm qua Nhà trường đã tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ của Trường, từ việc tuyển chọn người mới đến xây dựng các chính sách và biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên có điều kiện nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

Nhà trường đã tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các cán bộ giảng viên và cán bộ quản lý tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ cả trong và ngoài nước, thể hiện qua các văn bản cho phép và hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ [5.3.1.1]; [5.3.1.2]; [5.3.2.1]. Khi các cán bộ, giảng viên tham dự các hội nghị, hội thảo, tham gia học tập nghiên cứu đều được Nhà trường xem xét và tạo điều kiện cho tham gia. Các chính sách hỗ trợ của Nhà trường về học phí, về thời gian, hỗ trợ tiền làm khoá luận, luận văn, luận án [5.3.2.1], thường 10.000.000 đ cho người bảo vệ luận án Tiến sĩ đúng kỳ hạn. Hầu hết các giảng viên trẻ kể cả diện mới hợp đồng đều dự tuyển cao học [5.3.1.1]. Số lượng cán bộ bảo vệ thành công luận án tiến sĩ tăng nhanh, chỉ trong 2 năm là năm 2003 và 2004 đã có 19 Tiến sĩ bảo vệ thành công luận án. Hiện tại số học viên cao học và NCS trong và ngoài nước là 93 người [5.3.2.2], chiếm 26,7% giảng viên trong toàn trường.

Các hoạt động chuyên môn khác cả trong và ngoài nước cũng được Nhà trường tạo mọi điều kiện và hỗ trợ. Nhiều đoàn cán bộ quản lý và giảng viên được đi tham quan, học tập nước ngoài về các lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ, các đoàn đều được Nhà trường hỗ trợ toán bộ kinh phí [5.3.2.1]; [5.3.2.2].

Các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ ở trong nước cũng luôn được Nhà trường chú trọng, thể hiện thông qua các hội nghị, hội thảo về khoa học công nghệ mà các

giảng viên của Trường tham gia và trình bày báo cáo khoa học như Hội nghị khoa học Tự động hoá toàn quốc [5.3.1.1], Hội nghị Đo lường toàn quốc, Hội nghị Đo lường và Điều khiển.v.v. Nhà trường tham gia ngay từ khi mới sáng lập và đóng góp tích cực với Câu lạc bộ các trường đại học kỹ thuật, hiện tại đã tổ chức lần thứ 26. Hội thảo giữa các bộ môn của các trường đại học kỹ thuật như giữa các bộ môn Tự động hoá của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Hàng hải, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp. Nhiều đoàn cán bộ quản lý và giảng viên đã được đi tham quan các hoạt động chuyên môn tại các đơn vị đào tạo cũng như tại các cơ sở sản xuất. Các hoạt động này cũng luôn được Nhà trường hỗ trợ toàn bộ kinh phí và phương tiện đi lại.

**Điểm mạnh:** Trong những năm qua, Nhà trường có nhiều chính sách khuyến khích và tạo mọi điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

**Tồn tại:** Trình độ ngoại ngữ nói chung của cán bộ giảng viên chưa cao, nhiều xuất học bổng nước ngoài không thực hiện được mặc dù Nhà trường đã có chính sách hỗ trợ và động viên giảng viên tham gia học ngoại ngữ.

**Kế hoạch:** Khả năng làm chủ tiếng Anh phải được coi là một trong các tiêu chí quan trọng khi đánh giá giảng viên cũ cũng như tuyển dụng giảng viên mới, cố gắng để các giảng viên đạt chứng chỉ TOEFL hoặc IELTS khi tham dự các khóa đào tạo SDH ở nước ngoài. Trong thời gian tới Nhà trường cần có chính sách mạnh hơn nữa để động viên các cán bộ giảng viên tham gia học ngoại ngữ, yêu cầu tất cả các giảng viên trẻ phải tham gia học tập ngoại ngữ tập trung, khi tuyển dụng giảng viên mới phải kiểm tra ngoại ngữ.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 5.4

### ***Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn***

Trong những năm qua Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã chủ động xây dựng đội ngũ lãnh đạo quản lý các cấp có đủ phẩm chất, năng lực, số lượng và cơ cấu hợp lý trên nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng và sự tín nhiệm của quần chúng. Đội ngũ cán bộ quản lý các cấp thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở và làm việc có hiệu quả.

Trước hết, Nhà trường đã có quy định tiêu chuẩn cụ thể cho từng vị trí quản lý [5.4.1.1]. Thông tin về đội ngũ cán bộ quản lý và lãnh đạo các đơn vị, vị trí công tác hiện hành, tuổi đời, thâm niên công tác, học vị, chức danh, trình độ ngoại ngữ, tin học được Nhà trường thường xuyên cập nhật [5.4.1.2].

Hàng năm, thông qua các kỳ Đại hội (ĐH Đảng, ĐH công đoàn, Hội nghị CBVC), Nhà trường đã có được những đóng góp ý kiến về năng lực và sự phù hợp của từng cá nhân lãnh đạo với vị trí đảm trách mà thể hiện rõ ở các nhiệm kỳ quản lý [5.4.1.3].

Đội ngũ cán bộ quản lý các cấp thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở cụ thể là: dân chủ công khai trong công tác phân công công tác, khối lượng giảng dạy, tuyển dụng cán bộ cho đơn vị, chi tiêu nội bộ, bình xét thi đua khen thưởng, kỷ luật [5.4.2.1].

Hàng năm, cũng thông qua các kỳ Đại hội, Hội nghị thi đua, Nhà trường đều có văn bản tổng kết ý kiến của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên Nhà

trường về việc cán bộ quản lý thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và làm việc có hiệu quả [5.4.2.2].

Qua các kỳ xét thi đua Nhà trường đã tổng kết đánh giá hàng năm về năng lực và tinh thần trách nhiệm công tác của các tập thể lãnh đạo và các cá nhân lãnh đạo trong trường [5.4.2.3].

Trong các kỳ Đại hội Đảng, phân loại Đảng viên, cấp uỷ các cấp có được văn bản đánh giá về hiệu quả công tác của cán bộ quản lý [5.4.2.4].

Phong trào thi đua của Nhà trường đã đạt được những thành tích tốt, kết quả thi đua hàng năm của Trường, của các tập thể và cá nhân lãnh đạo đã nhận được khen thưởng của Nhà nước, Chính phủ, Bộ, Tỉnh Thái Nguyên.v.v. [5.4.2.5].

Trong nhiều năm Nhà trường không có cán bộ quản lý vi phạm quy chế dân chủ, vi phạm các quy định về quyền hạn và trách nhiệm. Không có trường hợp nào bị kỷ luật.

**Điểm mạnh:** Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, có năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**Tồn tại:** Cán bộ quản lý là nữ chiếm tỷ lệ rất thấp. Do có nhiều biến động trong công tác nhân sự cho nên việc quy hoạch cán bộ tiến hành còn chậm.

**Kế hoạch:** Để đáp ứng được nhiệm vụ lâu dài và nâng cao hơn nữa chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, ngay quý 1/2006 sẽ có quy hoạch cán bộ cụ thể, chi tiết đến từng chức danh. Đặc biệt quan tâm đến bồi dưỡng cán bộ nữ.

Bằng các biện pháp như tập huấn, học tập nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ, ngoại ngữ để đáp ứng tốt hơn nữa những yêu cầu đặt ra.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 5.5**

### **Có đủ số lượng giảng viên, cơ cấu đội ngũ hợp lý**

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp lần thứ IX đã nêu rõ: “Công tác đào tạo được thực hiện theo hướng một mặt vừa tiếp tục đa dạng hoá các loại hình, cấp bậc đào tạo, mở rộng quy mô một cách hợp lý, mặt khác phải có những biện pháp để đảm bảo giữ vững và nâng cao từng bước chất lượng đào tạo”. [5.5.1.4]

Từ năm 2001 đến nay số ngành nghề đào tạo tăng từ 11 ngành lên 14 ngành ở bậc đại học. Hệ đào tạo từ chỗ chỉ có Cao đẳng, Đại học, đến nay đã đào tạo thêm 4 mã ngành Cao học và 1 mã ngành Tiến sỹ.

Số lượng HSSV hàng năm tăng trung bình 10 - 11% [5.5.1.1].

Mặc dù chỉ tiêu biên chế giảng viên hàng năm cấp trên cho rất ít (5%), nhưng Nhà trường đã chủ động tuyển dụng để đáp ứng yêu cầu. Đội ngũ giảng viên hàng năm được tăng về số lượng 11-12%. Để đảm bảo chất lượng đội ngũ giảng viên, hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch cử cán bộ (đặc biệt là cán bộ trẻ) học cao học và NCS. Trình độ chuyên môn của giảng viên được nâng lên hàng năm [5.5.1.2].

Ngoài việc tăng cường số lượng giảng viên cho Trường, những năm qua Trường còn điều chuyển 50 giảng viên (đa số có trình độ thạc sỹ) sang các đơn vị

mới là Khoa Công nghệ thông tin và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên.

Tỷ lệ người học trên 1 giảng viên quy đổi giảm dần theo từng năm học: Năm 2000 là 32SV/GV, năm 2004 đạt được 21SV/GV, hiện nay là 17SV/1GV [5.5.1.3]; [5.5.2.2].

Định hướng đến năm 2008, Nhà trường phấn đấu đạt tỷ lệ người học/GV là 16SV/1GV; đảm bảo chất lượng đội ngũ giảng viên [5.5.1.4].

Hàng năm, Đảng uỷ và Ban Giám Hiệu đều có các Hội nghị và văn bản về công tác cán bộ, đặc biệt coi trọng công tác cán bộ giảng dạy: Tuyển dụng mới, cử cán bộ tham gia học Sau đại học, NCS và các khoá học nghiệp vụ khác [5.5.2.1].

Cùng với việc tăng cường đội ngũ giảng viên, Nhà trường cũng điều chỉnh và sắp xếp lại các khoa, bộ môn cho phù hợp với nhiệm vụ chung; đã thành lập thêm Khoa Điện tử vào tháng 6 năm 2005; số bộ môn tăng từ 23 lên 30; thành lập PTN công nghệ cao của Khoa Cơ khí năm 2004; cơ cấu đội ngũ giảng viên được bổ sung và điều chỉnh hàng năm phù hợp với quy định về ngành nghề đào tạo [5.5.2.3].

**Điểm mạnh:** Nhà trường đã chủ động tuyển dụng và quan tâm bồi dưỡng về mọi mặt đội ngũ cán bộ giảng dạy, đảm bảo cho việc phát triển quy mô đào tạo hiện tại và lâu dài không chỉ cho Nhà trường mà cả cho Đại học Thái Nguyên. Có cơ cấu đội ngũ giảng viên hợp lý ở các bộ môn.

**Tồn tại:** Một số bộ môn của các ngành mới chưa đủ cán bộ giảng dạy, phải mời giảng viên thỉnh giảng; cán bộ đầu ngành ít; cán bộ giảng dạy các môn chung thuộc nhiều đơn vị nên việc phối hợp quản lý, phân công không chủ động.

**Kế hoạch:** Chủ động số lượng và chất lượng giáo viên, đặc biệt phải có các cơ chế hỗ trợ tối đa cho các giảng viên trẻ nâng cao trình độ; khẩn trương áp dụng các chương trình đào tạo liên kết với nước ngoài và tận dụng học liệu mở của đại học MIT một cách tối đa.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 5.6**

### ***Đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu***

Từ năm 2001 đến nay, số ngành nghề đào tạo, bậc đào tạo, số lượng học sinh, sinh viên (HSSV) cùng đội ngũ giảng viên Nhà trường đều tăng trưởng theo kế hoạch đã dự kiến.

Mặc dù có những biến động về việc chuyển cán bộ sang các đơn vị mới thuộc Đại học Thái Nguyên và chưa tính số giảng viên của các đại học tham gia giảng dạy cho Trường, tỷ lệ giảng viên có trình độ đại học tăng hàng năm; năm 2005 là 52% (đội ngũ giảng viên có trình độ thạc sỹ là 41,37%, có trình độ tiến sỹ là 9,2%; [5.6.1.1].

Hiện tại, Nhà trường đang cử 22 cán bộ học NCS và 71 cán bộ học cao học trong nước và nước ngoài.

Để nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học cho cán bộ giảng viên, Trường đã mở các lớp học thường xuyên và bằng 2 về ngoại ngữ, tin học. Trường đã mời giảng

viên tổ chức GAP sang bồi dưỡng ngoại ngữ cho giảng viên. Số giảng viên có trình độ ngoại ngữ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài trên 30%; 100% giảng viên có trình độ tin học để đáp ứng nhiệm vụ đào tạo [5.6.1.2].

Hàng năm, Nhà trường đều có các văn bản của Đảng uỷ, Ban Giám Hiệu chỉ đạo về công tác cán bộ, đặc biệt coi trọng công tác cán bộ giảng dạy: Tuyển dụng mới, cử cán bộ tham gia học sau đại học, NCS và các khoá học nghiệp vụ khác. Định hướng đến năm 2008, Nhà trường phấn đấu đạt tỷ lệ người học/GV là 16/1; đội ngũ giảng viên đạt 372 người trong đó có 8 GS và PGS, 32 Tiến sỹ, 144 thạc sỹ [5.6.1.3].

**Điểm mạnh:** Ngoài việc thường xuyên và chủ động tăng cường đội ngũ, Nhà trường đã tập trung chỉ đạo và đầu tư thời gian, vật lực để tăng chất lượng cán bộ giảng viên, đảm bảo trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và tin học đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ về đào tạo và NCKH, tự chủ về học thuật theo quy định chung, cơ bản đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới.

**Tồn tại:** Cán bộ đầu ngành còn ít; trình độ ngoại ngữ chưa đồng đều, một số cán bộ giỏi tham gia công tác quản lý nên ít có điều kiện tham gia trực tiếp giảng dạy lý thuyết.

**Kế hoạch:** Căn cứ vào kế hoạch trung hạn và dài hạn, các đơn vị chủ động đề nghị cử cán bộ đi học cao học và NCS, Nhà trường có cơ chế ưu tiên về thời gian và hỗ trợ tối đa kinh phí đào tạo để đạt chỉ tiêu mà Đại hội Đảng bộ Nhà trường khoá XI đã đề ra. Đề nghị cấp trên có chế độ hợp lý để thu hút cán bộ trẻ có năng lực về các trường miền núi.

Đã thiết lập mạng Internet (ADSL) tới các bộ môn để tất cả cán bộ giảng dạy có thể khai thác cơ sở dữ liệu của thư viện điện tử. Đặc biệt sẽ tập trung nguồn lực để khai thác học liệu mở theo địa chỉ <http://www.ocw.mit.edu>

**Tự đánh giá:** Đạt mức 1

## TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 5.7

### *Đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm và được trẻ hoá*

Trong những năm qua, Nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng và trẻ hoá đội ngũ cán bộ giảng viên. Số cán bộ giảng viên tăng hàng năm khoảng 11 - 12%. Số được đào tạo Sau đại học cũng tăng hàng năm. Đến nay, Trường đã có 32 Tiến sỹ, 144 Thạc sỹ, có 22 cán bộ đang làm NCS trong và ngoài nước và có trên 71 đang học Cao học.

Nhìn qua tình hình đội ngũ cán bộ giảng viên ta thấy bình quân thâm niên công tác chuyên môn của giảng viên trên 12 năm và tỷ lệ giảng viên trẻ của Trường (dưới 35 tuổi) chiếm tới gần 50% [5.7.2.1]; [5.7.2.2];[5.7.2.3]; [5.7.2.4].

**Điểm mạnh:** Có đội ngũ giảng viên có thâm niên công tác cao, đây là đội ngũ rất quan trọng, có nhiều kinh nghiệm trong giáo dục và đào tạo, có học hàm, học vị cao và một số đang giữ vai trò lãnh đạo quản lý Nhà trường.

Số giảng viên trẻ (dưới 35 tuổi) được tuyển dụng là sinh viên tốt nghiệp loại khá, giỏi của các trường đại học trong cả nước. Đây là lực lượng hùng hậu, nhanh nhẹn trong việc tiếp thu các tri thức mới và mạnh dạn trong nhiều công việc. Mặc dù tuổi nghề

chưa cao nhưng số giảng viên trẻ này đã có trình độ sau đại học chiếm tỷ lệ lớn và số đang học cao học cũng có tỷ lệ cao, hiện nay số đang làm NCS đều ở độ tuổi này.

Nhà trường có chính sách hỗ trợ về kinh phí và thời gian để giảng viên được đi học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ.

Hiện nay, với lực lượng cán bộ giảng viên như vậy, sự kết hợp kinh nghiệm đào tạo của lớp cán bộ giảng dạy có thâm niên công tác cao và sự nhạy bén, nhanh nhẹn, mạnh dạn trong tiếp thu tri thức mới và hăng hái của tuổi trẻ đã giúp Nhà trường đào tạo với chất lượng tốt.

**Tồn tại:**

- Số giảng viên có thâm niên công tác cao, trừ số được đào tạo ở nước ngoài, số đông có trình độ ngoại ngữ thấp.

- Số giảng viên trẻ có nhiều khó khăn về kinh tế nên một số cũng gặp khó khăn trong việc học tập nâng cao trình độ.

**Kế hoạch:**

- Trường có kế hoạch cụ thể cử cán bộ đi học tập nâng cao trình độ hàng năm, trong đó danh sách đi NCS, học cao học cụ thể cho từng ngành, từng bộ môn.

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ về kinh phí, thời gian và cơ chế khuyến khích về vật chất đối với giảng viên đi học nâng cao trình độ.

- Tiếp tục mở các lớp ngoại ngữ, nhất là do giảng viên tổ chức GAP giảng dạy để nâng cao trình độ ngoại ngữ cho giáo viên, đặc biệt là giảng viên trẻ.

- Định kỳ tổ chức các hội thảo về phương pháp giảng dạy để giảng viên trẻ học tập.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 5.8**

### ***Kế hoạch và phương pháp đánh giá các hoạt động giảng dạy***

Trong những năm qua, Nhà trường có những kế hoạch và phương pháp đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên. Việc thực hiện phương pháp giảng dạy mới được đưa ngay vào kế hoạch năm học [5.8.1.1]; [5.8.1.6]. Nhà trường giao cho các bộ môn thực hiện các đề tài NCKH về phương pháp giảng dạy mới [5.8.1.2] cũng như đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học.

Nhà trường đã thành lập Ban thanh tra đào tạo và qui định cụ thể quyền hạn và trách nhiệm của Ban. Theo kế hoạch chung, các hoạt động giảng dạy và học tập trong toàn trường được kiểm tra thường kỳ [5.8.1.4]. Thành phần đoàn Thanh tra đào tạo có đủ các đơn vị để kịp thời nắm bắt tình hình, kết quả kiểm tra được Nhà trường gửi về các đơn vị và thông báo tại các cuộc họp giao ban của Trường hàng tháng. Để đánh giá chất lượng giảng dạy Nhà trường giao về các bộ môn chuyên môn thực hiện dự giờ, hội thảo, để nắm bắt chất lượng chuyên môn các giáo viên.

Trường đã sử dụng phần mềm quản lý cán bộ giảng viên theo mã số và cập nhật thường xuyên quá trình giảng dạy của giảng viên như hiện tượng bỏ giờ, đổi giờ để kịp thời nhắc nhở về các đơn vị cũng như thông báo tại các cuộc họp giao ban.

Trong mỗi giờ giảng tại các lớp có sổ theo dõi giảng dạy và học tập của HSSV trên giảng đường như theo dõi sĩ số HSSV, tình hình giảng dạy và học tập, cuối mỗi buổi học phải có chữ ký của giảng viên trong sổ xác nhận [5.8.1.3].

Trong việc lập các kế hoạch đào tạo hàng năm, Nhà trường đã chủ trương kết thúc học kỳ I trước tết Nguyên đán và kết thúc học kỳ II trước dịp nghỉ hè. Theo đó, công tác tổ chức thi, kiểm tra của các lớp [5.8.1.6] đã có nhiều cải tiến. Hiện tại tất cả các lớp học cùng một môn học sẽ thi cùng ngày với cùng chung đề thi, tổ chức thi như vậy đảm bảo chính xác và công bằng hơn. Chương trình đào tạo cho hệ không chính quy ngoài trường đã được thực hiện như hệ chính quy trong trường [5.8.1.3].

Từ phương pháp tổ chức đúng đắn, đến việc nhắc nhở thường xuyên hiện tượng bỏ giờ, đổi giờ trong các cuộc họp giao ban hàng tháng của Trường và đưa vào xét thi đua đối với những cá nhân và đơn vị thực hiện không tốt, kết quả là các hiện tượng bỏ giờ, đổi giờ trong giảng viên giảm hẳn, hiệu quả của công tác quản lý nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đạt được kết quả tốt [4.5.2.1]; [5.8.2.1].

**Điểm mạnh:** Thực hiện các biện pháp quản lý tốt công tác giảng dạy và học tập, điều đó, đã làm cho chất lượng quá trình học tập của sinh viên ngày một tăng, số sinh viên đạt các giải cao trong các kỳ các kỳ thi OLYMPIC quốc gia ngày càng nhiều, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp loại khá giỏi tăng từ 2% năm 2001 lên 7% trong học kỳ I năm 2005 [5.8.2.2].

**Tồn tại:** Mặc dù các phương pháp giảng dạy mới đã được áp dụng đại trà, nhưng Nhà trường vẫn chưa tổng kết và đánh giá toàn diện các hoạt động này. Nhiều giảng viên chưa nỗ lực tìm tòi để nâng cao chất lượng giờ lên lớp thay vì chỉ trình chiếu đơn điệu bằng Power Point, số giảng viên áp dụng các phương pháp giảng dạy nêu vấn đề (case study) chưa nhiều, thiếu các phòng học nhỏ để chia nhóm thảo luận.

Kết quả tốt nghiệp loại khá giỏi chưa cao.

**Kế hoạch:** Thay vì phải viết giáo trình tốn kém và mất nhiều thời gian, Nhà trường sẽ yêu cầu các giảng viên phải có đề cương chi tiết bài giảng với các tiến bộ mới nhất về khoa học và công nghệ. Phải tăng số điểm truy cập Internet và tăng tốc độ đường truyền. Chuyển dần sang thi theo hình thức trắc nghiệm và tăng thời lượng đối thoại giữa giảng viên với học sinh trong quá trình học.

Nâng tỷ lệ tốt nghiệp đạt khá giỏi lên 15 - 20 % trước năm 2008.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 5.9

### *Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên*

Để phục vụ công tác đào tạo và NCKH, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã xây dựng đội ngũ KTV, nhân viên đủ về số lượng, có năng lực nghiệp vụ. Hiện nay, tổng số KTV, nhân viên của Trường là 34 người, trong đó có 5 thạc sỹ, 28 đại học, 1 cao đẳng [5.9.1.1] và được định kỳ bồi dưỡng nâng cao năng lực về nghiệp vụ và kỹ thuật mới [5.9.2.2]; [5.9.2.3]. Nhà trường đã có quy định cụ thể về nhiệm vụ của các KTV, nhân viên trong việc hỗ trợ cán bộ và giảng viên sử dụng trang thiết bị phục vụ giảng dạy và NCKH [5.9.1.2]. Trong năm 2004 - 2005 đã mở được 08 lớp hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị cho cán bộ giảng viên của trường (Công nghệ tạo mẫu nhanh, năng lượng mặt trời và PLC, cảm biến kỹ thuật, công nghệ CNC...),

với gần 200 lượt KTV, giảng viên tham gia, tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên nâng cao chất lượng giảng dạy và NCKH [5.9.1.3]. Đến nay, 100% đội ngũ KTV, nhân viên của trường đã được đào tạo về chuyên môn [5.1.2.1] và được định kỳ bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ [5.9.2.2]; [5.9.2.3].

**Điểm mạnh:** Hiện nay, đội ngũ KTV, nhân viên của Nhà trường đã cơ bản đủ về số lượng, có năng lực và nghiệp vụ phù hợp, đáp ứng được nhu cầu về đào tạo và NCKH Trường.

**Tồn tại:** Thiếu một số KTV trình độ cao cho các công nghệ mới và hiện đại. Đội ngũ KTV còn thiếu năng lực tự bồi dưỡng, nhất là việc cập nhật kỹ thuật mới, ngoại ngữ cũng như môi trường làm việc tập thể.

Khó tự chủ tài chính nếu tăng thêm đội ngũ KTV theo yêu cầu đổi mới nội dung các môn học theo các chương trình tiên tiến.

**Kế hoạch:** Công tác bồi dưỡng, cập nhật, nâng cao kỹ thuật nghiệp vụ và ngoại ngữ cho đội ngũ KTV và nhân viên phải được nâng cao. Với các công nghệ hiện đại sẽ cử đội ngũ KTV đi học và tiếp nhận chuyển giao công nghệ tại các cơ sở công nghiệp thích hợp trong và ngoài nước. Tiếp tục chuẩn hoá nhân viên PTN.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 5.10**

### ***Nhân viên thư viện đủ về số lượng, đạt chuẩn về nghiệp vụ***

Trong nhiều năm qua, công tác xây dựng và phát triển thư viện luôn được lãnh đạo Nhà trường hết sức quan tâm vì nó tạo ra môi trường giáo dục trong nhà trường, cung cấp các nguồn tư liệu để dạy, học, NCKH và chuyển giao công nghệ, có tác dụng thiết thực trong việc nâng cao chất lượng đào tạo.

Hiện nay, thư viện Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đang thay thế phần mềm CDS / ISIS bằng phần mềm quản trị thư viện điện tử Libol 5.5, đây là phần mềm chuẩn hoá, tuân thủ các quy trình nghiệp vụ, có khả năng kết nối liên thư viện với các trường đại học khác. Để khai thác có hiệu quả thư viện, Nhà trường đã chú trọng chăm lo cho đội ngũ nhân viên thư viện của Nhà trường gồm 8 người với 5 đại học, 1 cao đẳng và 2 sơ cấp thư viện [5.10.1.1]; [5.10.1.2]. Đội ngũ này được đào tạo đúng chuyên ngành [5.10.2.1], có nghiệp vụ thư viện tốt để phục vụ nhu cầu khai thác tài liệu, sách báo của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên [5.10.1.3]. Hàng năm, cán bộ thư viện của trường được tham gia các lớp tập huấn về nghiệp vụ để có thể quản lý và khai thác tốt tất cả các nghiệp vụ thư viện như trong xử lý và tìm tin, quản trị cơ sở dữ liệu, thông tin thư viện.v.v.

Thư viện thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng kỹ năng khai thác thư viện cho cán bộ, giảng viên và sinh viên [5.10.2.2].

Định kỳ hàng năm thư viện Nhà trường đã khảo sát ý kiến cán bộ, giảng viên và sinh viên nhu cầu về tài liệu, sách báo.v.v.để phục vụ được tốt hơn [5.10.2.3]. Hàng năm thư viện có tổng kết công tác thư viện và hiệu quả hỗ trợ khai thác tư liệu của nhân viên thư viện để trên cơ sở đó lãnh đạo Nhà trường chỉ đạo được sát hơn [5.10.2.4].



**Điểm mạnh:** Hiện nay, nhân viên thư viện của Nhà trường đã cơ bản đủ về số lượng, được đào tạo về nghiệp vụ, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu khai thác tài liệu sách báo của cán bộ, giảng viên và sinh viên Nhà trường.

**Tồn tại:** Với 5034 sinh viên chính quy hiện đang theo học tập trung tại trường thì mặt bằng hiện nay của thư viện quá nhỏ, không đủ chỗ cho sinh viên. Cơ sở dữ liệu điện tử của các thư viện nước ngoài khó tiếp cận vì giá thuê dịch vụ cao chưa phù hợp với nguồn kinh phí hiện nay.

**Kế hoạch:**

- Tiếp tục củng cố và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên thư viện đặc biệt là công nghệ thông tin và ngoại ngữ.

- Thiết lập hệ thống Internet không dây để tăng số chỗ ảo cho việc truy cập CSDL dùng chung của thư viện.

- Tìm các nguồn tài trợ nước ngoài về văn hoá cho đầu tư và nâng cấp thư viện.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TIÊU CHUẨN 6**

### ***Người học***

Nhà trường luôn đảm bảo những quyền lợi và nghĩa vụ của người học, đảm bảo cho HSSV có cơ hội vươn lên trong học tập nhằm đạt kết quả cao nhất. Một mặt Nhà trường tạo những điều kiện tốt để HSSV phấn đấu tu dưỡng về phẩm chất chính trị và đạo đức, thông qua đó xây dựng lực lượng hậu bị cho Đảng và phấn đấu trở thành Đảng viên. Mặt khác, Nhà trường luôn quan tâm đến rèn luyện sức khoẻ cho HSSV bằng nhiều hình thức hoạt động ngoại khoá. Nhà trường cũng dành sự quan tâm thích đáng đối với HSSV là con em các dân tộc ít người, con em sống ở vùng sâu, vùng xa và những HSSV có nhiều thiệt thòi trong cuộc sống.

### **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 6.1**

#### ***Đảm bảo người học được hướng dẫn đầy đủ về mục tiêu, chương trình đào tạo***

HSSV (người học) là nhân vật trung tâm trong nhà trường và công tác HSSV là một trong những công tác trọng tâm của các trường đại học. Trong những năm qua, nhà trường đã tổ chức thực hiện tốt các nội dung trong quy chế HSSV do Bộ GD&ĐT ban hành, tạo điều kiện đảm bảo cho HSSV thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Hàng năm, vào đầu khoá học, đầu năm học Nhà trường đều triển khai nghiêm túc và có chất lượng các nội dung trọng tâm của công tác HSSV do Bộ GD&ĐT quy định cho HSSV khoá mới nhập học và các khoá cũ. HSSV khoá mới của Trường được phổ biến hướng dẫn các văn bản về mục tiêu, chương trình đào tạo của các ngành nghề đào tạo trong trường, điều kiện dự thi hết học phần/môn học, điều kiện tốt nghiệp và các văn bản có liên quan khác để HSSV nắm được những nét tổng quan về ngành nghề theo học. Đại đa số HSSV đã nắm được các quy chế học tập và rèn luyện trong nhà trường để đề ra cho mình mục tiêu phấn đấu trong toàn khoá học. HSSV các khoá cũ được thông báo các nội dung mới, cập nhật trong các văn bản sửa đổi

của Bộ và văn bản vận dụng của Trường [6.1.1.1]; [ 6.1.1.5]; [3.1.1.3]; [3.1.2.1]; [3.2.1.1].

Các hình thức tuyên truyền phổ biến đến HSSV được Nhà trường tổ chức rất phong phú vào các thời điểm phù hợp như thời điểm đầu khoá học, đầu năm học mới trong tuần sinh hoạt Công dân, do Phòng Đào tạo- KH & QHQT, Phòng CTCT-HSSV, Ban chủ nhiệm các khoa trực tiếp phổ biến theo lịch phân công của Ban Giám Hiệu. Các văn bản có liên quan đến HSSV được giảng viên chủ nhiệm các lớp phổ biến trong các kỳ sinh hoạt lớp tổ chức thường xuyên 2 lần/tháng bố trí trong thời khoá biểu. Việc phổ biến các quy định hướng dẫn chi tiết cho các môn học được giảng viên trực tiếp giảng dạy thực hiện vào đầu mỗi học kỳ. HSSV có thể tham khảo các thông tin trên ở thư viện của Trường và từ tháng 10/2003 có thể truy cập tìm hiểu trên Website của Trường [6.1.1.6].

Từ năm 2002, để tạo điều kiện cho người học hiểu rõ về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá Nhà trường đã biên tập các văn bản có liên quan đến HSSV trong tài liệu: “ Các văn bản pháp quy liên quan đến HSSV”, “ Sổ tay Sinh viên” và niên giám để phổ biến và cấp cho HSSV mỗi người một bộ để sử dụng trong suốt khoá học. Đến thời điểm hiện nay, HSSV thông qua Website của Trường là có thể tìm hiểu và tham khảo về các nội dung trên. Tổng kết đánh giá phong trào HSSV các năm cho thấy ý thức học tập của HSSV được nâng lên rõ rệt, tỷ lệ HSSV vi phạm quy chế đào tạo nghỉ học quá quy định phải đình chỉ thi kiểm tra, phạm quy trong kỳ thi, kiểm tra giảm dần và ở mức thấp: Chỉ 0,05%-0,32% trong các năm học qua; điểm rèn luyện loại yếu kém dưới 1% và kết quả học tập của HSSV được nâng cao dần hàng năm [6.1.2.1]; [ 6.1.2.7]; [3.1.2.1]; [3.1.1.1].

**Điểm mạnh:** HSSV của Nhà trường từ đầu khoá học và trong thời gian theo học tại trường đã nắm vững và hiểu rõ mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu đánh giá, các nội dung quy định về quá trình đào tạo trong nhà trường để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Đa số HSSV đã thực hiện tốt quy chế đào tạo.

**Tồn tại:** Cần nâng cao hiệu quả của các hình thức phổ biến, các loại hình phổ biến, truyền đạt thông tin đến HSSV đa dạng hơn. HSSV ở phân tán ngoài KTX khoảng 68% cư trú ở nhiều xã phường xung quanh nên mặc dù đã thực hiện quy chế quản lý sinh viên ngoại trú theo các văn bản của Bộ, tỉnh nhưng việc phối hợp với địa phương để quản lý HSSV ngoại trú còn nhiều khó khăn.

**Kế hoạch:** Tiếp tục nâng cao hiệu quả của các hình thức phổ biến; tăng cường hơn nữa việc cập nhật các thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các môn học, yêu cầu kiểm tra đánh giá.v.v. và các văn bản hướng dẫn trên Website của Trường; Đẩy mạnh việc đối thoại trực tiếp với sinh viên và thông qua Website để HSSV có thể cập nhật thông tin nhanh chóng hơn. Phối hợp tốt với các địa bàn xung quanh trường để quản lý tốt HSSV ngoại trú và tạo điều kiện cho HSSV có điều kiện học tập và rèn luyện tốt. Phân công cán bộ có trách nhiệm trả lời câu hỏi của sinh viên trong hộp thư Forum của Website.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 6.2

*Người học được bảo đảm các chế độ chính sách xã hội*

Các văn bản về chế độ chính sách liên quan đến người học được Nhà trường và các đơn vị quản lý đào tạo cập nhật thường xuyên và phổ biến chi tiết cho HSSV trong chương trình "Tuần sinh hoạt công dân-HSSV" đầu mỗi khoá học, đầu năm học, trong sinh hoạt lớp, sinh hoạt đoàn thể đã giúp cho người học nắm rõ được quyền lợi và các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho người học trong quá trình đào tạo ở trường như chế độ về trợ cấp xã hội, sinh hoạt phí, học bổng chính sách, học bổng khuyến khích, chế độ về học phí từng năm học, các đối tượng được xét miễn giảm học phí, chế độ vay vốn cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn.v.v Kết quả thực hiện các chế độ chính sách với người học trong trường được thực hiện tốt, tính từ năm 2001 - 2005 không có trường hợp nào thắc mắc khiếu kiện về chế độ, điều đó cho thấy HSSV đã nắm bắt rõ các chế độ mà mình được hưởng và sự cố gắng của Nhà trường làm tốt công tác này.

Nhà trường giao cho phòng CTCT-HSSV là đơn vị chức năng tư vấn tham mưu và triển khai thực hiện các chế độ chính sách với HSSV. Các chính sách chế độ chủ trương mới của Nhà nước được cập nhật đầy đủ và phổ biến chi tiết cho người học thông qua các kỳ sinh hoạt lớp (2 tuần 1 lần, có lịch sinh hoạt trong thời khoá biểu của kỳ học), qua giao ban công tác HSSV cấp trường, cấp Đại học Thái Nguyên. Số HSSV thuộc diện chính sách đang theo học tại trường tăng hàng năm và Nhà trường đã phối hợp tốt với các khoa xem xét, lập danh sách và công bố công khai cho HSSV biết để kiểm tra và thực hiện. Thời điểm năm 2005, có gần 1.000 HSSV thuộc diện hưởng chính sách xã hội và có trên 450 sinh viên các khoá được vay vốn ngân hàng hỗ trợ cho sinh hoạt và học tập [6.2.1.1]; [6.2.1.3].

Nhà trường giao cho phòng CTCT-HSSV là đơn vị chức năng tư vấn và tổ chức triển khai thực hiện chính sách chế độ cho HSSV. Phòng CTCT-HSSV đã phân công 1 phó phòng theo dõi mảng giáo viên chủ nhiệm; ở cấp khoa có 1 Phó trưởng khoa chịu trách nhiệm về hệ thống giáo viên chủ nhiệm các lớp, do vậy việc triển khai đã thành nề nếp trong nhà trường từ nhiều năm nay và không để xảy ra sai sót [6.2.1.4].

Công tác chăm sóc sức khoẻ cho HSSV được Nhà trường quan tâm thường xuyên. Cơ sở vật chất và cán bộ cho Trạm y tế không ngừng được tăng cường, trạm y tế có phòng lưu bệnh nhân, 1 bác sỹ, 4 y sỹ và y tá trung cấp. Trạm y tế đảm nhận tốt việc chăm sóc sức khoẻ ban đầu và đủ điều kiện khám chữa bệnh ngoại trú cho HSSV. Hàng năm, đã triển khai tốt công tác khám sức khoẻ đầu vào; lập hồ sơ quản lý sức khoẻ, chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ trong quá trình học và khám sức khoẻ cho 100% HSSV khi tốt nghiệp. Có kế hoạch chủ động trong phòng chống các dịch bệnh thường xuyên hàng năm và không để xảy ra dịch bệnh. Làm tốt công tác bảo hiểm y tế trong HSSV [6.2.1.5].

Các hoạt động ngoại khoá được Nhà trường tổ chức thường xuyên với các chương trình văn nghệ thể dục thể thao cụ thể. Nhà trường chỉ đạo cho các phòng chức năng phối hợp với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh lập kế hoạch và tổ chức thực hiện cho từng thời kỳ, góp phần tích cực vào việc giáo dục nhân cách và tạo điều kiện tốt cho môi trường đào tạo trong nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức các cuộc thi văn nghệ và thi đấu thể dục thể thao trong CBVC và HSSV từ cấp đơn vị, cấp trường, cấp Đại học Thái Nguyên

đến cấp quốc gia tạo được không khí vui tươi lành mạnh trong nhà trường góp phần tích cực vào công tác giáo dục toàn diện và bài trừ các hiện tượng tiêu cực [6.2.1.6]; [6.2.1.9].

Công tác an ninh và bảo đảm an toàn trong trường học được Nhà trường đặc biệt chú trọng, thường xuyên củng cố và kiện toàn lực lượng bảo vệ cả về số lượng và chất lượng. Phối hợp tốt giữa lực lượng bảo vệ chuyên trách và lực lượng tự vệ của Nhà trường. Hàng năm, có phương án bảo vệ, phòng chống bạo loạn được BCHQS Thành phố phê duyệt, có kế hoạch tập huấn tự vệ và lực lượng bảo vệ chuyên trách định kỳ. Luôn bổ sung và hoàn thiện các văn bản quy định thực hiện các biện pháp an ninh trường học. Trong Nghị quyết của BCH Đảng bộ và tổng kết công tác hàng tháng đều có đánh giá về tình hình trật tự an ninh và sự thật những năm qua nhà trường đã đảm bảo tốt trật tự, an toàn và an ninh chính trị [6.2.1.10]; [6.2.1.11].

Trong tổng kết công tác HSSV hàng năm đều có đánh giá tổng kết các hoạt động thực hiện chính sách xã hội cho người học và các giải pháp cải tiến hoạt động, được Đại học Thái Nguyên đánh giá có phong trào HSSV tốt (trong đó có đánh giá việc thực hiện chính sách xã hội tốt). Phong trào văn hoá văn nghệ thể thao có nhiều thành tích và nhiều lần được khen thưởng các cấp. Tỷ lệ về số vụ việc mất an toàn trật tự hàng năm giảm rõ rệt (Từ cuối năm 2001 đến nay không xảy ra vụ mất mát tài sản và mất an ninh trật tự trong khu vực Nhà trường). Tỷ lệ ốm đau trên lớp của HSSV được cấp cứu kịp thời 100%, không có sinh viên nào gặp rủi ro khi khám chữa bệnh [6.2.2.1]; [6.2.2.8].

**Điểm mạnh:** Nhà trường đã đảm bảo tốt các chế độ chính sách cho HSSV theo các quy định của Nhà nước và tạo điều kiện cho các hoạt động thể dục thể thao văn hoá văn nghệ, tạo môi trường an toàn, môi trường văn hoá trong nhà trường, thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khoẻ cho người học và có những biện pháp hỗ trợ người học một cách có hiệu quả giúp cho người học có điều kiện chấp hành tốt các quy định quy chế trong nhà trường.

**Tồn tại:** Chưa đủ cơ sở vật chất phục vụ cho sinh hoạt văn hoá văn nghệ thể dục thể thao, thiếu diện tích có mái che cho các hoạt động thể dục thể thao, chưa có bể bơi. Cần tăng cường hỗ trợ của Nhà trường nhiều hơn cho các đối tượng chính sách đặc biệt là đối tượng cử tuyển, đối tượng vùng sâu vùng xa.

**Kế hoạch:** Tiếp tục nâng cao hiệu quả các hoạt động, có giải pháp hỗ trợ tốt hơn cho các đối tượng chính sách. Tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho các phong trào văn hoá thể dục thể thao bằng nguồn vốn ngân sách và nguồn vốn tự có của Trường...

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

### TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 6.3

#### ***Công tác rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho người học***

Công tác rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho người học là một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu được Đảng uỷ, Ban Giám Hiệu Nhà trường hết sức coi trọng và tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt công tác này trong những năm qua, bằng những hình thức tuyên truyền sinh động thường

xuyên gắn liền với các phong trào thực hành chính trị xã hội của các tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên.

Trong từng năm học, Nhà trường đã mời Báo cáo viên phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước từng thời kỳ cho CBVC và HSSV qua các đợt báo cáo thời sự, sinh hoạt chính trị đầu năm. Các hoạt động tuyên truyền lối sống trong người học được triển khai bằng nhiều hình thức sinh động: Qua các phong trào hoạt động của đoàn TN, Hội Sinh viên như “ Rèn đức - luyện tài vì ngày mai lập nghiệp”; qua phong trào sinh viên tình nguyện, phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” phong trào văn nghệ thể thao, phong trào thi đua trong học tập, phong trào thi đua xây dựng KTX văn minh sạch đẹp .v.v. Các cuộc thi tìm hiểu về Đảng, Bác Hồ, Quân đội... , thi tìm hiểu về phòng chống tệ nạn xã hội, ma túy.v.v. đã giúp HSSV nâng cao nhận thức chính trị và lập trường tư tưởng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và góp phần xây dựng đạo đức lối sống xác định trách nhiệm của mỗi HSSV trong học tập và rèn luyện.

Nhà trường có kế hoạch và tổ chức thường xuyên việc cung cấp báo chí cho HSSV phục vụ cho công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu và rèn luyện của người học, báo chí được cung cấp cho thư viện, hệ thống tổ chức của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên, KTX.v.v

Thực hiện các nhiệm vụ mục tiêu trọng tâm từng năm học trong công tác HSSV của Bộ GD&ĐT; Nhà trường đã cụ thể hoá hệ thống các văn bản quy chế rèn luyện phù hợp với điều kiện cụ thể của Trường và việc phổ biến quy chế học tập và rèn luyện, quy chế tính điểm rèn luyện cho người học được thực hiện ngay đầu khoá học, năm học, trong tuần Giáo dục chính trị đầu năm cho HSSV toàn trường; trong các sinh hoạt tập thể và sinh hoạt lớp.

Nhà trường có văn bản hàng năm về kế hoạch nhiệm vụ đầu năm học và báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm về công tác HSSV trong đó việc chấm điểm rèn luyện cho từng sinh viên được thực hiện theo từng học kỳ và năm học. Điểm TBCMR là cơ sở tính học bổng có tính điểm thưởng tương ứng với mức điểm rèn luyện đã có tác dụng thiết thực thúc đẩy phong trào học tập, rèn luyện của HSSV.

Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Nhà trường đã triển khai tốt các hoạt động tuyên truyền lối sống, hỗ trợ công tác giáo dục rèn luyện thông qua các phong trào trong HSSV như phong trào đền ơn đáp nghĩa; tình nguyện tại chỗ, hiến máu nhân đạo, đóng góp cho quỹ vì trẻ thơ.v.v. [6.3.1.1];[6.3.1.5].

Nhà trường đã chú trọng công tác kế hoạch, quy định tổ chức ngoại khoá về thời sự, kinh tế, chính trị và xã hội trong nước và thế giới cho người học. Các kế hoạch này được nêu trong các Nghị quyết của các cấp bộ Đảng, Chính quyền, Đoàn thể, Hội Sinh viên và được sơ kết đánh giá trong giao ban hàng tháng và các tổng kết năm. Các hoạt động ngoại khoá hàng năm được tổ chức đều đặn cho các lớp HSSV.

Các phong trào khuyến khích người học tìm hiểu học tập về chính trị tư tưởng được duy trì bằng cách khuyến khích chấm điểm rèn luyện, đưa vào chỉ tiêu thi đua của tập thể và cá nhân do đó đã lôi cuốn được đông đảo HSSV tham gia.

Tỷ lệ HSSV tham gia các phong trào tìm hiểu học tập chính trị tư tưởng đầu năm đạt xấp xỉ 100% và có báo cáo thu hoạch; các đợt nói chuyện ngoại khoá trên 90%.

HSSV tích cực tham gia các hoạt động công ích xã hội. Lao động công ích xây dựng trường. Làm sạch khu nội trú, trồng cây đầu xuân, thanh niên tình nguyện.v.v.

Tỷ lệ người học tham gia các phong trào hoạt động xã hội đạt 80 - 85% và được nhiều lần khen thưởng [6.3.2.1];[6.3.2.7].

**Điểm mạnh:** Công tác rèn luyện chính trị tư tưởng đạo đức và lối sống cho người học được Đảng uỷ, Ban Giám Hiệu rất chú trọng và chỉ đạo tốt việc tổ chức thực hiện. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Phòng chức năng và các tổ chức Đoàn thể, Hội Sinh viên với các chương trình cụ thể nên đạt hiệu quả tốt trên các mặt hoạt động. Tình hình HSSV Nhà trường ổn định về chính trị tư tưởng, đại đa số HSSV có ý thức vươn lên trong học tập rèn luyện, góp phần quan trọng vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

**Tồn tại:** Sự phối hợp chưa toàn diện giữa gia đình và Nhà trường trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng và đạo đức lối sống cho HSSV. Phối hợp giữa Nhà trường, gia đình và địa phương khu vực gần trường trong công tác quản lý sinh viên ngoại trú còn chưa hiệu quả và đồng bộ.

**Kế hoạch:** Tiếp tục nâng cao hiệu quả của các hoạt động trên. Tăng cường sự phối hợp giữa Nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác quản lý HSSV ngoại trú. Nâng cao hiệu quả của các hoạt động thực hành chính trị - xã hội. Phối hợp tốt giữa Nhà trường và Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên trong công tác rèn luyện chính trị tư tưởng và đạo đức lối sống trong HSSV. Sớm có phương án xây dựng khu nội trú của HSSV theo mô hình "Khách sạn sinh viên" và có đầy đủ các điều kiện về ăn, ở, khu vui chơi, luyện tập thể thao cho sinh viên.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 6.4**

### **Công tác Đảng, Đoàn thể với người học**

Trường Đại học là nơi đào tạo nguồn nhân lực có trình độ lý luận chính trị, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, có lý tưởng cách mạng, giàu trí tuệ, cường tráng về thể lực, trong sáng về đạo đức.v.v. phục vụ cho công cuộc công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước, do đó vai trò của các tổ chức chính trị, xã hội trong nhà trường luôn được các cấp lãnh đạo quan tâm xây dựng và phát triển.

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp được thành lập cùng với sự ra đời của Nhà trường nằm dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đoàn TN Đại học Thái Nguyên và Đảng uỷ Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp. Đoàn TN trường hiện nay gồm có 108 chi đoàn HSSV và 08 Chi đoàn cán bộ giáo viên, trong đó có 3 chi đoàn cán bộ giảng viên trực thuộc BCH Đoàn trường, các Chi đoàn sinh viên và giảng viên còn lại được tổ chức thành 5 liên chi đoàn ở các Khoa Điện, Cơ khí, Điện tử, SPKT, Ban Động lực. BCH Đoàn trường nhiệm kỳ X (Đại hội ngày 21/4/2005) bao gồm 17 đồng chí cán bộ giảng viên và sinh viên [6.4.1.1]. Trong mỗi đầu năm học, nhằm thực hiện và triển khai Nghị quyết của Đảng uỷ, của Đoàn cấp trên, BCH Đoàn trường đều đã họp bàn, xây dựng và thống nhất biểu quyết nhằm đưa ra Nghị quyết về kế hoạch công tác đoàn của năm học đó [6.4.1.1]. Để có thể thực hiện hoàn thành tốt các chương trình hoạt động Đoàn mà Nghị quyết của BCH

Đoàn trường đã đề ra, thì ngoài các nội dung cụ thể BCH cũng đã yêu cầu tất cả các Chi đoàn, các Liên Chi đoàn xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động chung cũng như kế hoạch [6.4.1.1] hoạt động riêng theo đặc thù từng đơn vị.

Dưới sự chỉ đạo của TW Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Sinh viên của Trường đã được thành lập từ rất sớm, hiện tại BCH Hội bao gồm 17 đồng chí và tổ chức của Hội cũng được cấu trúc thành 118 Chi hội và 4 Liên Chi hội theo các khoa chuyên môn. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của BTV Đoàn trường, Hội Sinh viên Đại học Thái Nguyên hàng năm tổ chức Hội Nhà trường cũng đã chủ động xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động mang tính thiết thực, cụ thể phù hợp với nhu cầu chính đáng của Sinh viên [6.4.1.2]. Các hoạt động của tổ chức Đoàn TN và Hội Sinh viên Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng [6.4.1.3], mỗi cấp ủy đều có cử các đồng chí ủy viên phụ trách thanh niên, nhằm nắm rõ những diễn biến về tư tưởng nguyện vọng của đoàn viên thanh niên từ đó giúp cho cấp ủy đề ra những nghị quyết chỉ đạo chính quyền phối hợp, tạo điều kiện tốt nhất cho tổ chức Đoàn, Hội triển khai hoạt động. Kinh phí tổ chức các hoạt động của tổ chức Đoàn TN, Hội Sinh viên hàng năm đều được chính quyền Nhà trường quan tâm phân bổ trong dự toán ngân sách, giúp cho việc tổ chức hoạt động được thuận lợi [6.4.1.3].

Trong các công tác của Đoàn, nhiệm vụ bồi dưỡng chính trị tư tưởng cho đoàn viên và tổ chức Đoàn tham gia xây dựng phát triển Đảng luôn được Đảng ủy quan tâm chỉ đạo. Hàng năm, các Nghị quyết của TW Đảng, Thông tư của ngành đều đã được triển khai tới toàn thể Đoàn viên TN thông qua tuần sinh hoạt công dân, thông qua các buổi đối thoại trực tiếp giữa đại diện Đảng ủy, Ban Giám Hiệu với Đoàn viên, thanh niên, đặc biệt hiện nay trên trang Web của Trường đã có một diễn đàn nhằm tạo điều kiện cho Đoàn viên có thể trao đổi thông tin với các tổ chức trong nhà trường [6.4.1.3], đồng thời hàng năm BCH Đoàn trường phối hợp với văn phòng Đảng ủy tổ chức lớp học bồi dưỡng cảm tình Đảng với hàng nghìn lượt đoàn viên tham gia [6.4.1.4].

**Điểm mạnh:** Thông qua các hoạt động của tổ chức Đoàn nhận thức của các Đoàn viên TN ngày càng được nâng cao, tỉ lệ các đoàn viên có nhận thức tốt và được kết nạp vào Đảng ngày càng tăng [6.4.2.3], số lượng đoàn viên được khen thưởng trong phong trào cũng như kết quả học tập được tăng lên [6.4.2.1], số SV vi phạm các quy chế ngày càng giảm [6.4.2.2].

**Tồn tại:** Tuy nhiên trong quá trình hoạt động của các Chi đoàn, chúng tôi nhận thấy hoạt động chưa thực sự thu hút đông đảo đoàn viên tham gia sinh hoạt mà còn mang tính hình thức. Kinh phí cho hoạt động chi đoàn còn ít, điều kiện cho sinh hoạt còn thiếu. Đặc biệt trong thời gian tới khi thực hiện chỉ đạo của Bộ, ngành về chế độ đào tạo theo tín chỉ thì công tác Đoàn và phong trào thanh niên sẽ gặp nhiều khó khăn trong các giai đoạn đầu.

**Kế hoạch:** Trong thời gian tới cần đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động từ cấp chi đoàn, quan tâm tới các chi đoàn giáo viên, lấy đây làm nòng cốt cho mọi hoạt động của các Liên chi đoàn, quan tâm tới việc thúc đẩy các hoạt động học tập và NCKH. Cần có sự trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác Đoàn trong trường học của các tổ chức Đoàn trường trong toàn quốc đã thực hiện chế độ đào tạo theo tín chỉ.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 6.5**

### **Các biện pháp cụ thể để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học**

Trong những năm 2001 -2005 vì Nhà trường không nằm trong quy hoạch của Đại học Thái Nguyên, nên việc đầu tư xây dựng cơ bản hằng năm bằng nguồn vốn Nhà nước không có. Bằng sự nỗ lực của Nhà trường, với nguồn vốn tự có, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã đầu tư xây dựng nhiều công trình phục vụ cho nhu cầu hoạt động văn hoá thể thao, phục vụ có hiệu quả cho các hoạt động vui chơi của HSSV góp phần tích cực cho môi trường giáo dục của Nhà trường.

Trong khuôn viên của Nhà trường đã có khu vực sân khấu ngoài trời, sân khấu tại hội trường lớn phục vụ cho công tác văn hoá, văn nghệ. Năm 2004, Nhà trường đầu tư thêm hàng trăm triệu đồng trang bị hệ thống âm thanh, ánh sáng đáp ứng nhu cầu văn hóa nghệ thuật ngày càng cao của sinh viên [6.5.2.1].

Nhà trường đã đầu tư hàng tỷ đồng xây dựng các công trình hoạt động thể thao như nhà thi đấu cầu lông, sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân Tennis [6.5.2.2].

Bằng nguồn vốn tự có Nhà trường đã nâng cấp khu KTX phục vụ đủ nhu cầu về nhà ở cho sinh viên với mức giá hợp lý từ 20.000 đồng đến 40.000 đồng/người/tháng tùy theo chất lượng phòng ở. Các hoạt động văn hoá, thể thao ở KTX được duy trì thường xuyên, đều đặn.

Để củng cố thêm các kiến thức đã được học tại trường, Nhà trường còn hỗ trợ kinh phí cho các tập thể lớp đi tham quan thực tế tại các nhà máy xí nghiệp như Nhà máy thủy điện Hoà Bình, Viện khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động, Nhà máy Y cụ Phổ Yên, Công ty Diezen Sông Công [6.5.2.3],...

**Điểm mạnh:** Các hoạt động văn nghệ thể thao được duy trì thường xuyên và hoàn toàn miễn phí nên đã thu hút đông đảo HSSV tham gia. Qua các hoạt động văn nghệ thể thao Nhà trường đã thành lập được các đội tuyển tham gia cấp Đại học Thái Nguyên và khu vực, đã được trao nhiều giải thưởng [6.5.2.4]; [6.5.2.5].

Thông qua các cuộc đối thoại giữa Ban Giám Hiệu, phòng chức năng với sinh viên hàng năm, Nhà trường nắm bắt nhu cầu của HSSV trong các hoạt động văn hoá, thể thao và điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp.

Năm 2004, Nhà trường đã thành lập Trung tâm tư vấn sinh viên: Hoạt động của bộ phận tư vấn sinh viên bước đầu đã đáp ứng được một phần nhu cầu về giải quyết việc làm, định hướng nghề nghiệp, tư vấn việc làm thêm của sinh viên, áp dụng chế độ tư vấn ưu đãi với các đối tượng chính sách xã hội và đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Để hỗ trợ việc học tập cho sinh viên, thư viện điện tử của trường thường xuyên mở cho sinh viên truy cập mạng và mượn tài liệu miễn phí [6.5.2.6].

**Tồn tại:** Chưa đầy đủ các sân bãi cũng như nhà thi đấu có mái che, bể bơi, đường chạy. Tổ chức các hoạt động thể thao chuyên nghiệp khó vì không có cán bộ chuyên trách, bởi bộ môn thể dục đã chuyển lên Khoa Giáo dục thể chất của Đại học Sư phạm.

**Kế hoạch:** Việc nâng cấp và tổ chức lại quản lý nhà ăn phục vụ SV và CBVC sẽ được Nhà trường thực hiện vào quý II năm 2006. Sẽ triển khai dự án xây dựng



khu KTX sinh viên theo hình thức gọi vốn đầu tư hoặc thông qua các dự án (ADB)... Liên hệ với ngân hàng để mở các hình thức và dịch vụ tín dụng cho sinh viên.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 6.6**

### ***Người học hiểu biết và tôn trọng luật pháp, đường lối của Đảng và Nhà nước***

Trong những năm gần đây, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp luôn chú trọng đến công tác tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước cho đối tượng HSSV trong trường. Bằng nhiều biện pháp tích cực làm cho HSSV đã hiểu và thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

Thực hiện công văn hướng dẫn các nội dung sinh hoạt tuần công dân HSSV của Bộ GD&ĐT, vào đầu mỗi năm học 100% HSSV được học tuần sinh hoạt công dân HSSV, 97% HSSV các khoá cũ được Nhà trường phổ biến lại các nội quy, quy chế và bổ sung thêm các nội dung mới mà trước đó chưa được học. Để giúp cho HSSV hiểu rõ trách nhiệm và quyền lợi của mình Nhà trường đã biên soạn cuốn " Các văn bản pháp quy liên quan đến HSSV" phát miễn phí cho từng sinh viên [6.6.2.1].

Hàng năm để giúp cho HSSV nắm rõ luật giao thông, Nhà trường đã liên kết với Công ty Cổ phần Vận tải- Sở giao thông Thái Nguyên mở nhiều lớp học lái xe mô tô cho HSSV [6.6.2.2].

**Điểm mạnh:** Các đợt thi tìm hiểu về pháp luật do các cơ quan ban ngành tổ chức Nhà trường đều tham gia nghiêm túc, đã động viên HSSV tham gia đạt 90%, nhiều tập thể và cá nhân đã đạt các giải cấp Đại học Thái Nguyên, cấp Tỉnh Thái Nguyên [6.6.2.3].

Công tác giáo dục pháp luật và phổ biến đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước được Nhà trường quan tâm đúng mực, vì vậy trong những năm gần đây tình hình an ninh trật tự trong khu vực Nhà trường tốt, không có sinh viên thắc mắc, khiếu nại liên quan đến chế độ chính sách, không có hiện tượng vi phạm pháp luật phải đưa ra truy tố.

**Tồn tại:** Tuy các hoạt động tuyên truyền của Nhà trường đã có tác dụng nhất định, nhưng vẫn còn một số sinh viên vi phạm pháp luật, Nhà trường đã có biện pháp giáo dục và xử lý kỷ luật kịp thời [6.6.1.1].

**Kế hoạch:** Nhà trường kết hợp chặt chẽ với các phường, xã trên địa bàn, kết hợp với gia đình người học để tạo môi trường giáo dục tích cực. Phân định rõ đối tượng sinh viên cá biệt để theo dõi giáo dục thường xuyên.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 1

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 6.7**

### ***Người học có đạo đức, lối sống lành mạnh, có tinh thần trách nhiệm cao***

Nhờ chỉ đạo của Đảng uỷ, sự điều hành của Ban Giám Hiệu, sự phối hợp triển khai giữa chính quyền với các đoàn thể tốt làm cho ý thức chính trị của HSSV được nâng lên rõ rệt: HSSV đã hiểu rõ quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của mình trong quá trình học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp. Đại đa số HSSV của Trường có ý thức vươn lên trong học tập và rèn luyện, có động cơ thái độ học tập đúng đắn. Tỷ lệ HSSV đạt danh

hiệu khá giỏi tăng hàng năm (Tỷ lệ đạt khá giỏi năm học 2001 xấp xỉ 8%; năm 2005 khoảng 12%), số vụ việc phải xử lý kỷ luật giảm, tỷ lệ người học bị kỷ luật về đạo đức và lối sống không đáng kể. Sự hợp tác tương trợ giữa người học với nhau tốt, quan hệ với các thầy cô giáo đúng mực, kính trọng [ 6.7.1.1]; [6.7.1.2].

Trong các kỳ tổng kết và xét điểm rèn luyện, phân loại đạo đức, tỷ lệ HSSV đạt loại tốt trên 80%. Tỷ lệ xếp loại đạo đức mức trung bình thấp từ 1 - 2%.

Số HSSV được khen thưởng về tinh thần trách nhiệm trong học tập, được cộng điểm thường vào điểm TBCMR để xét học bổng ngày càng tăng, hàng năm có trên 12% HSSV được xét cấp học bổng khuyến khích học tập. Số HSSV được khen thưởng về tinh thần trách nhiệm trong công tác Đoàn, Hội Sinh viên, các phong trào tập thể hàng năm đều tăng. Số Đoàn viên sinh viên được kết nạp Đảng cũng tăng hàng năm.

Các hoạt động liên kết hỗ trợ trong các công việc giữa những người học được tăng cường qua các phong trào học tập, rèn luyện và phong trào đoàn. Có thể thấy rõ nét nhất trong các hoạt động văn nghệ thể thao, hoạt động câu lạc bộ chuyên môn như Câu lạc bộ Cơ học; Câu lạc bộ Nghiệp vụ sư phạm; Câu lạc bộ ROBOCON. Khi sinh viên các khoa, các ngành học khác nhau được tập hợp sinh hoạt trong các câu lạc bộ, sự hỗ trợ liên kết giữa các sinh viên đã có hiệu quả rất tích cực. Câu lạc bộ Cơ học đã có thành tích xuất sắc qua kỳ thi hàng năm ( 2000 - 2002 đội tuyển OLIMPYC Cơ học của Trường mới có các giải cá nhân, năm 2003, 2004 xếp hạng 5, 6 với nhiều giải cá nhân và đồng đội, năm 2005 vươn lên đứng đầu trong số 30 trường kỹ thuật tham gia kỳ thi OLIMPIC cơ học toàn quốc. Số đội ROBOCON tăng từ 1đội năm 2003 lên 8 đội năm 2004 và 14 đội năm 2005) [6.7.2.1]; [6.7.2.5].

**Điểm mạnh:** Phong trào rèn luyện đạo đức lối sống có chuyển biến tốt, ý thức trách nhiệm công dân của HSSV được tăng cường, đại đa số có tinh thần trách nhiệm có đạo đức lối sống tốt, có tinh thần trách nhiệm, trung thực thẳng thắn và giản dị, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao khi thực hiện công việc được giao và ngày càng có sự phối hợp, hợp tác tốt trong công việc.

**Tồn tại:** Vẫn còn có một số ít sinh viên có ý thức phấn đấu chưa cao, cá biệt còn có vi phạm ý thức tổ chức, phải xử lý.

**Kế hoạch:** Tiếp tục tăng cường hiệu quả của công tác giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục chính trị tư tưởng; Cải tiến các hình thức giáo dục thông qua các phong trào thiết thực, chú trọng công tác giáo dục cá biệt, tăng cường mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường, tăng cường công tác động viên khen thưởng.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 6.8**

### ***Hoạt động hỗ trợ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo***

Hoạt động hỗ trợ nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm ngay sau khi ra trường là hoạt động rất hiệu quả và có tác dụng thúc đẩy phong trào học tập rèn luyện trong HSSV của Nhà trường. Cho nên, trong những năm qua, Nhà trường đã chỉ đạo các phòng chức năng quan tâm chú ý đúng mức và đã đạt kết quả tốt.

Trường có đội ngũ cán bộ làm công tác viên trong tổ chức tư vấn sinh viên của Đại học Thái Nguyên. Phòng CTCT-HSSV và Phòng ĐT-KH-QHQT là những phòng chức năng chuyên trách tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ cho HSSV trong việc tìm kiếm công việc phù hợp sau tốt nghiệp, các bộ phận này có mối quan hệ mật thiết với các cơ quan doanh nghiệp để hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho HSSV, đặc biệt cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn.

Hàng năm, nhiều doanh nghiệp lớn thường xuyên có các hoạt động tổ chức hội chợ giới thiệu việc làm cho HSSV Nhà trường; Nhà trường đã giao cho phòng CTCT-HSSV làm đầu mối liên hệ và công việc này được tổ chức hàng năm [ 6.8.1.1]; [6.8.1.3].

Nhà trường có liên hệ với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng để cập nhật kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành vào chương trình đào tạo.

Nhà trường đã cử 100% HSSV đi thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp theo đề cương thực tập đã được Nhà trường phê duyệt và thống nhất với cơ sở thực tập về kế hoạch và chương trình thực tập nhờ đó nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp đã được nhận việc tại cơ sở thực tập; Nhiều nhà máy có nhu cầu nhận người đã về trường liên hệ tuyển chọn sinh viên từ khi thực tập và bảo vệ tốt nghiệp.

Nhà trường cũng đã liên kết với các cơ sở bên ngoài tạo điều kiện để người học có các nghiên cứu ứng dụng phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp như Công ty Gang thép Thái nguyên; Khu công nghiệp Gò Đầm, các nhà máy cơ khí, các nhà máy giấy, các khu công nghiệp liên doanh với nước ngoài, các công ty lắp máy.v.v [6.8.2.1]; [6.8.2.3].

**Điểm mạnh:** Nhà trường chú trọng đúng mức đến việc hỗ trợ nhằm tạo cơ hội và tăng tỷ lệ người học có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp. Có mối liên hệ rất mật thiết với các cơ sở sản xuất kinh doanh, có liên kết tốt trong quá trình đào tạo cập nhật kiến thức phù hợp với thực tế sản xuất. Có thế mạnh trong chuyển giao công nghệ và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật cho các cơ sở sản xuất.

**Tồn tại:** Mặc dù có cán bộ chuyên làm công tác tư vấn sinh viên thuộc phòng CTCT - HSSV và các cộng tác viên thuộc hội Sinh viên và Đoàn trường nhưng phạm vi hoạt động còn hạn chế.

**Kế hoạch:** Tăng cường hơn nữa sự liên kết hợp tác với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất để nâng cao hiệu quả hợp tác trên các mặt trong đó có việc tạo điều kiện hỗ trợ việc làm cho sinh viên. Đẩy mạnh hoạt động của trung tâm tư vấn và hỗ trợ Sinh viên.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 6.9

### *Tỷ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp*

HSSV của Nhà trường sau khi tốt nghiệp tìm việc làm rất dễ dàng là một trong những thế mạnh của Nhà trường trong tuyển sinh, trong quảng bá thương hiệu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc và cả nước.

Nhà trường chủ động khảo sát độc lập và tham gia tích cực vào chương trình khảo sát sinh viên sau tốt nghiệp do Bộ GD&ĐT chủ trì trong các năm từ 1999-2001 và hiện tại tiếp tục đăng ký tham gia công tác khảo sát theo chương trình của Bộ năm 2005. Thông qua hội cựu sinh viên của Nhà trường tại nhiều tỉnh trên cả nước để nắm bắt tình hình sinh viên sau tốt nghiệp, đây là điểm rất nổi trội của Nhà trường, gần như tại tất cả 64 tỉnh thành trên cả nước đều có Hội Cơ điện; các hội này đều có sự liên hệ mật thiết thường xuyên với Nhà trường và cũng là địa chỉ tin cậy để sinh viên của Trường liên hệ việc làm.

Hàng năm, hàng chục cơ quan doanh nghiệp lớn có nhu cầu tuyển dụng kỹ sư thường xuyên liên hệ tuyển dụng với trường, tạo cơ hội nhiều hơn cho HSSV lựa chọn nơi làm việc phù hợp. Qua số liệu thống kê cho thấy trong vòng 1 năm sau khi tốt nghiệp đã có trên 90% HSSV tốt nghiệp có việc làm phù hợp với chuyên môn đào tạo của Trường [6.9.1.1]; [6.9.1.3].

HSSV của Trường sau khi tốt nghiệp có khả năng tạo lập việc làm cho bản thân và cho người khác nhờ mối liên hệ chặt chẽ giữa nhà trường và các cơ sở sản xuất. Đa số sinh viên nhà trường có quyết tâm khẳng định mình tại doanh nghiệp, chịu khó học hỏi, không nề hà khó khăn để vươn lên. Nhiều sinh viên xung phong tới những địa bàn khó khăn và từ đó đã trưởng thành nhanh chóng. Nhiều cựu sinh viên của Trường đã có hoạt động tốt trên cương vị chuyên môn và quản lý. Tỷ lệ người tốt nghiệp tự tạo việc làm cho mình trên 95%.

Tỷ lệ người tốt nghiệp tạo được việc làm cho người khác khoảng 5%.

Nhà trường cũng đã có những số liệu do các tổng công ty lớn và có uy tín cung cấp về khả năng làm việc và phát huy tốt kiến thức học tập tại trường [6.9.2.1].

**Điểm mạnh:** Đại đa số sinh viên tốt nghiệp đều có việc làm và phát huy tốt khả năng chuyên môn tại cơ quan công tác; số học sinh phổ thông đăng ký dự thi vào trường với tỷ lệ ngày càng cao và điểm thi đầu vào ngày càng tăng.

**Tồn tại:** Cần tăng cường mối liên hệ thường xuyên và bằng giải pháp tích cực hơn để khảo sát nắm bắt chi tiết tình hình việc làm của HSSV tốt nghiệp và có mối liên hệ phối hợp tốt hơn trong công tác bồi dưỡng sau khi sinh viên ra trường như đào tạo Cao học, chuyên đề; trong khi đa số sinh viên thích ứng tốt với điều kiện làm việc ở khu vực trung du, miền núi vẫn còn một số ít không muốn lên công tác tại các tỉnh miền núi vì điều kiện sống cũng như khả năng phát huy, sử dụng kiến thức chuyên môn được học còn thấp.

**Kế hoạch:** Đổi mới phương pháp điều tra tình trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp như chủ động có địa chỉ email của HSSV từ lúc sinh viên học tập năm cuối tại trường. Tăng cường thông tin trao đổi trên Website của Trường; cải tiến biểu mẫu thu nhận thông tin khi điều tra. Liên hệ mật thiết hơn với các Hội Cơ điện, với các cơ sở doanh nghiệp để tìm hiểu khả năng thích ứng và nhu cầu bồi dưỡng của sinh viên sau tốt nghiệp. Tăng cường trang bị kiến thức về ngoại ngữ và tin học để đáp ứng tốt hơn nhu cầu hội nhập khu vực và quốc tế.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TIÊU CHUẨN 7**

### ***NCKH và phát triển công nghệ***

Trong lĩnh vực NCKH và phát triển công nghệ, Nhà trường đã phát huy được thế mạnh của toàn thể đội ngũ CBVC trong việc gắn giảng dạy với NCKH và chuyển giao công nghệ, thể hiện ở việc tăng số lượng các bài báo, các đề tài NCKH các cấp, nội dung nghiên cứu ngày càng có giá trị khoa học cao hơn, khả năng ứng dụng và triển khai trong thực tế rõ nét hơn. Trong 5 năm gần đây, Nhà trường đã nghiệm thu đúng hạn tất cả các đề tài cấp Bộ đăng ký, thực hiện nghiêm chỉnh các quy định mới nhất của Bộ từ khâu đăng ký, thẩm định đề cương nghiên cứu, triển khai thực hiện và nghiệm thu thanh lý đề tài. Phần lớn các đề tài NCKH của Nhà trường đều mang tính ứng dụng và triển khai, tạo ra hiệu quả kinh tế - xã hội và khẳng định uy tín và thương hiệu của Nhà trường trong phạm vi toàn quốc. Trong 5 năm trở lại đây, các đề tài NCKH theo hướng các công nghệ mũi nhọn cũng đã bắt đầu được thực hiện, một mặt phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo đại học, cao học và NCS, mặt khác góp phần to lớn trong hợp tác nghiên cứu với các trường Đại học công nghệ trong nước cũng như một số trường Đại học nước ngoài.

### **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 7.1**

#### ***Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động KH&CN***

Hoạt động khoa học công nghệ là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, trong nhiều năm qua Đảng uỷ, Ban Giám Hiệu đã quan tâm đúng mức, chỉ đạo sáng suốt công tác này. Hàng năm, Nhà trường đã chủ động lập kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ theo đúng hướng dẫn xây dựng kế hoạch của các cấp quản lý [ 7.1.1.2]; [ 7.1.1.3] từ đó triển khai thực hiện, đôn đốc các đề tài gần đến thời hạn hoàn thành, tổ chức tuyển chọn các đề tài NCKH cho năm tới.

Trong quản lý khoa học và công nghệ, ngoài các quy định của các cấp quản lý Nhà trường còn có thêm quy định nội bộ về công tác này [7.1.1.1], từ đó chỉ đạo cho các đơn vị thực hiện nghiêm chỉnh công tác NCKH theo đúng các tiêu chuẩn quy định như: Thành lập Hội đồng, phiếu chấm điểm, biên bản họp hội đồng.v.v.[ 7.1.2.1].

Để khuyến khích đẩy mạnh công tác NCKH, hàng năm ngoài kinh phí được cấp Nhà trường còn dành một phần kinh phí đáng kể hỗ trợ cho công tác NCKH, cụ thể là: Đối với các đề tài cấp trường tăng từ mức 1 triệu đồng lên 1,5 triệu đồng, đối với đề tài sinh viên tăng từ mức 1,5 triệu đồng lên 2 triệu đồng. Ngoài ra có một số đề tài còn được cấp lên tới 6 triệu đồng. Điển hình trong năm 2004 phần kinh phí của Trường dành cho công tác này lên tới hơn 200 triệu đồng [7.1.2.3], bởi vậy mà công tác NCKH ngày càng phát triển mạnh, số lượng đề tài ngày càng tăng, đặc biệt là ba năm gần đây số lượng đề tài tăng vượt hẳn so với các năm trước [7.1.2.2].

Mỗi năm, trường có tổ chức các cuộc Hội thảo khoa học từ cấp trường đến cấp khoa và tham gia hội thảo câu lạc bộ khoa học khối các trường kỹ thuật phía bắc nhằm học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau qua đó nhằm thúc đẩy công tác NCKH [7.1.2.5].

Cùng với việc tăng cường công tác quản lý khoa học Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho công tác NCKH như: Hỗ trợ kinh phí, miễn phí sử dụng trang thiết bị để nghiên cứu .v.v. nên đã động viên được đội ngũ cán bộ khoa học tham gia NCKH với số lượng ngày càng đông, chất lượng đề tài ngày càng tốt, tính trong khoảng 5 năm gần đây 2001-2005 số lượng và chất lượng đề tài NCKH ngày càng tăng đặc biệt năm 2003 có 6/7 đề tài cấp bộ đã hoàn thành [7.1.2.6];[7.1.2.7]; [7.1.2.8], phản ánh được sự phát triển công tác NCKH của Nhà trường.

Kết quả nghiên cứu một số đề tài tiếp tục phát triển thành luận án tiến sĩ, rất nhiều đề tài có hiệu quả ứng dụng cao phục vụ trực tiếp trong công tác đào tạo cũng như trong công tác chuyển giao công nghệ: Thiết kế và chế tạo các chi tiết đảm bảo kỹ thuật thay thế hàng nhập ngoại với giá thành hạ, thiết kế đường dây và trạm, thiết kế hệ thống cân bằng định lượng .v.v. mang lại nguồn thu và tăng uy tín của Nhà trường trong xã hội [7.1.2.9].

**Điểm mạnh:** Nhà trường đã chú trọng xây dựng và triển khai công tác NCKH, tiếp cận thị trường khoa học công nghệ, trực tiếp tham gia vào quá trình triển khai và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật như tư vấn thiết kế, chế tạo, thi công nhiều công trình công nghiệp phục vụ sản xuất và đã thu được nhiều kết quả.

**Tồn tại:** Phối hợp nghiên cứu với các trường đại học khác, với doanh nghiệp, với các đối tác nước ngoài chưa đạt chiều sâu, tính hiệu quả trong việc giải quyết nhiệm vụ khoa học công nghệ ở quy mô quốc gia.

**Kế hoạch:** Nhà trường sẽ đưa ra các biện pháp cụ thể để tạo mọi điều kiện tốt nhất cho CBVC thực hiện NCKH và chuyển giao công nghệ, bắt buộc tất cả giảng viên phải có NCKH từ cấp cơ sở, sẽ không phân đều kinh phí NCKH mà tập trung cho các đề tài trọng điểm và có khả năng áp dụng vào thực tế và chuyển giao công nghệ.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 7.2

### *Số lượng đề tài, dự án đã thực hiện và nghiệm thu*

Trong những năm qua các cán bộ, giảng viên trong trường đã thực hiện được nhiều đề tài NCKH. Số đề tài được nghiệm thu và tỷ lệ đề tài / giảng viên khá cao [7.2.2.1].

Tỷ lệ đề tài cấp cơ sở:

Năm 2001 là 1 đề tài / 12,5 giảng viên

Năm 2002 là 1 đề tài / 18 giảng viên

Năm 2003 là 1 đề tài / 12,6 giảng viên

Năm 2004 là 1 đề tài / 2,76 giảng viên

Năm 2005 là 1 đề tài / 2,39 giảng viên

Tỷ lệ đề tài cấp bộ:

Năm 2001 là 1 đề tài / 38,6 giảng viên

Năm 2002 là 1 đề tài / 30,9 giảng viên

Năm 2003 là 1 đề tài / 26,6 giảng viên

Năm 2004 là 1 đề tài / 13,6 giảng viên

Năm 2005 là 1 đề tài / 17,4 giảng viên

Tổng hợp tỷ lệ các đề tài:

Năm 2001 là 1 đề tài / 9,19 giảng viên  
 Năm 2002 là 1 đề tài / 11,4 giảng viên  
 Năm 2003 là 1 đề tài / 8,54 giảng viên  
 Năm 2004 là 1 đề tài / 2,29 giảng viên  
 Năm 2005 là 1 đề tài / 2,1 giảng viên

Các số liệu trên được tính trên tổng số giảng viên cơ hữu của Trường [7.2.2.1].  
 Tính bình quân cho cả 5 năm thì tỷ lệ trên là 1 đề tài / 3,94 giảng viên.

Từ các kết quả trên ta nhận thấy tỷ lệ các loại đề tài hàng năm có thay đổi, đề tài cấp cơ sở những năm 2001, 2002 ít, năm 2003 đến 2005 nhiều (tổng đề tài thực hiện năm 2003 nhiều, nghiệm thu bị chậm một số sang năm 2004 và 2005), điều đó cũng do thực tế của trường, năm 2003 đến 2005 có cuộc thi ROBOCON, nên cần tập trung một số đề tài hỗ trợ cho cuộc thi trên. Nhìn tổng quát thì tỷ lệ đề tài / giảng viên ngày càng tăng, thể hiện phong trào NCKH trong trường ngày càng phát triển, nhất là phong trào NCKH của học sinh, sinh viên [7.2.2.1]. Năm 2001 Nhà trường đã tham gia một đề tài nhánh trong đề tài cấp Nhà nước về “Nghiên cứu xây dựng luận cứ khoa học và đề xuất giải pháp tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng trung tâm an toàn khu ATK”. Trong thời gian tới Nhà trường sẽ chủ trì một số đề tài cấp Nhà nước khác.

**Điểm mạnh:** Các đề tài đều mang tính nghiên cứu ứng dụng, phục vụ trực tiếp cho giảng dạy, đào tạo và thực tế sản xuất.

**Tồn tại:** Chưa có đề tài độc lập cấp Nhà nước. Số lượng đề tài sinh viên các năm qua đã tăng, nhưng vẫn chưa nhiều.

**Kế hoạch:** Từ năm 2006 cần tăng kinh phí cho đề tài trọng điểm và các đề tài sinh viên để cổ vũ phong trào NCKH của sinh viên, đồng thời cần xây dựng đội ngũ để chủ trì đề tài cấp Nhà nước, việc xây dựng đội ngũ cần thực hiện liên tục, lên kế hoạch cụ thể để tuyển dụng, cử đi học cao học và NCS, đăng ký xét chức danh PGS và GS.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Bảng 1:** Đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu

Danh mục	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005
Số đề tài đã nghiệm thu	16	12	19	94	102
Số giảng viên cơ hữu	193	216	239	259	244
<b>Tỷ lệ</b>	12,1	18	12,6	2,76	2,39

**Bảng 2:** Đề tài cấp Nhà nước và cấp bộ được nghiệm thu

Danh mục	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005
Số đề tài đã nghiệm thu	5	7	9	19	14
Số giảng viên cơ hữu	193	216	239	259	244
<b>Tỷ lệ</b>	38,6	30,9	26,6	13,6	17,4

**Bảng 3:** Tổng các đề tài được nghiệm thu

Danh mục	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Bình quân
Tổng số đề tài	21	19	28	113	116	292
Số giảng viên cơ hữu	193	216	239	259	244	1151
<b>Tỷ lệ</b>	9,19	11,4	8,54	2,29	2,1	3,94

### TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 7.3

#### *Số lượng các bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành*

Số lượng các bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá hoạt động NCKH, phát triển công nghệ của Nhà trường. Trong 5 năm qua, Nhà trường luôn luôn quan tâm, động viên các thầy, cô giáo tham gia viết bài cho các tạp chí. Do đó, hoạt động này đã có những thành tựu đáng kể, được thống kê trong bảng sau: [7.3.2.1]

Năm	Số lượng bài			Tổng
	Cấp ngành	Cấp quốc gia	Cấp quốc tế	
2001	76	4	7	87
2002	23	10	23	56
2003	6	2	12	20
2004	19	4	5	28
2005	89	38	7	134
<b>Tổng</b>	<b>212</b>	<b>58</b>	<b>54</b>	<b>325</b>

Tỷ lệ trung bình 5 năm qua là 3,54 giảng viên / 1 bài báo.

Qua bảng thống kê ta thấy, số các bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành thay đổi không đều theo mỗi năm. Điều này có nguyên nhân khách quan, năm 2003 là năm các NCS của Trường chuẩn bị bảo vệ luận án Tiến sỹ cấp Nhà nước, đây là lực lượng viết bài chủ yếu nhất.

**Tồn tại:** Số lượng các bài báo được đăng chưa nhiều và chủ yếu tập trung vào một số ít tác giả - Chủ yếu là các nhà giáo có học vị cao và số đang làm NCS.

Báo đăng trên tạp chí Khoa học công nghệ của Trường và của Đại học Thái Nguyên còn ít do số ra không đều và chưa động viên được đông đảo giảng viên tham gia viết bài.

Các bài báo đăng ở cấp quốc tế còn chưa nhiều.

Hầu như chưa có sách xuất bản mà mới chỉ dừng ở một số giáo trình.

**Kế hoạch:** Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ quan tâm hơn nữa đến việc duy trì đều đặn tạp chí Khoa học & Công nghệ của Trường, tạo môi trường thuận lợi cho giảng viên viết và công bố các kết quả nghiên cứu của mình từ cấp cơ sở trở lên. Có kế hoạch và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các giảng viên có học vị và bề dày công tác viết sách, tài liệu tham khảo.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2



## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 7.4**

### **Các hoạt động khoa học và công nghệ có giá trị ứng dụng để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội**

Cùng với công tác đào tạo, Nhà trường hết sức coi trọng đến công tác NCKH. Từ năm 2001 đến 2005 có 49 đề tài cấp Bộ và 243 đề tài cấp cơ sở của cán bộ giảng viên đã được nghiệm thu [7.2.2.1]. Hơn 40% số đề tài đó đã được ứng dụng vào thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế xã hội của cả nước, thông qua các hợp đồng kinh tế.

Nội dung của các đề tài được triển khai ứng dụng tập trung vào các vấn đề sau:

Nghiên cứu các giải pháp công nghệ để chế tạo các sản phẩm mới có chất lượng cao, thay thế cho hàng nhập ngoại.

Nghiên cứu các giải pháp để giảm tổn thất điện năng, bảo đảm an toàn lưới điện; khảo sát, thiết kế đường dây và trạm biến áp cung cấp điện cho các nhà máy xí nghiệp; tự động hoá một số dây chuyền sản xuất.

Số lượng đề tài NCKH đã được ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế xã hội trong 5 năm gần đây ngày càng tăng.

Hàng năm, thông qua công ty TNHH của Trường, nhiều hợp đồng kinh tế có hàm lượng NCKH với các cơ sở sản xuất đã được ký kết và nghiệm thu [7.4.2.3].

Số đề tài được ứng dụng vào thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội thông qua các hợp đồng kinh tế trung bình 5 năm đạt 44,12%. Trong đó số tỷ lệ đề tài cấp bộ được ứng dụng chiếm gần 70% [7.4.2.1], tỷ lệ đề tài cấp trường được ứng dụng chiếm trên 30% [7.4.2.2]. Số lượng đề tài NCKH được triển khai ứng dụng ngày càng tăng, thể hiện các nội dung nghiên cứu đi đúng hướng và có chất lượng tốt hơn, khoảng cách giữa nghiên cứu và thực tiễn ngày càng rút ngắn. Thông qua các triển khai ứng dụng này, ngoài việc đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, còn mang lại cho trường nguồn phúc lợi đáng kể. Tổng doanh số các Hợp đồng kinh tế mỗi năm trên 10 tỷ đồng, góp phần xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao đời sống CBCV đồng thời nâng cao vị thế và uy tín của Nhà trường với xã hội.

**Bảng : Số đề tài được ứng dụng sau nghiệm thu**

<b>Năm</b>	<b>Đề tài cấp bộ</b>			<b>Đề tài cấp cơ sở</b>			<b>Tỷ lệ đề tài đã được ứng dụng (%)</b>
	Số ĐT đã nghiệm thu	Số đề tài ứng dụng	Minh chứng	Số đề tài đã nghiệm thu	Số đề tài ứng dụng	Minh chứng	
2001	6	<b>4</b>	[7.4.2.1]	16	07	[7.4.2.2]	43,8
2002	07	<b>05</b>	[7.4.2.1]	12	04	[7.4.2.2]	47,4
2003	09	<b>07</b>	[7.4.2.1]	19	05	[7.4.2.2]	42,9
2004	19	<b>10</b>	[7.4.2.1]	94	39	[7.4.2.2]	43,4
2005	14	<b>12</b>	[7.4.2.1]	102	38	[7.4.2.2]	43,1
<b>Tổng</b>	<b>49</b>	<b>34</b>		<b>243</b>	<b>93</b>		<b>44,12</b>

Kết quả ứng dụng vào thực tiễn cho thấy các đề tài NCKH cấp bộ chiếm ưu thế, vì nội dung nghiên cứu của các đề tài này hoàn chỉnh hơn, thời gian dài hơn và kinh phí được cấp nhiều hơn so với các đề tài NCKH cấp trường.

**Điểm mạnh:** Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đang trở thành một địa chỉ đáng tin cậy của cả nước trong việc ứng dụng các đề tài NCKH vào thực tế sản xuất để chế tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ. Nhiều sản phẩm đã giữ vững "thương hiệu" của mình trên thị trường và cạnh tranh được với hàng nhập ngoại. Việc ứng dụng các kết quả NCKH ngày càng mang lại nguồn phúc lợi đáng kể cho Nhà trường, nâng cao đời sống kinh tế của cán bộ giáo viên, bổ sung kiến thức thực tiễn nâng cao chất lượng đào tạo.

**Tồn tại:**

- Chưa có nhiều đề tài độc lập cấp Nhà nước, việc phát triển và hợp tác quốc tế trong NCKH còn chậm.

- Lực lượng làm NCKH các cấp và triển khai ứng dụng còn tập trung vào một số cán bộ giảng viên có nhiều kinh nghiệm, chưa triển khai rộng khắp mọi lĩnh vực khoa học và mọi đối tượng trong nhà trường.

**Kế hoạch:** Khai thác tốt hơn các địa bàn đã có, đồng thời tìm kiếm thêm thị trường mới để đưa công tác NCKH vào thực tế cuộc sống. Khai thác hiệu quả các thiết bị máy móc đã được đầu tư để thực hiện các đề tài NCKH.

- Tăng số lượng và chất lượng các đề tài NCKH các cấp, tập trung nguồn lực cho một số đề tài và lĩnh vực trọng điểm; xây dựng một vài đề tài khoa học công nghệ cấp Nhà nước; chủ động hợp tác với các cơ sở đào tạo đại học trong nước và nước ngoài về công tác NCKH.

- Tham gia với các tỉnh, đặc biệt là Tỉnh Thái Nguyên trong tư vấn đầu tư, trong hoạch định chính sách và chuyển giao công nghệ, gắn chặt NCKH với những nhiệm vụ của khu vực và lãnh thổ.

- Cần có sự phối hợp giữa những giảng viên có nhiều kinh nghiệm với lực lượng giảng viên trẻ để thực hiện các đề tài NCKH, đây là điều kiện để dìu dắt thế hệ trẻ làm quen với công tác NCKH và tiếp cận với thực tế.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 7.5**

### ***Các hoạt động khoa học và công nghệ gắn với đào tạo***

Trong những năm qua, các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Nhà trường không ngừng được chú trọng, các hoạt động này luôn gắn với đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động KH&CN đã đóng góp rất lớn vào nguồn lực của Nhà trường.

Từ năm 2001 đến 2005 số đề tài NCKH luôn tăng, năm 2001 có tổng số 30 đề tài NCKH các cấp, năm 2004 là 106 đề tài, năm 2005 là 83 đề tài (đã được nghiệm thu). Tỷ lệ từng loại đề tài hàng năm có thay đổi, nhưng luôn có đề tài gắn với mục tiêu và chương trình đào tạo, có nhiều đề tài về phương pháp giảng dạy và các đề tài sinh viên (xem bảng 6 và 7). Tỷ lệ đề tài phục vụ giảng dạy và gắn với đào tạo là 68,2%. Các đề tài sinh viên đều có gắn với chương trình giảng dạy, đào tạo, các đề

tài của giảng viên cũng thường gắn với chương trình giảng dạy, đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, đặc biệt là các môn học mới. Các đề tài phục vụ giảng dạy và đào tạo có nhiều dạng khác nhau [7.5.2.1].

**Bảng 6:** Số lượng các đề tài NCKH của Sinh viên

Danh mục	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Bình quân
Tổng số đề tài các loại	30	26	73	106	83	318
Số đề tài sinh viên	2	3	49	50	54	158
<b>Tỷ lệ (%)</b>	6,67	11,5	67,1	47,2	65,1	49,7

**Bảng 7:** Tỷ lệ đề tài có kết quả ứng dụng trong đào tạo

Danh mục	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Bình quân
Tổng số đề tài các loại	30	26	73	106	83	318
Đề tài ứng dụng trong đào tạo	15	17	49	73	63	217
<b>Tỷ lệ (%)</b>	50	65,4	67,1	68,9	75,9	68,2

Việc gắn kết với các viện nghiên cứu cũng như các trường đại học khác được thực hiện rất đa dạng: Các hội nghị, hội thảo về khoa học công nghệ, CLB các Trường Đại học Kỹ thuật, các hội thảo liên bộ môn [7.1.2.5].

Nhiều hoạt động gắn kết với các doanh nghiệp được thực hiện thông qua các hợp đồng kinh tế và chuyển giao công nghệ, vừa nâng cao tầm vóc của Nhà trường vừa bổ sung nguồn thu nhập.

Liên kết KHCN với đối tác nước ngoài đã được Nhà trường chú trọng. Tuy nhiên, các liên kết này chưa nhiều, mặc dù gần đây số lượng liên kết có tăng thể hiện qua hoạt động chuyển giao công nghệ.

Các hoạt động khoa học và công nghệ đã góp phần đắc lực vào việc nâng cao nguồn lực của Nhà trường, phục vụ tốt công tác giảng dạy, nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên, chuyển giao công nghệ cao cho các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp.v.v.

**Điểm mạnh:** Là trường thuộc khối khoa học và công nghệ, các đề tài NCKH phần lớn gắn với hoạt động này và phục vụ tốt cho giảng dạy thuộc các khối khoa học công nghệ.

**Tồn tại:** Liên kết khoa học và công nghệ với các đối tác nước ngoài chưa nhiều, chưa làm chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước để xứng đáng ngang tầm với các trường công nghệ lớn trong nước cũng như khu vực.

**Kế hoạch:** Nhà trường cần chủ động và có kế hoạch đăng ký thực hiện các đề tài cấp Nhà nước và tăng cường các hoạt động liên kết về KHCN với các nước trong khu vực và thế giới.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TIÊU CHUẨN 8**

### ***Hoạt động hợp tác Quốc tế***

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã chủ động thiết lập các quan hệ quốc tế, triển khai tốt các hoạt động hợp tác với các trường đại học, các tổ chức giáo dục, khoa học và công nghệ nước ngoài, thông qua đó đã nâng cao năng lực đào tạo và NCKH của Nhà trường. Nhà trường đã tiến hành những hoạt động hợp tác quốc tế theo đúng những quy định của Nhà nước.

### **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 8.1**

#### ***Các hoạt động Hợp tác Quốc tế được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước***

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp có quan hệ Hợp tác Quốc tế (HTQT) về đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ với nhiều trường đại học trên thế giới ngay từ khi trường mới thành lập. Nhà trường luôn đảm bảo thực hiện đúng các quy định về HTQT của Chính phủ, Bộ GD&ĐT, UBND Tỉnh Thái Nguyên và Đại học Thái Nguyên.

Trong 5 năm (2001- 2005), Nhà trường liên tục phát triển các mối quan hệ với các trường Đại học trong khu vực và trên thế giới như Đại học Quảng Tây - Trung Quốc năm 2000, Đại học Kỹ thuật Suranaree - Thái Lan năm 2001, Đại học Quốc gia Chung Nam - Hàn Quốc năm 2002, Đại học Kỹ thuật Nagaoka - Nhật Bản năm 2003, Đại học Otto-Guericke, Đại học Khoa học ứng dụng Saarbrucken - CHLB Đức, Đại học Bách khoa Praha CVUT- CH Séc năm 2005. Hàng năm và trong từng giai đoạn, Nhà trường đều tổng kết và có văn bản báo cáo về công tác HTQT [8.1.1.1]; [8.1.1.3]; [8.1.1.2].

Nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định hiện hành về HTQT của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam [8.1.1.3], tổng kết và viết báo cáo về các hoạt động HTQT với nước ngoài theo đúng quy định của Nhà nước [8.1.1.2]. Cách tổ chức và quản lý đoàn vào, đoàn ra, các kết quả mà công tác QHQT mang lại cũng như các khó khăn vướng mắc cần giải quyết đều được trình bày cụ thể trong các báo cáo này. Mỗi năm, Nhà trường đón 7-10 đoàn từ các trường đại học và các hãng sản xuất công nghiệp nổi tiếng thế giới đến thăm quan, tìm kiếm cơ hội hợp tác, trao đổi kinh nghiệm. Với các đoàn này, Nhà trường đều có những hướng dẫn cụ thể cho khách về các quy định khi họ sống và làm việc tại trường [8.1.2.1]. Ngược lại, Nhà trường cũng thường xuyên tổ chức các chuyến thăm và làm việc ở nước ngoài với các trường đại học hoặc các công ty, các đoàn ra đều được tư vấn về những quy định và luật pháp của nước sở tại [8.1.2.1].

Hoạt động HTQT của Nhà trường luôn đảm bảo thiết lập được mối quan hệ tốt với bạn, khai thác những khía cạnh có lợi cho việc đào tạo và NCKH của Nhà trường, đồng thời giữ được an ninh trật tự của địa phương, khu vực cũng như toàn quốc.

**Điểm mạnh:** Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về công tác HTQT của Nhà nước, Bộ GD&ĐT, Đại học Thái Nguyên và Tỉnh Thái Nguyên.

**Tồn tại:** Trong 5 năm (2001-2005), các hoạt động QHQT của Nhà trường chủ yếu phát triển mạnh theo chiều rộng, chưa đạt được chiều sâu và hiệu quả cao.

**Kế hoạch:** Thời gian tới, Nhà trường sẽ luôn đảm bảo thực hiện đúng những quy định của Nhà nước về hợp tác quốc tế, phát huy truyền thống tốt đẹp trong quan hệ hợp tác với các trường, các quốc gia đã có, tiếp tục mở rộng thêm các mối quan hệ hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 8.2**

### **Các hoạt động HTQT về đào tạo, trao đổi giảng viên và người học**

Trong quá trình 40 năm xây dựng và trưởng thành, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã xây dựng được nhiều mối quan hệ hợp tác quốc tế với nhiều trường Đại học nổi tiếng trên thế giới. Thông qua các quan hệ này một số hoạt động hợp tác quốc tế được tiến hành ngay tại trường như Dự án về phát triển đào tạo nghề “Balancing Development” của liên minh châu Âu, các chương trình đào tạo ngắn hạn về PLC, pin mặt trời cho giáo viên, chương trình giảng dạy tiếng Anh của tổ chức GAP cho giảng viên và sinh viên [8.2.1.1].

Nhà trường tham gia nhiều chương trình trao đổi giảng viên thông qua các quan hệ song phương với Đại học Suranaree - Thái Lan; Đại học Saarbrücken CHLB Đức [8.2.1.3]; [8.2.1.4]. Mỗi năm, Nhà trường cử 3 - 5 giáo viên, 6 - 7 sinh viên sang học tập, NCKH ở một số trường Đại học tại Thái Lan, CHLB Đức, Malaysia, Hà Lan theo đề án 322 của Chính phủ [8.2.1.2]; [8.2.1.3] cũng như từ nguồn tài trợ song phương cho phối hợp NCKH và tham dự các Hội thảo quốc tế.

Trong 3 năm qua, Nhà trường đã tạo được uy tín với nhiều trường Đại học và tổ chức quốc tế, tăng thêm hiệu quả quá trình giảng dạy, học tập của giảng viên và sinh viên. Nhiều chương trình hợp tác về đào tạo được ký kết làm cho số giảng viên nước ngoài sang làm việc tại trường cũng như số giảng viên, sinh viên Nhà trường được cử đi học tập ở nước ngoài tăng [8.2.1.3]; [8.2.2.3]; [8.2.2.2].

Năm 2002 - 2004, Nhà trường đã tham gia dự án do Liên minh Châu Âu tài trợ “Balancing Development” giữa 3 thành phố Thái Nguyên (Việt Nam), Forbach (Pháp), Sarbrücken (CHLB Đức) [8.2.2.2]. Thông qua dự án một số cán bộ lãnh đạo Nhà trường đã sang thăm và làm việc tại Đức và Pháp. Bốn khoá đào tạo ngắn hạn về PLC, năng lượng mặt trời.v.v. đã được tổ chức tại trường với sự tham gia của nhiều trường trên địa bàn Tỉnh Thái Nguyên. Kết thúc dự án Nhà trường khẳng định được vai trò của mình là đối tác tin cậy của đồng nghiệp nước ngoài trên các lĩnh vực đào tạo và NCKH.

HTQT đã mang lại hiệu quả lớn cho công tác đào tạo và NCKH thể hiện qua việc tham gia có kế hoạch vào các chương trình về Đào tạo và NCKH với các đối tác nước ngoài để trao đổi học thuật, giảng viên (trung bình 3-5 người/năm), người học (trung bình 6-7 người trên năm), thăm quan (trung bình hàng chục lượt người/năm), nhờ HTQT một số PTN của Nhà trường đã được nâng cấp thông qua tài trợ của các dự án như thiết bị năng lượng mặt trời, công nghệ SPS, hệ thống điều khiển quá trình trị giá trên 2 tỷ đồng. Thông qua các chương trình này giảng viên và người học có điều kiện tiếp cận với khoa học và

kỹ thuật của các nước tiên tiến, kích thích việc nâng cao trình độ ngoại ngữ phục vụ công tác chuyên môn. Các lớp tiếng Anh do giảng viên của tổ chức GAP gửi đến thực sự trở thành địa chỉ đáng tin cậy của cả thầy và trò.

**Điểm mạnh:** Nhà trường đã xây dựng được 4 chương trình đào tạo liên kết với nước ngoài cho các ngành Cơ khí và Điện với trường Đại học Nagaoka (Nhật Bản), Khoa Điện của Trường Đại học Perth (Australia), Khoa Cơ khí của Trường Đại học Magdeburg (Cộng hoà liên bang Đức), Khoa Cơ khí và Điện của Trường Đại học Bách Khoa Praha - CH Séc. Hiện tại Nhà trường đang triển khai dự án đào tạo đại học hai giai đoạn với Trường Đại học Otto Guericke Madeburg - CHLB Đức, Đại học Bách khoa Praha - CH Séc. Thông qua HTQT các giảng viên của Trường có điều kiện ra nước ngoài thực hiện các NCKH, đi học nâng cao trình độ chuyên môn, tham dự và báo cáo tại hội nghị khoa học quốc tế. Trình độ tiếng Anh của giảng viên và sinh viên được nâng cao phục vụ trực tiếp cho việc tham khảo tài liệu tiên tiến.

**Tồn tại:**

- Chưa tổ chức được phối hợp hướng dẫn Thạc sỹ và NCS với các trường Đại học của nước ngoài.

- Trình độ tiếng Anh của một số giảng viên có tuổi trong trường còn hạn chế.

**Kế hoạch:** Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục giữ vững và phát triển các mối quan hệ đã có, đồng thời phải mở rộng thêm phạm vi, đối tượng và lĩnh vực hợp tác.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

### **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 8.3**

#### ***Các hoạt động HTQT về NCKH***

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp liên tục có các hoạt động hợp tác quốc tế về NCKH. Ba năm liên tục Nhà trường đã tổ chức các Hội thảo khoa học với sự tham gia của các đối tác nước ngoài như hội thảo “Quản lý và tổ chức Nhà trường”, “mạng làm việc”, “tăng cường và cân bằng phát triển kinh tế xã hội” ở Tỉnh Thái Nguyên thông qua việc điều chỉnh chương trình đào tạo đáp ứng thị trường lao động do EU tài trợ, hội thảo về “đào tạo và phát triển”, hội thảo “ hình thành mạng lưới vùng để nâng cao năng lực nghiên cứu và giảng dạy công nghệ vật liệu” do Chính phủ Nhật Bản tài trợ [8.3.1.1]. Nhà trường đã có một số đề án phối hợp NCKH với đối tác nước ngoài như “Nghiên cứu, chế tạo và thử nghiệm hệ thống dao phay linh hoạt có tính vạn năng cao”, “Thiết kế hệ thống bôi trơn và làm nguội tối thiểu” với trường Đại học Otto-Guericke - Magdeburg CHLB Đức [8.3.1.3], tham gia vào dự án Cân bằng và Phát triển giữa ba thành phố Thái Nguyên, Forbach (Pháp), Saarbrucken (CHLB Đức) [ 8.3.1.2]. Nhà trường đang tham gia vào các chương trình phối hợp NCKH với Đại học Nagaoka (Nhật Bản), Đại học Quốc gia Chung Nam (Hàn Quốc), Khoa Cơ khí và Khoa Điện của Trường Đại học Bách khoa Praha, Cộng hòa Séc.

**Điểm mạnh:** Các hoạt động hợp tác quốc tế đã có tác dụng nâng cao năng lực NCKH và phát triển công nghệ của Nhà trường. Trong 3 năm (2002- 2005), số lượng các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài liên tục tăng [8.3.2.1], năm 2004 các dự án hợp tác với đối tác nước ngoài tăng 10% so với năm 2003, năm 2005 tăng 30%

so với năm 2003. Cơ sở NCKH của Trường được hiện đại hoá hơn thông qua các liên kết với nước ngoài, Nhà trường nhận được sự hỗ trợ thiết bị trị giá khoảng hơn 2 tỷ đồng cho 1 PTN của khoa Điện tử dự án EU [8.3.2.2]. Thông qua chuyển giao công nghệ, các giảng viên và cán bộ thí nghiệm của khoa vừa có điều kiện tiếp xúc với KHCN mới vừa rèn luyện được khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.

Các giảng viên tham gia các chương trình thực tập sinh và NCS ở nước ngoài đều tham gia phối hợp NCKH với đồng nghiệp của các trường của nước sở tại như Đại học Tây Australia, Đại học Kỹ thuật Suranaree - Thái Lan, Đại học Delf - Hà lan và thu được kết quả tốt [8.3.2.3].

**Tồn tại:** Việc phối hợp NCKH với đối tác nước ngoài chưa nhiều, trình độ ngoại ngữ của giảng viên hạn chế. Chưa thiết lập, phối hợp NCKH với các trường châu Mỹ.

**Kế hoạch:** Tăng cường khả năng ngoại ngữ của giảng viên. Mở rộng thêm quan hệ quốc tế với các nước, nhất là với các trường ĐH ở Hoa Kỳ.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 1

## TIÊU CHUẨN 9

### *Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất*

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp có thư viện điện tử, các giảng đường, các PTN của khoa và bộ môn, các xưởng thực nghiệm và thực hành, cũng như các cơ sở vật chất khác phục vụ tốt công tác đào tạo NCKH của Trường. Thư viện, trang thiết bị học tập và các cơ sở vật chất khác là nguồn lực về vật chất để Nhà trường hoàn thành mục tiêu và nhiệm vụ đề ra.

### TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 9.1

#### *Thư viện*

Đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường, trong đó thư viện là một khâu quan trọng. Chính vì vậy mà năm 2003 Nhà trường đã xây mới hoàn toàn hệ thống thư viện, mặc dù thư viện cũ có diện tích và mặt bằng khá lớn.

Thư viện điện tử của Nhà trường có diện tích 2.275 m<sup>2</sup> gồm 15 phòng, bao gồm 01 phòng mượn, 04 phòng đọc, 03 phòng truy cập Internet, 1 phòng biên mục và nghiệp vụ.v.v. Ngoài ra tại các bộ môn đều có tủ sách chuyên môn [9.1.1.1].

Thư viện mở cửa 3 ca trừ ngày nghỉ cuối tuần và các ngày lễ tết [9.1.1.2].

Thư viện có gần 100.000 cuốn sách gồm đầy đủ các loại sách và tài liệu cần thiết đáp ứng nhu cầu của trên 5.000 SV của các ngành [9.1.1.3].

Có 14 chủng loại báo ngày và báo tuần tại phòng đọc, phòng trực giảng đường, các phòng, ban, câu lạc bộ sinh viên.v.v. đáp ứng cơ bản nhu cầu đọc giả [9.1.1.5].

Số lượng đọc giả được phục vụ tại phòng mượn và phòng đọc mỗi năm một tăng, sau đây là số liệu trung bình thời gian 2001 - 2005 [9.1.1.6].

Phòng mượn:	Tổng số lượt đọc giả:	51.400 lượt/năm
	Tổng số sách cho mượn:	152.460 cuốn/năm
Phòng đọc:	Tổng số lượt đọc giả:	47.120 lượt/năm
	Tổng số sách cho mượn:	113.340 cuốn/năm

Hệ thống máy tính của thư viện điện tử bao gồm khoảng 200 máy trạm kết nối Internet bằng 2 đường ADSL. Hiện nay, hệ thống cơ sở dữ liệu bao gồm trên 2.000 biểu ghi sách, giáo trình, trên 100 biểu ghi dữ liệu luận án thạc sỹ và tiến sỹ, 182 đĩa CD -ROM tài liệu tham khảo của các ngành kỹ thuật cùng với tài nguyên mạng liên thư viện phong phú, đáp ứng các yêu cầu cao về thông tin tư liệu [9.1.2.1]; [9.1.2.2]; [9.1.2.6].

Phần mềm quản trị thư viện trước năm 2004 là CDS/ ISIS, hiện đã chuyển sang phần mềm LiBol 5.5, tương thích với chuẩn biên mục MARC 21 [9.1.2.3]; [9.1.2.5].

Tổng kinh phí mua sách trong 5 năm qua lên đến trên 1 tỷ VNĐ, chiếm khoảng 1,4 ÷ 1,6 % kinh phí chi thường xuyên hàng năm [9.1.2.4]; [9.1.2.9].

Cán bộ thư viện được bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên, đồng thời thư viện cũng tổ chức các lớp học kỹ thuật tra cứu và khai thác tài nguyên mạng cho độc giả [9.1.2.3]; [9.1.2.7].

Nhà trường cho phép sinh viên có học lực trung bình trở lên, sinh viên lớp chất lượng cao, giảng viên trong toàn trường được mượn sách, sử dụng kho tư liệu theo nhu cầu và truy cập mạng miễn phí [6.5.2.6]. Với chính sách này đã khuyến khích người học, giảng viên, cán bộ quản lý khai thác có hiệu quả tài nguyên thư viện. Đồng thời theo thống kê cho thấy độc giả đến thư viện hàng năm đều tăng chứng tỏ thư viện đã đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của độc giả [9.1.2.8].

**Điểm mạnh:** Hệ thống máy tính của thư viện hiện đại, cơ sở dữ liệu điện tử được bổ sung nhanh và thường xuyên, phần mềm quản lý thư viện LiBol phù hợp và tăng khả năng tự động hoá các nghiệp vụ thư viện.

**Tồn tại:** Diện tích mặt bằng của nhà thư viện chưa đáp ứng được số chỗ cho sinh viên.

**Kế hoạch:**

- Chuyển đổi toàn bộ cơ sở dữ liệu từ chuẩn CDS / ISIS sang chuẩn Marc 21 trong năm 2006 và năm 2007.

- Khẩn trương mở rộng diện tích thư viện hơn nữa. Và lắp đặt thiết bị tạo khả năng truy cập mạng không dây.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 9.2

### *Phòng thực hành thí nghiệm*

Hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm của Nhà trường đã trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, cơ bản đáp ứng yêu cầu của một trường Đại học kỹ thuật, hiện đang phục vụ trên 6.000 SV, 150 học viên Cao học và NCS. Ngoài ra còn có các PTN chuyên đề cho các lĩnh vực trọng điểm về Cơ khí chế tạo máy, Kỹ thuật vật liệu, Tự động hoá và Công nghệ thông tin.

Các phòng thực hành, thí nghiệm được phân thành 4 loại:

#### **a. Phòng thực hành (PTH)**

Gồm có 3 PTH nằm tại 3 đơn vị.

+ Trung tâm thực nghiệm.

Là đơn vị độc lập đảm nhiệm công tác thực hành của toàn trường. được chia thành 11 ban cho phù hợp với từng ngành đào tạo khác nhau, có đủ diện tích và đầu thiết bị đảm bảo cho khoảng 500 SV thực hành cùng một lúc [9.2.1.1]. Trong năm



nằm lại đây đã từng bước đầu tư một số modun thiết bị hiện đại như trung tâm gia công phay KM100, trung tâm gia công tiện CNC 460

+ PTH hình họa - Vẽ kỹ thuật

Đây là phòng được trang bị đủ máy tính, khi cần thiết thực hành CAD có thể sử dụng phòng máy tính của thư viện điện tử với gần 200 máy tính, máy in khổ A0 và hàng trăm mô hình các vật thể do bộ môn tự chế tạo. Việc thực hành hoàn toàn thuận lợi và rất trực quan sinh động

+ PTH Động lực

Phòng này được trang bị tương đối đầy đủ và đa dạng các loại mô hình máy chết do các giảng viên khai thác như: hộp vi sai ô tô, gầm, phanh, các đăng truyền lực v.v. của nhiều loại xe đang lưu hành tại Việt Nam. Đặc biệt năm 2003 được trang bị thêm một mô hình động cơ ô tô (dạng dùng cho PTH) của Italia sản xuất, giá trị gần 130.000.000đ. Đây là một hệ thống thực hành tương đối hiện đại và hiệu quả phù hợp với yêu cầu đào tạo Kỹ sư kỹ thuật cơ khí Ô tô hiện nay.

#### **b. PTN các bộ môn**

Hiện tại có 17 PTN, TH của các bộ môn của 5 đơn vị chuyên môn: Khoa Cơ khí, Khoa Điện, Khoa Điện tử, Ban Động lực và Trung tâm thực nghiệm. Các PTN, TH được bố trí tương đối hợp lí, tạm đủ diện tích làm việc [9.2.1.2]. Các thiết bị thí nghiệm luôn được bổ sung và đầu tư mới. Trên 30% PTN, TH đã được đầu tư thiết bị hiện đại, phát huy tác dụng trong đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ [9.2.1.2].

#### **c. PTN chuyên đề**

Loại PTN này được bố trí ngay trong các PTN của 4 Khoa chuyên môn, chủ yếu bao gồm các thiết bị mới phục vụ cho các NCS và công tác NCKH [9.2.1.3].

#### **d. PTN phục vụ chuyển giao công nghệ**

Hiện nay các khoa chuyên môn đều có PTN phục vụ cho công tác NCKH và chuyển giao công nghệ [9.2.1.4].

Từ năm 1995, nhu cầu đào tạo nguồn lao động kỹ thuật cho sự nghiệp công nghiệp hóa & hiện đại hóa ngày càng cao, đi đôi với mở rộng quy mô đào tạo, Nhà trường tập trung nâng cao chất lượng đào tạo. Công tác đầu tư tăng cường năng lực của các PTN, TH ngày càng được tăng cường.

Tổng diện tích các PTN, TH là: 4016 m<sup>2</sup>

Tổng giá trị các PTN, TH là: 21.262.371 đồng

**Điểm mạnh:** Các phòng PTN, TH đủ thiết bị tối thiểu cho các giờ thực hành của người học và theo yêu cầu của từng ngành đào tạo.

Mặt bằng các PTN, TH rộng rãi, đủ diện tích cho sinh viên thí nghiệm [9.2.2.4].

**Tồn tại:** Các PTN bố trí phân tán, khó khăn cho bảo vệ và ổn định điện áp lưới điện.

**Kế hoạch:** Để mở rộng diện tích nhà thực hành, thí nghiệm, nhà trường sẽ khởi công xây dựng vào đầu năm 2006 một nhà thí nghiệm 5 tầng hiện đại với kinh phí xây dựng là 6,9 tỷ VNĐ.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 9.3

### *Trang thiết bị*

Sau 40 năm xây dựng và phát triển, hiện nay Nhà trường đã có cơ sở vật chất, máy móc, trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu, tương xứng với quy mô đào tạo hiện có của Trường.

Trang thiết bị phục vụ dạy và học đa dạng, đủ chủng loại, đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

Trường có 4 trung tâm thí nghiệm của Khoa Điện, Khoa Cơ khí, Ban động lực, Trung tâm tin học với nhiều thiết bị, máy móc hiện đại, tiên tiến [9.3.2.1].

Có 17 PTN, TH phục vụ cho đào tạo của các chuyên ngành, mỗi PTN, TH đều được trang bị các máy móc, thiết bị đặc thù cho chuyên ngành [9.3.2.2].

Có Trung tâm thực nghiệm gồm Xưởng cơ khí và Xưởng điện, được trang bị nhiều chủng loại thiết bị, máy móc đa dạng phục vụ thực tập tay nghề cho sinh viên toàn trường [9.3.2.3].

Cho đến nay Nhà trường đã trang bị 16 bộ trang âm phòng học, thiết bị đồng bộ cho phòng học ngoại ngữ, 77 bộ máy chiếu các loại, máy chủ, máy trạm, đường truyền ADSL cho thư viện và các khoa. Chất lượng các trang thiết bị phục vụ dạy và học thỏa mãn nhu cầu của giảng viên và người học [9.3.2.1]; [9.3.2.2]; [9.3.2.3].

Tần xuất khai thác các trang thiết bị rất lớn, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng đào tạo, nhất là đối với các ngành kỹ thuật. Tổng số giờ khai thác các trang thiết bị trong một năm trên 57.000 giờ [9.3.2.4].

Trang thiết bị phục vụ yêu cầu NCKH đa dạng, đáp ứng yêu cầu của các đề tài NCKH, dự án sản xuất thử nghiệm, thực hành thí nghiệm cho NCS. Chỉ tính từ năm 2001 tới năm 2005 đã có 206 đề tài NCKH, dự án cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Trường của nhiều lĩnh vực, nhiều chuyên ngành khác nhau được thực hiện trên các trang thiết bị hiện đại kể trên [9.3.2.5].

Nhờ chất lượng của trang thiết bị tốt nên từ năm 2001-2005 đã có 292 đề tài NCKH, dự án đã được nghiệm thu, được các Hội đồng nghiệm thu xếp loại khá, tốt [9.3.2.5].

Tần xuất khai thác trang thiết bị cụ thể như sau:

+ Năm 2001 có 16 đề tài khai thác

.....

+ Năm 2005 có trên 116 đề tài khai thác [9.3.2.5].

Nhà trường đã có các quy định thuận tiện cho giảng viên và học viên khai thác các trang thiết bị và PTN [9.3.2.6]; [9.3.2.7].

Ngoài ra Nhà trường còn có hệ thống đồng bộ, phục vụ gián tiếp công tác thực hành thí nghiệm.

Để nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm ngoài các dự án đầu tư chiều sâu từ nguồn ngân sách, Nhà trường còn đầu tư thêm từ 5 đến 7 tỷ đồng để mua mới các trang thiết bị hiện đại cho các PTN, PTH và cơ sở vật chất cho toàn trường từ các nguồn thu hợp pháp. Tổng cộng trong thời gian 5 năm 2001 - 2005 Nhà trường đã đầu tư khoảng 35 tỷ đồng cho việc xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo.

Các PTN, PTH đều có đủ các máy móc, trang thiết bị cần thiết để thực hiện các bài thí nghiệm môn học theo yêu cầu của chương trình chuẩn mà Bộ GD&ĐT quy định, với khoảng 94 bài thí nghiệm và 75 bài thực hành cho mỗi năm học.

Một số các hệ thống thí nghiệm hiện đại mới được đầu tư gần đây:

- + Trung tâm gia công VMC - 850 giá trị 50.000 USD, sản xuất 2003;
- + Phòng thực hành CAD/CAM giá 110.000 USD, sản xuất 2000;
- + Máy cắt dây EDM CW 322 - S, giá trị 60.000 USD, sản xuất năm 2002;
- + Bàn thực hành lập trình PLC giá 170.000 USD;
- + Hệ thống CIM mở, giá trị 155 000 USD, sản xuất năm 2005;
- + Hệ thống điều khiển DCS, thiết bị của hãng ABB, giá trị 80.000 USD, sản xuất năm 2005;
- + Thiết bị tạo mẫu nhanh Z510 của hãng Z-corp, giá 80.000 USD, sản xuất năm 2005;

Trong giai đoạn 2001 - 2005 Nhà trường đã trang bị thêm 907 máy móc, thiết bị các loại có giá trên 5.000.000 đ/chiếc.

Công tác bảo trì được quan tâm thường xuyên. Hàng năm Nhà trường có kế hoạch sửa chữa thiết bị từ đầu năm theo đề nghị của các PTN, các trung tâm.

**Tồn tại:**

Chưa tách biệt được khu vực đặt các máy móc, thiết bị phục vụ NCKH với khu vực các máy móc, thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành nói chung.

Nguồn điện phục vụ thí nghiệm có lúc thiếu ổn định.

**Kế hoạch:**

Để đáp ứng quy mô và chất lượng đào tạo ngày càng tăng, Nhà trường có kế hoạch đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở vật chất (Nhà thí nghiệm, Văn phòng các Khoa, Bộ môn, Giảng đường A10 và A11, trạm biến thế.v.v), mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và học tập. Hoàn thiện các điều kiện để thực hiện khẩn trương dự án đào tạo giáo viên trung học phổ thông và trung học chuyên nghiệp bằng nguồn kinh phí của ADB, giai đoạn 1 đã được chính phủ phê duyệt 2 triệu USD.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 9.4**

### ***Đủ thiết bị tin học phục vụ giảng dạy, NCKH, lãnh đạo quản lý***

Ngày nay, thiết bị tin học và công nghệ thông tin là công cụ hỗ trợ thiết yếu đối với hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH, công tác quản lý và điều hành. Vì vậy, Nhà trường rất chú trọng đầu tư mua sắm các thiết bị tin học đáp ứng yêu cầu của các hoạt động này.

Hệ thống máy tính phục vụ cho giảng viên và người học để giảng dạy và học tập theo yêu cầu của ngành đào tạo bao gồm: PTH tin học số 1, 2, 3 (Thuộc trung tâm thực hành, thí nghiệm Khoa Điện tử); PTH AutoCAD; hệ thống máy tính của các PTN chuyên ngành kỹ thuật; hệ thống máy tính của thư viện điện tử; hệ thống phục vụ trực tiếp công tác dạy học tại giảng đường v.v. với số lượng 470 máy tính, 05 máy chủ, 12 máy in, 37 projector, 40 bộ over head, 01 máy vẽ A<sub>0</sub> [9.4.1.1].

Hệ thống máy tính để phục vụ cho nhu cầu NCKH của các giảng viên và người học bao gồm hệ thống máy tính của các PTN chuyên ngành kỹ thuật; hệ thống máy

tính của thư viện điện tử; hệ thống máy tính trang bị cho các bộ môn.v.v. với số lượng 300 máy tính, 05 máy chủ, 69 máy in, 01 máy vẽ A<sub>0</sub> [9.4.1.2].

Hệ thống máy tính phục vụ công tác quản lý và điều hành bao gồm hệ thống máy tính của Ban Giám Hiệu, Các Phòng chức năng, Các văn phòng khoa, ban và các bộ môn.v.v. với số lượng 80 máy tính, 48 máy in [9.4.1.3].

Hệ thống máy tính được kết nối trong mạng nội bộ của Trường [9.4.2.1].

Hệ thống máy tính kết nối với Internet bằng 05 đường truyền ADSL [9.4.2.2].

Nhà trường đã thành lập bộ phận quản trị mạng trực thuộc Phòng Đào tạo để duy trì hệ thống mạng hoạt động ổn định và có hiệu quả, [9.4.2.2].

Nhà trường còn chú trọng đầu tư các phần mềm cần thiết đáp ứng các yêu cầu thực tế như phần mềm dạy học, phần mềm quản lý (Edusolf, Libol, MISA .v.v.) [9.4.2.6], phần mềm điều khiển các thiết bị thí nghiệm, phần mềm đo lường.v.v.

**Điểm mạnh:** Hệ thống máy tính đã kết nối Internet đến tận bộ môn tạo điều kiện cho giảng viên được sử dụng máy tính để khai thác tài liệu trên mạng phục vụ giảng dạy và NCKH. Đến năm học 2004-2005 tất cả bộ môn đăng ký đề tài NCKH cấp trường xây dựng bài giảng điện tử [9.4.2.3].

Hệ thống máy tính của Trường về cơ bản đã đáp ứng cho người học trong quá trình làm bài tập lớn, đồ án môn học. Đa số sinh viên sử dụng máy tính để thiết kế đồ án tốt nghiệp [9.4.2.4]. Hệ thống máy tính của thư viện điện tử cho phép người học khai thác tài liệu trên mạng miễn phí [9.4.2.5].

**Tồn tại:** Hệ thống máy tính của Nhà trường chưa đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng của sinh viên. Số lượng đường truyền ADSL còn hạn chế nên chưa đáp ứng được nhu cầu khai thác sử dụng Internet của CBVC và sinh viên trong trường.

**Kế hoạch:** Nhà trường sẽ đầu tư thêm hệ thống máy tính để đáp ứng nhiều hơn nhu cầu của người học, mở thêm các đường truyền tốc độ cao. Đầu tư thêm các phần mềm về quản lý, các phần mềm chuyên ngành.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 9.5

### ***Có đủ diện tích lớp học, KTX, sân bãi cho các hoạt động văn hoá, thể thao***

Để đáp ứng quy mô đào tạo ngày càng tăng, trong các chủ trương định hướng của mình, Đảng uỷ, Ban Giám Hiệu Nhà trường luôn quan tâm đến việc cải tạo và xây dựng mới hệ thống giảng đường, KTX, các sân tập thể thao, sân chơi, vườn hoa cây cảnh nhằm tạo những điều kiện học tập sinh hoạt tốt nhất có thể cho sinh viên nhằm tạo những điều kiện học tập sinh hoạt tốt nhất có thể cho sinh viên [9.5.1.3]. Ngoài ra Nhà trường còn chú trọng đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác đào tạo [9.5.1.1].

Theo quy hoạch giai đoạn I của Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp không nằm trong quy hoạch, nên trong 10 năm qua Nhà trường không được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất như: giảng đường, KTX, nhà làm việc, nhà thí nghiệm.v.v. nhưng bằng nỗ lực của mình Nhà trường đã cải tạo và xây mới nhiều

giảng đường, KTX. Hiện nay diện tích sử dụng [9.5.1.2]; [9.5.1.3] được thống kê theo bảng sau:

TT	Mục đích sử dụng	Tổng diện tích m <sup>2</sup>
1	Nhà lớp học + Nhà TN + Nhà xưởng	6.700m <sup>2</sup> + 1.600m <sup>2</sup> + 2.500m <sup>2</sup>
2	KTX	8.465m <sup>2</sup>
3	Nhà ăn sinh viên	2.040m <sup>2</sup>
4	Nơi vui chơi giải trí (trong nhà và ngoài trời)	3.200m <sup>2</sup> + 378m <sup>2</sup>
5	Vườn hoa, cây cảnh	22.500m <sup>2</sup>
6	Sân vận động	29.000m <sup>2</sup>

Diện tích khu học tập bình quân: 2,1 m<sup>2</sup>/ sinh viên = 10800m<sup>2</sup>/5034SV

Diện tích khu KTX bình quân: 0,84 m<sup>2</sup>/ sinh viên

Diện tích các phòng học được tập trung chủ yếu vào các nhà 3 tầng A6, A7, A8, A9 và dãy nhà cấp 4 ở khu giảng đường I và II. Nhà trường đã khai thác hiệu quả hai khu giảng đường, ngoài ra còn phục vụ cho một bộ phận sinh viên của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh.

Khu KTX gồm các nhà 3 tầng A1, A2, A3 và khu nhà D1, D2, D3 với tổng diện tích 8.465m<sup>2</sup> đáp ứng chỗ ở cho 32% tổng số sinh viên, trong đó có một phần sinh viên của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh [9.5.2.1].

Để quản lý tốt khu giảng đường, KTX Nhà trường đã cử một bộ phận chuyên trách trực theo dõi nội quy khu nội trú nhằm đáp ứng và tạo ra môi trường học tập, sinh hoạt tốt cho người học.

Để tạo điều kiện cho các hoạt động ngoại khoá, văn hoá, thể thao của sinh viên Nhà trường hiện đang có một hội trường lớn, một câu lạc bộ sinh viên, một nhà thi đấu có mái che có diện tích 378m<sup>2</sup>, sân thi đấu thể thao có diện tích 29.000m<sup>2</sup>, khu vui chơi, vườn hoa cây cảnh trong khuôn viên quy hoạch của Nhà trường có diện tích 22.500m<sup>2</sup> [9.5.2.2]; [9.5.2.3].

**Điểm mạnh:** Khu KTX của Nhà trường đã đáp ứng được trên 32% chỗ ở cho sinh viên nội trú tạo điều kiện cho Nhà trường tổ chức các hoạt động tập thể cho sinh viên. Khuôn viên cây xanh của Nhà trường được xây dựng có không gian rộng, xanh, sạch, đẹp rất thuận lợi cho sinh viên vui chơi giải trí.

**Tồn tại:** Khu KTX cho sinh viên còn thiếu rất nhiều so với nhu cầu của người học. Diện tích giảng đường còn thiếu, nhiều nhà cấp 4 đã bị xuống cấp,

**Kế hoạch:** Nhà trường đã có kế hoạch để xây dựng thêm nhà giảng đường 4 tầng A10, A11 cũng như xin đầu tư để xây mới và sửa chữa KTX cho sinh viên.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 9.6

### *Quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất*

Nhà trường xác định việc phát triển, đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất phải gắn với quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất của Trường.

Nhà trường rất chú trọng công tác xây dựng quy hoạch tổng thể, các quy hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn [9.6.1.1]; [9.6.1.2].

Sự phân bổ sử dụng cơ sở vật chất cho các đơn vị của trường theo quy hoạch tổng thể phục vụ nhiệm vụ giảng dạy và NCKH một cách hợp lý [9.6.1.3].

Hàng năm nhà trường luôn có kế hoạch bổ sung quy hoạch tổng thể về phát triển cơ sở vật chất của trường, trên cơ sở đánh giá hiệu quả sử dụng, các yêu cầu mới của nhiệm vụ dạy - học và NCKH để điều chỉnh hợp lý kế hoạch sử dụng cơ sở vật chất để hỗ trợ có hiệu quả nhiệm vụ dạy - học, nhiệm vụ NCKH và các hoạt động chung của Nhà trường [9.6.2.1]; [9.6.2.2]; [9.6.2.3]; [9.6.2.4].

**Điểm mạnh:**

Đại hội Đảng bộ Nhà trường lần thứ XI ngày 22/10/2005 khẳng định " thành tích nổi bật trong nhiệm kỳ qua của Đảng bộ trường là việc chỉ đạo công tác xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo" đã trang bị cơ sở vật chất đủ mạnh phục vụ công tác dạy - học, NCKH và hoạt động chung của Nhà trường.

Công tác xây dựng quy hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phát triển của Nhà trường rất được chú trọng, được tiến hành dân chủ cao, được tiến hành từ các cấp đơn vị cấp dưới xây dựng trên cơ sở đó ở cấp trường tổng hợp, cân đối nên cơ sở vật chất được phát triển rất phù hợp và đã hỗ trợ rất hiệu quả cho nhiệm vụ dạy - học, NCKH và các hoạt động khác trong trường.

Nhà trường đã thực hiện tốt các công tác kiểm kê tài sản hàng năm và các công tác thanh kiểm tra việc sử dụng cơ sở vật chất định kỳ cũng như đột xuất từ cơ sở đó để có kế hoạch bổ sung và điều chỉnh hợp lý về phát triển cơ sở vật chất cũng như sử dụng cơ sở vật chất ngày một hiệu quả hơn.

**Tồn tại:**

Để thực hiện dự án đổi mới giáo dục Đại học và do việc tăng quy mô đào tạo thì yêu cầu tiếp tục cải tạo, xây dựng và đầu tư mới bổ sung, nâng cao năng lực cơ sở vật chất để đảm bảo cơ sở vật chất của Nhà trường ngày càng đáp ứng tốt hơn cho hoạt động đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ.

**Kế hoạch:**

Kế hoạch dự kiến trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục phát triển cơ sở vật chất của Trường và tiếp tục cải tạo, xây dựng và đầu tư mới bổ sung, nâng cao năng lực cơ sở vật chất với hình thức đầu tư mới là chủ yếu với kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản 5 năm tới 74 tỷ đồng, đầu tư thiết bị hơn 30 tỷ đồng.v.v.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 9.7**

### ***Bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, nhân viên và người học***

Việc bảo vệ tài sản chung của Nhà trường cũng như xây dựng và giữ gìn một môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh đã được Đảng uỷ, Ban Giám Hiệu Nhà trường quan tâm, chú trọng từ những năm đầu của quá trình xây dựng và phát triển.

Tổ bảo vệ của Nhà trường được thành lập theo Quyết định của Hiệu trưởng [9.7.1.1], được biên chế trong Phòng CTCT - HSSV và dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng

chí Trưởng phòng. Căn cứ vào các Nghị định, Thông tư của Chính phủ và của ngành Công an Nhà trường đã cụ thể hoá trách nhiệm, quyền hạn và quyền lợi của lực lượng bảo vệ bằng các văn bản cụ thể [9.7.1.2].

Số lượng các nhân viên bảo vệ cũng đã được thay đổi phù hợp với quy mô phát triển của Nhà trường [9.7.1.1] và đã được phân công những khu vực cụ thể trong trường theo từng ca trực để đảm bảo thời gian trực 24h/24h [9.7.2.2]. Ngoài ra, hàng năm lực lượng bảo vệ cũng thường xuyên được Nhà trường bồi dưỡng nghiệp vụ công tác [9.7.1.2]. Lực lượng bảo vệ của Nhà trường luôn phối kết hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan để trao đổi cập nhật các thông tin, tình hình an toàn, an ninh của địa phương nơi trường đóng [9.7.1.2].

Để đảm bảo được công tác bảo vệ tài sản, trật tự và an ninh trong nhà trường thì ngoài việc làm đúng các quy định [9.7.2.2], tổ bảo vệ còn được trang bị các công cụ hỗ trợ hiện đại phục vụ cho công tác đấu tranh trấn áp đối tượng, các phương tiện thông tin liên lạc nhằm cung cấp thông tin kịp thời như: gậy cao su, gậy điện, súng bắn đạn cay, hơi cay, máy bộ đàm. Hai năm một lần lực lượng bảo vệ được trang bị 2 bộ trang phục hè, đông nhằm đảm bảo tính nghiêm túc trong công việc [9.7.2.1]. Nhà trường cũng đã thường xuyên quan tâm đến công tác an toàn phòng chống cháy nổ bằng những hoạt động như tập huấn và cấp chứng chỉ cho lực lượng an toàn viên là thành viên của các đơn vị, trang bị các bình cứu hoả [9.7.2.3]. Ngoài ra trong khu vực KTX còn có đội thanh niên an ninh xung kích phối hợp nhằm đảm bảo an toàn khu nội trú.

**Đánh giá:** Công tác bảo vệ tài sản, an toàn an ninh trong nhà trường đã được thực hiện theo phương thức ngày càng chính quy, hiện đại, đáp ứng được các yêu cầu về đảm bảo trật tự an toàn trong nhà trường nói riêng cũng như địa bàn xung quanh nơi trường đóng. Trong nhiều năm liên tục, nhà trường không để xảy ra các vụ việc gây mất an toàn, an ninh, đảm bảo một môi trường đào tạo an toàn, lành mạnh. Vì vậy, Nhà trường được lựa chọn là điểm in sao đề thi phục vụ kỳ thi Đại học - Cao đẳng hàng năm.

**Tồn tại:** Nhân viên bảo vệ được trẻ hóa nên kinh nghiệm công tác chưa nhiều.

Do địa bàn bảo vệ ngày càng mở rộng trong khi đó lực lượng bảo vệ còn mỏng nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình làm nhiệm vụ.

**Kế hoạch:** Nhà trường cần tuyển dụng thêm các nhân viên bảo vệ có sức khỏe, có đạo đức tốt.

Tạo điều kiện cho lực lượng bảo vệ được tập huấn thường xuyên để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Có kế hoạch, phân công nhiệm vụ rõ ràng để lực lượng bảo vệ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

## **TIÊU CHUẨN 10**

### ***Tài chính và quản lý tài chính***

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là đơn vị hành chính sự nghiệp có thu với cơ quan chủ quản trực tiếp là Đại học Thái Nguyên. Công tác tài chính và quản lý tài chính của Nhà trường bám sát những quy định của luật Ngân sách Nhà nước và Quyết định 280-TC/QĐ/NSNN về việc ban hành hệ thống Mục lục Ngân sách Nhà nước. Hoạt động tài chính của Nhà trường dựa trên cơ sở 04 nguồn thu hợp pháp là ngân sách Nhà nước cấp, kinh phí thu sự nghiệp, kinh phí dự án và kinh phí thu hợp đồng lao động sản xuất. Việc tăng các nguồn tài chính hợp pháp luôn được Nhà trường đẩy mạnh thông qua việc tăng quy mô đào tạo, đẩy mạnh công tác NCKH, tăng cường các dự án chuyển giao công nghệ và lao động sản xuất, phát triển mối quan hệ hợp tác quốc tế.

### **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 10.1**

#### ***Có giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp.***

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là một đơn vị hành chính sự nghiệp có thu, cơ quan chủ quản trực tiếp cấp trên là Đại học Thái Nguyên. Hoạt động Tài chính của Nhà trường gồm có các nguồn thu hợp pháp sau:

Ngân sách Nhà nước cấp [10.1.1.1]. Kinh phí thu sự nghiệp (học phí, lệ phí.v.v.) [10.1.1.2]. Kinh phí dự án [10.1.1.3]. Lao động sản xuất [10.1.1.4].

Các nguồn kinh phí trên đã được nhập vào tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên theo luật Ngân sách Nhà nước [10.1.1.5].

Công tác phân bổ, sử dụng các nguồn thu luôn chấp hành theo Quyết định số: 280-TC/QĐ/NSNN về việc ban hành hệ thống Mục lục Ngân sách Nhà nước.

Các nguồn thu của Nhà trường 5 năm qua được thể hiện [10.1.1.6].

Ngân sách Nhà nước cấp chi thường xuyên cho công tác đào tạo của Nhà trường hàng năm đều tăng, tuy nhiên trên thực tế tỷ trọng so với tổng các nguồn thu của Trường lại giảm xuống (năm 2001 đạt 44,66%; năm 2005 đạt 38,89%). Ngược lại, kinh phí thu học phí, kinh phí dự án đều tăng lên (năm 2001 đạt 31,09%; năm 2005 đạt 35,79%) kinh phí dự án (năm 2001 đạt 0%; năm 2004 đạt 4,08%) kinh phí thu từ lao động sản xuất (năm 2001 đạt 24,25%; năm 2005 đạt 25,23%) . Điều đó khẳng định Nhà trường đã dần có sự tự chủ về mặt tài chính, chủ động tạo ra các nguồn thu hợp pháp khác, tiến tới ngân sách Nhà nước cấp không còn giữ vai trò quyết định trong các hoạt động của Nhà trường.

Trong báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp lần thứ X đã thể hiện rõ chiến lược để tăng các nguồn tài chính theo quy định và hợp pháp đó là: "tăng quy mô đào tạo, ngành nghề đào tạo và cấp đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng bộ và của Nhà trường", đẩy mạnh công tác NCKH, tăng cường các dự án chuyển giao khoa học công nghệ và lao động sản xuất, phát triển mối quan hệ hợp tác quốc tế tích cực tham gia các dự án trong nước và nước ngoài để tranh thủ sự tài trợ các thiết bị giảng dạy và học tập [10.1.2.1].



Để thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Nhà trường lần thứ X, trong quy hoạch phát triển Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2001- 2005, đã xây dựng các chiến lược để tăng kinh phí của các nguồn thu hợp pháp để đáp ứng các hoạt động của Trường, cụ thể [10.1.2.2].

Chiến lược và kế hoạch phát triển đào tạo: Tăng quy mô đào tạo, đến năm 2005 quy mô đạt xấp xỉ 10.000 HSSV, để tăng nguồn kinh phí cho Nhà trường.

Chiến lược và kế hoạch phát triển NCKH: Đẩy mạnh các dự án chuyển giao khoa học công nghệ và ứng dụng vào thực tế, tạo ra nguồn thu lớn bổ sung kinh phí cho các hoạt động chung của Nhà trường.

Chiến lược và kế hoạch phát triển các mối liên kết với môi trường kinh tế - xã hội. Liên kết, phối hợp với các cơ sở sản xuất công nghiệp của địa phương, cũng như trung ương để ứng dụng, chuyển giao các thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến phù hợp với nền sản xuất công nghiệp.

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã xây dựng các chiến lược để khai thác các nguồn thu phục vụ tái đầu tư phát triển trường.

Chiến lược và kế hoạch phát triển cơ sở vật chất: Cải tạo, xây dựng mới để đảm bảo đủ lớp học, nhà thí nghiệm và thực hành, nhà làm việc, nhà ăn tập thể, nhà KTX. Cải tạo, hoàn thiện đồng bộ hệ thống kỹ thuật hạ tầng, đề nghị đưa trường vào quy hoạch phát triển chung của Đại học Thái Nguyên.

Có kế hoạch bổ sung đầy đủ thiết bị máy móc phục vụ đào tạo và NCKH cho các khoa nòng cốt của Trường.

**Điểm mạnh:** Năm năm qua (2001-2005), Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã có các biện pháp tổ chức, quản lý và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo kinh phí từ các nguồn thu hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác mà các chiến lược của Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ X và kế hoạch trung hạn giai đoạn 2001-2005 của Nhà trường đã đề ra được thể hiện trên các lĩnh vực sau:

Dành 56,3% các nguồn thu để tăng cường cơ sở vật chất, 40% nguồn thu học phí chính quy để chi trả phần tăng lương theo quy định của Chính phủ. Nhà trường đã xây dựng các quy định nội bộ về tài chính: thu tiền trông xe, thu và sử dụng tiền KTX sinh viên [10.1.2.3], xây dựng quy định mức thu học phí cho từng năm học [10.1.2.4], đặc biệt năm 2004, căn cứ vào khả năng tài chính của đơn vị (Chủ yếu là các nguồn thu hợp pháp) Nhà trường đã xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ dựa trên quy định của Nghị định 10 của Chính phủ [10.1.2.5].

Năm 2004, với sự hỗ trợ của công tác hợp tác quan hệ quốc tế Nhà trường đã được tài trợ thông qua dự án 3 thành phố Thái Nguyên- Forbach( Pháp) - Saubruc Ken ( Đức) thiết bị PLC, thí nghiệm tự động hoá - năng lượng mặt trời với tổng giá trị là 2,1 tỷ đồng [10.1.2.6].

**Tồn tại:** Từ năm 1994 đến nay, do nằm ngoài quy hoạch nên Nhà trường không được cấp ngân sách để xây dựng mới lớp học, KTX sinh viên và các công trình khác.

**Kế hoạch:**

Tăng quy mô đào tạo một cách hợp lý để tạo nguồn thu hợp pháp. Mục tiêu đến năm 2010 tổng nguồn thu học phí của Nhà trường đạt khoảng 40-50 tỷ đồng/năm, ngân sách Nhà nước đạt 20-25 tỷ đồng/năm.

Đẩy mạnh công tác NCKH, chuyển giao công nghệ tạo ra nguồn thu lớn bổ sung kinh phí cho các hoạt động đào tạo và hoạt động chung của Nhà trường. Đối với doanh thu từ NCKH, chuyển giao công nghệ và lao động sản xuất trong những năm tới có thể đạt mức 25-30 tỷ đồng/năm.

Quý IV năm 2005 củng cố, tổ chức sắp xếp lại khu dịch vụ nhà ăn tập thể sau khi đã cải tạo lại, để phục vụ cán bộ, giáo viên, sinh viên trong trường và tạo ra nguồn thu cho đơn vị.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

## **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 10.2**

### ***Công tác lập kế hoạch tài chính được chuẩn hoá, công khai hoá, minh bạch và đúng quy định***

Việc lập kế hoạch tài chính được thực hiện vào những ngày đầu của năm tài chính. Căn cứ vào kế hoạch đào tạo của Nhà trường, bộ phận kế hoạch tài vụ dưới sự chỉ đạo của Ban Giám Hiệu sẽ lập kế hoạch tài chính thể hiện qua các nội dung sau:

Ngân sách Nhà nước cấp, kinh phí thu sự nghiệp (học phí, lệ phí.v.v.) và các nguồn thu hợp pháp khác [10.2.1.1].

Công tác lập kế hoạch tài chính của Nhà trường luôn bám sát nhiệm vụ chuyên môn của từng Phòng, Khoa, Ban, Trung tâm và các đơn vị trong trường. Cụ thể là:

Kế hoạch Ngân sách cho hoạt động chung của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp từ năm học 2000 - 2001 đến năm học 2004 - 2005 hầu hết đã thực hiện chính xác và được lập cụ thể theo hệ thống mục lục ngân sách Nhà nước cho từng nguồn kinh phí như sau: Lập dự toán ngân sách chi đào tạo [10.2.1.2]; Lập dự toán thu, chi học phí, lệ phí [10.2.1.3].

Đối với công tác NCKH, trong những năm gần đây Nhà trường đều chi vượt so với dự toán ban đầu. Các đề tài NCKH của sinh viên, Nhà trường đã chủ động điều chỉnh từ các nguồn thu hợp pháp khác ngoài ngân sách Nhà nước (học phí chính quy) để chi cho các đề tài NCKH của sinh viên, mức chi cho một đề tài là 2 triệu đồng/1 đề tài. Dự kiến trong những năm tới, Nhà trường sẽ cố gắng đẩy mạnh việc đầu tư cho NCKH, chuyển giao công nghệ và lao động sản xuất bằng cách nâng cao nguồn thu khác ngoài ngân sách, đặc biệt là nguồn thu mang tính chất xám.

Trong 5 năm qua, kế hoạch ngân sách đào tạo lại và bồi dưỡng CBCV đã được lập và thực hiện cao hơn so với dự toán. Điều này thể hiện rất rõ qua Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Nhà trường lần thứ X: “Để có được đội ngũ cán bộ và giảng viên mạnh, đủ sức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, thì phải tăng cường đội ngũ CBVC, đặc biệt là đội ngũ giảng viên cả về số lượng và chất lượng”,. Vì vậy, trong những năm gần đây, Nhà trường luôn có các chính sách khuyến khích, động viên nhằm nâng cao trình độ của CBVC trong trường như Đại hội CBVC năm 2002 - 2003 đã công khai mức thưởng cho các cán bộ hoàn thành NCS đúng thời hạn là 10.000.000đ/NCS, nếu chậm hơn so với thời hạn 1 năm thì thưởng 5.000.000đ/NCS, nếu bảo vệ chậm hơn 2 năm thì mức thưởng là 2.000.000đ/NCS [10.2.2.1].

Kế hoạch tài chính của Nhà trường luôn đáp ứng đầy đủ yêu cầu đào tạo, yêu cầu NCKH và các hoạt động chung của Trường cũng như bám sát quy hoạch phát

triển của Trường, trên cơ sở các quy định tài chính của Nhà nước, hướng dẫn sử dụng một số chế độ chính sách đối với cán bộ giảng dạy trong Đại học Thái Nguyên [10.2.2.2]. Do đó, trước khi lập kế hoạch năm tài chính, Ban Giám Hiệu Nhà trường đã chỉ đạo yêu cầu tới các tổ, bộ môn, khoa, phòng ban trong trường xây dựng kế hoạch trang bị vật chất, khối lượng giờ giảng, các nhu cầu hoạt động khác phục phụ công tác giảng dạy và học tập để nhà trường tổng hợp xây dựng kế hoạch tài chính. Căn cứ vào đó Nhà trường tổ chức Hội nghị công khai quyết toán ngân sách đào tạo năm trước, công khai dự toán và phân bổ ngân sách cho các hoạt động năm tài chính [10.2.2.3]; [10.2.2.4]. Hình thức công khai tài chính:

Trực tiếp báo cáo trong kỳ họp giao ban cán bộ chủ chốt vào những tháng đầu năm tài chính của Nhà trường [10.2.2.5].

Niêm yết công khai tài chính tại bộ phận kế toán của Nhà trường.

Từ năm 2002, công tác quản lý tài chính của Nhà trường đã được tin học hoá thông qua việc sử dụng phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp [10.2.2.6].

Kết quả các đợt thanh tra, kiểm tra, kiểm toán Nhà nước trong vòng 3 năm liên tục trở lại đây về tài chính của Nhà trường đã không vi phạm các quy định về quản lý tài chính theo kết luận của kiểm toán Nhà nước [10.2.2.7], biên bản kiểm tra, thẩm tra hàng năm của Đại học Thái Nguyên.

#### **Đánh giá:**

Công tác quản lý tài chính của Nhà trường được sử dụng bằng phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp đã đáp ứng được sự chuẩn hoá, chính xác, kịp thời.

Hàng năm đều công khai các nguồn tài chính, công khai việc phân bổ, có báo cáo tổng kết công tác tài chính hàng năm trước hội nghị giao ban cán bộ chủ chốt của tháng đầu năm tài chính

Qua các đợt kiểm toán, thanh tra tài chính, kiểm tra của Đại học Thái Nguyên, của Bộ GD&ĐT, trong vòng 3 năm liên tục trở lại đây đều được đánh giá công tác tài chính của Nhà trường là tốt, không vi phạm các quy định về quản lý tài chính.

**Tồn tại:** Việc giao dự toán chi ngân sách đào tạo cho trường còn chậm (năm 2004 đến tháng 8 mới giao dự toán chính thức) nên việc phân bổ tài chính cho các đơn vị trong trường gặp rất nhiều khó khăn.

#### **Kế hoạch:**

Trên cơ sở các chỉ tiêu đã đạt được trong những năm qua, phương hướng trong những năm tới của Nhà trường là phát huy việc phân bổ và sử dụng đúng mục đích các nguồn thu nhưng vẫn phải đảm bảo thực hiện chủ trương tiết kiệm có hiệu quả. Cụ thể là:

Quý IV năm 2005 và đầu năm 2006 đã làm xong thủ tục và khởi công xây dựng nhà thí nghiệm 5 tầng và đầu năm 2006 sẽ khởi công nhà làm việc các Khoa, Bộ môn bằng nguồn thu học phí và các thu hợp pháp của Nhà trường với tổng kinh phí là 11 tỉ đồng [10.2.2.8].

Quý I năm 2006 khởi công xây dựng nhà giảng đường A11 năm tầng với tổng kinh phí 7, 28 tỉ đồng [10.2.2.9].

Định hướng trong những năm tới xây dựng mỗi Khoa, Trung tâm trong trường thành một khu riêng bao gồm: Nhà làm việc của các Bộ môn và Khoa, PTN, phòng nghiên cứu chuyên dùng

Tập trung triển khai Dự án phát triển giảng viên Trung học phổ thông và Trung học chuyên nghiệp do ADB tài trợ với tổng kinh phí Dự án : 53 tỉ đồng.

Ngoài ra, song song với việc tăng cường các nguồn thu, Nhà trường cũng tăng cường các khoản đầu tư cho con người như phần đầu chi phúc lợi bình quân cho mỗi CBVC: 4 - 5 triệu đồng/ người/năm.

Năm 2006 nhà trường dự kiến mức thưởng cho các cán bộ hoàn thành NCS đúng thời hạn là 40.000.000đ/NCS, nếu chậm hơn so với thời hạn 1 năm thì thưởng 20.000.000đ/NCS, nếu bảo vệ chậm hơn 2 năm thì mức thưởng là 10.000.000đ/NCS, hỗ trợ 20 triệu đồng cho CB hoàn thành NCS nước ngoài đúng hạn, hỗ trợ 100% tiền học phí cho cán bộ, giáo viên, viên chức đi học Cao học, NCS, hỗ trợ tối đa các khoản kinh phí mua tài liệu.

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2

### **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ 10.3**

#### ***Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả***

Trong điều kiện ngân sách Nhà nước cấp cho công tác đào tạo chỉ đạt 40% kế hoạch được giao, đồng thời mức thu nộp học phí của học sinh, sinh viên còn quá thấp chưa đủ phần bù đắp ngân sách cấp còn thiếu hụt. Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã khắc phục khó khăn trên, chủ động phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, có trọng tâm, minh bạch và đúng quy định, đáp ứng các chiến lược phát triển của Nhà trường.

Việc phân bổ tài chính được tiến hành dựa trên cơ sở dự toán chi ngân sách đào tạo hàng năm được Đại học Thái Nguyên phê duyệt và quy hoạch phát triển trung hạn giai đoạn 2001 - 2005 cũng như quy hoạch tổng thể đã định hướng cho từng năm. Nhà trường sẽ chủ động phân bổ kinh phí cho các nhóm chi theo mục lục ngân sách quy định bao gồm:

Nhóm chi cho con người: Lương cơ bản, phụ cấp lương, phụ cấp ưu đãi, các khoản đóng góp, tiền thưởng, phúc lợi, học bổng sinh viên.

Nhóm chi nhiệm vụ chuyên môn: Các khoản chi phục vụ công tác giảng dạy và học tập của cán bộ, sinh viên

Nhóm chi cho đầu tư phát triển: Xây dựng nhà cửa, đường nội bộ, vườn hoa cây cảnh.v.v., mua sắm thiết bị phục giảng dạy và học tập.

Nhóm chi khác

Hàng năm, Nhà trường lập kế hoạch phân bổ cụ thể cho các Khoa, Ban, Trung tâm. Để các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư mua sắm trang thiết bị đáp ứng cho công tác giảng dạy và học tập, trên cơ sở phù hợp với nhiệm vụ của các đơn vị được giao trong năm và nộp báo cáo lên trường.

Căn cứ vào kế hoạch phân bổ của các đơn vị, cùng với kế hoạch chung, Nhà trường phân bổ kinh phí đúng quy định về tài chính, đáp ứng những nhiệm vụ trọng tâm và được ưu tiên hàng năm cũng như phục vụ chiến lược phát triển đào tạo, chiến lược phát triển NCKH, chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ, chiến lược phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật và công khai toàn bộ việc phân bổ kinh phí được sử dụng năm tài chính trước toàn thể cán bộ viên chức của Trường [10.3.2.1].

Trên cơ sở phân bổ tài chính, Nhà trường sẽ căn cứ vào đó để sử dụng tài chính một cách hợp lý, có hiệu quả và theo đúng quy định của Nhà nước. Chính nhờ vậy, Nhà trường đã được đánh giá rất cao trong công tác phân bổ và sử dụng tài chính qua các đợt kiểm toán Nhà nước, thanh tra Tỉnh Thái Nguyên, thẩm định quyết toán của Đại học Thái Nguyên và không bị xuất toán bất kỳ một khoản chi nào của đơn vị [10.2.2.6].

Việc sử dụng kinh phí hợp lý và có hiệu quả trong vòng 3 năm qua được thể hiện từ khâu lập kế hoạch nhu cầu thông qua kho bạc Nhà nước Tỉnh Thái Nguyên đến thực hiện kế hoạch đều giải quyết dứt điểm không để số dư tồn đọng chuyển sang năm sau hoặc bị thu hồi hoặc trả lại Nhà nước [10.3.2.2].

Việc sử dụng tài chính một cách hợp lý và có hiệu quả được biểu hiện trước hết ở việc nâng cấp cơ sở vật chất của Nhà trường. Trong những năm qua do Nhà trường nằm ngoài quy hoạch chung của Đại học Thái Nguyên nên không được đầu tư kinh phí xây dựng cơ bản. Nhà trường đã tiết kiệm chi để dành 53,6% từ nguồn thu hợp pháp khác và một phần ngân sách cho chương trình mục tiêu được ưu tiên dành cho xây dựng một nhà lớp học 3 tầng, xây mới một nhà thư viện, xây mới một nhà điều hành, sửa chữa lớp học, PTN, nhà ăn tập thể sinh viên, KTX sinh viên, làm mới nhiều đoạn đường bê tông, xây mới nhiều vườn hoa cây cảnh quanh Nhà trường với tổng kinh phí là: 16,733 tỉ đồng [10.3.2.3]. Nhà trường đã ưu tiên đầu tư cho các PTN của các đơn vị mới được thành lập như: Khoa Sư phạm Kỹ thuật, Khoa Điện tử - Viễn thông, đồng thời trang bị chiều sâu cho các khoa lớn như Khoa Cơ khí, Khoa Điện, Trung tâm Thực nghiệm LDSX với tổng kinh phí đầu tư là: 24,4 tỉ đồng [10.3.2.4].

Trong vòng 3 năm liên tục trở lại đây, kinh phí được sử dụng đúng quy định, hợp lý, có hiệu quả còn được thể hiện việc lập dự toán chi ngân sách, kế hoạch chi tiền mặt tại kho bạc Nhà nước Thái Nguyên đúng thời hạn quy định theo tháng, quý, năm. Việc giải ngân trong 3 năm qua theo kế hoạch từng tháng, từng quý được đáp ứng kịp thời, chính xác, đầy đủ, không để số dư chuyển sang năm sau hoặc bị thu hồi nộp lại cho Nhà nước do không tiêu được.

Từ năm 2001 đến năm 2005, Nhà trường đầu tư kinh phí NCKH cho các đề tài của sinh viên với tổng kinh phí là 346,195 triệu đồng [10.3.2.5]. Đồng thời Nhà trường cũng chú trọng đầu tư kinh phí nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên, hỗ trợ tiền học phí và thưởng cho những cán bộ giảng viên làm đề tài NCS đúng thời hạn với tổng số tiền là 446,56 triệu đồng [10.3.2.6].

#### ***Đánh giá:***

Trong vòng 3 năm liên tục trở lại đây, Trường được đánh giá là đơn vị chấp hành các quy định về quản lý và sử dụng kinh phí tốt, không bị xuất toán một khoản chi nào.

Ngân sách cấp cho công tác đào tạo được sử dụng và đề nghị quyết toán hết, không để tồn đọng tại kho bạc chuyển sang năm sau.

#### ***Tồn tại:***

Do ngân sách cấp cho các đề tài NCKH (cho các đề tài cho học sinh, sinh viên) quá hạn chế nên Nhà trường phải điều chỉnh đầu tư làm ảnh hưởng đến công tác phân bổ chung của nhà trường .

***Kế hoạch:***

Để đảm bảo sự phân bổ và sử dụng tài chính đúng quy định của Nhà nước, hợp lý, minh bạch và có hiệu quả, Nhà trường sẽ tiến hành phân bổ kinh phí cho từng nhóm chi, mục chi sát hơn với dự án trung và dài hạn của Nhà trường.

***Tự đánh giá:*** Đạt mức 2

## PHIẾU GHI KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Ngày 15 tháng 11 năm 2005

Mã trường: ĐH KTCN Tên trường: Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp - ĐH Thái Nguyên Khối ngành: kỹ thuật Công nghệ Ngày nộp Báo cáo tự đánh giá: Ngày 15 tháng 11 năm 2005	① Chưa đạt mức 1 ② Đạt mức 1 ③ Đạt mức 2 ④ Không đánh giá
--	--

<b>Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu</b> 1.1 ② 1.2 ② <b>Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý</b> 2.1 ② 2.2 ② 2.3 ② 2.4 ② 2.5 ② <b>Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo</b> 3.1 ② 3.2 ② 3.3 ② 3.4 ② <b>Tiêu chuẩn 4: Các hoạt động đào tạo</b> 4.1 ② 4.2 ① 4.3 ② 4.4 ② 4.5 ② <b>Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên</b> 5.1 ② 5.2 ② 5.3 ② 5.4 ② 5.5 ② 5.6 ① 5.7 ② 5.8 ② 5.9 ② 5.10 ②	<b>Tiêu chuẩn 6: Người học</b> 6.1 ② 6.2 ② 6.3 ② 6.4 ② 6.5 ② 6.6 ① 6.7 ② 6.8 ② 6.9 ② <b>Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ</b> 7.1 ② 7.2 ② 7.3 ② 7.4 ② 7.5 ② <b>Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế</b> 8.1 ② 8.2 ② 8.3 ① <b>Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác</b> 9.1 ② 9.2 ② 9.3 ② 9.4 ② 9.5 ② 9.6 ② 9.7 ② <b>Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính</b> 10.1 ② 10.2 ② 10.3 ②
--	--

### TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

	Mức độ	Mức 1	Mức 2
Số tiêu chí đạt được		4	49